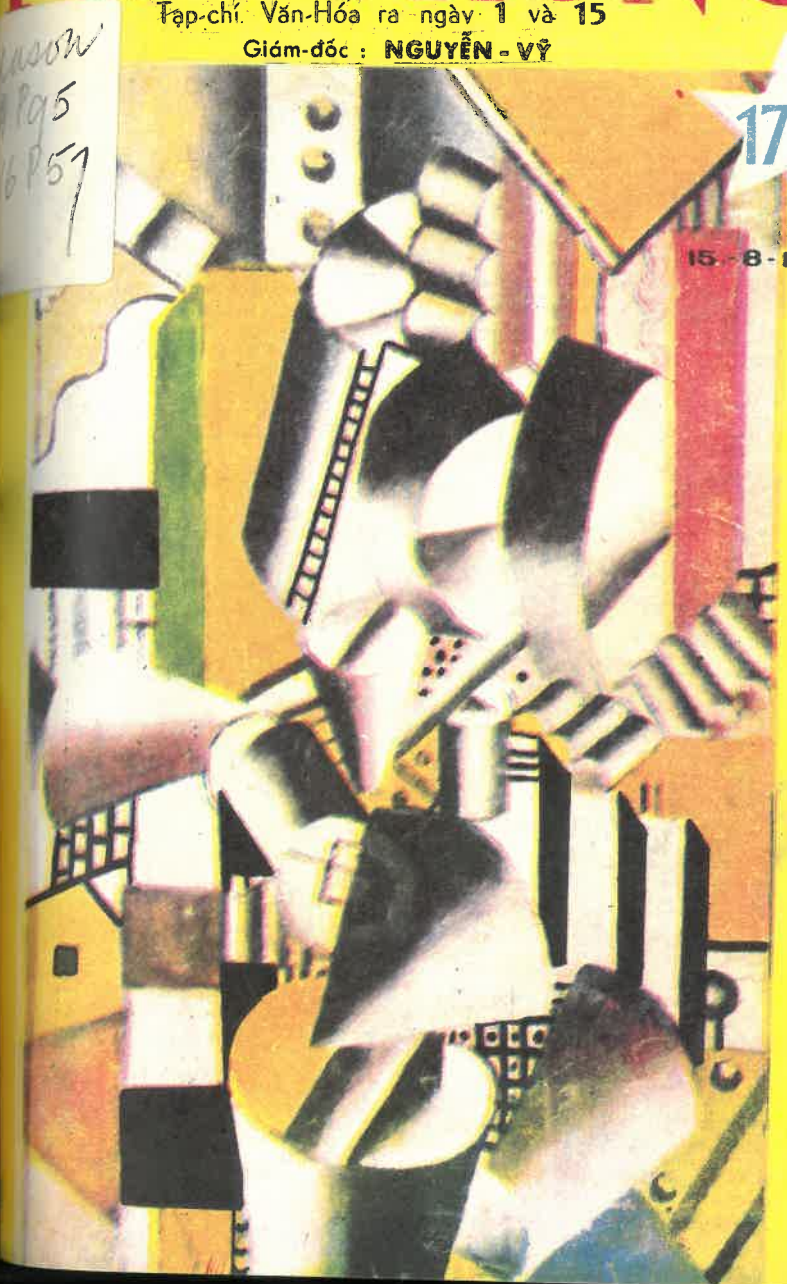


PHỐ THÔNG

Tạp chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15
Giám-đọc : NGUYỄN - VỸ

178

15-8-1966



Handwritten note: Mason Pg 5 6 P 57



tối khi đi ngủ



sau mỗi bữa ăn

bài học vệ sinh thường thức



sáng sớm thức dậy



Perlon

bạn của răng

Có thể rằng các em quên chải răng sau mỗi bữa ăn, nhưng các em phải giữ đúng phép vệ - sinh thường thức tối cần này: chải răng sáng sớm thức dậy và tối khi đi ngủ.

Thuốc đánh răng **Perlon** sẵn sàng phục vụ các em với ly tử FLUOR màu nhiệm, bảo vệ ngà răng chống sâu răng.

NGUỒN VUI = SỨC KHỎE

của mọi người và
trong mọi gia - đình



NƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐÀU
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH, SỐNG LÂU YÊU ĐỜI

LE SECOURS

Công - Ty Bảo-Hiêm và tái Bảo-Hiêm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

10, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hay hỏi thăm liền chớ ngần ngại. Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm.

Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện-thoại số. 26.893

31.33 Đường Lãn-Ông CHOLON

- Đặt biệt các món ăn Tiều
- Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

PHỒ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HOÀ VIỆT-NAM
PHỒ BIÊN VĂN-HOÀ ĐÔNG-TÂY KIM-CỔ

Giám-đọc, Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ VIII * số 178 * 15-8-1966

1.— Bến Hải (thơ)	Nguyễn-Vỹ	7
2.— Tâm-sự (bức thư Paris)	Nguyễn-văn-Cần	8 — 14
3.— Chiến thuật «thanh dã» của tướng Nga. Ng. từ Quang		15 — 22
4.— Nhật ký của 1 người lính (truyện) . . .	Nhất Tuấn	23 — 26
5.— Xuân-thân-Quân (người chiến quốc) . . .	Thiếu Sơn	27 — 34
6.— Con gió chiều nay (thơ)	Ngọc Hà	35
7.— Bến Hải, Huế, Saigon	Tâm Trí	36 — 41
8.— Một số thi ca	Phạm văn Sơn	42 — 52
9.— Tuổi thơ (thơ)	Hà	53
10.— Giang san Việt-Nam : Ai về Bình-dịnh .	Hoàng Sa	54 — 62
11.— Hai mươi lăm phút cuối cùng (truyện dịch)	Trần-v-Lý	63 — 70
12.— Tuổi, chàng trai	Nguyễn Vỹ	71 — 79

13 —	Nổi tiếng (thơ)	Hoàng thị Thủy Tiên	89
14 —	Tình đất (truyện ngắn)	Tôn Tuấn Kiệt	81 — 86
15 —	Những người dân bả lạng danh	Tân Phong	87 — 92
16 —	Tan nát (thơ)	Hồ thị Đông Mai	93
17 —	Kỹ nghệ loài nhện	Nhà Điền	94 — 101
18 —	Minh ơi !	Diệu Huyền	102 — 112
19 —	Tiếng nói gái trai thế hệ :	N.T.T	113 — 120
20 —	Bạn đọc viết		121 — 1300

● Tranh trong bài : họa sĩ Ngọc - Dũng.

● Tranh bìa : của họa sĩ Léger.



★ Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thê-lệ chung của các tạp-chi quốc-tế).

★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

★ Các sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chi PHỒ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích tạp-chi PHỒ - THÔNG » và đừng viết tắt.

★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

★ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHỒ THÔNG, printed in Việt-Nam.

● Tổng phát hành PHỒ - THÔNG toàn quốc :
ĐỒNG NAI, 270, Đề-Thám — Saigon

● Tổng-phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu

● Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique

● Our general agent in Europa & Africa
LONG-HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vê
(vente — abonnements — Publicité)

bến hải

Một trời xanh, xanh biếc,
Một mây trắng trôi... trôi.
Hăm-lăm-triệu dân Việt,
Một giọng nước chia đôi.

Một nhịp cầu ngăn-ngủi,
Một bên anh, bên tôi.
Một bước, qua gần gũi,
Một nhìn, quá xa xôi.

Một màu da, sắc tóc,
Một ánh mắt, làn môi :
Một nét sần tang tóc,
Một khối hận chia phôi.

Một quốc-sĩ oanh-liệt,
Một dân tộc kiên khôi.
Một giọng máu anh-kiệt,
Hai kẻ thù ! Than ôi!..

★ NGUYỄN-VỸ

(Bến-Hải, 5-66)



A I « Bức Thư Paris » trước, tôi đã nói về sự việc quốc - tế, vì thế, trong Thư này, tôi sẽ nói về *minh* vậy.

Chiều thứ bảy 12-3, tôi đến viện bảo tàng Guimet ở Métro Jéna để nghe anh bạn nhạc-sĩ Trần-văn-Khê nói về âm điệu trong nhạc cổ Việt-Nam.

Mặc dầu là chiều thứ bảy, khán giả cũng khá đông (bên này thứ bảy và chủ nhật, thường thường họ đi Week-End), nhưng phần đông khán giả lại là người Âu-phương, còn Việt-Nam chỉ chừng mười mấy người mà thôi. Vì vậy, tôi đã lo ngại rằng khán giả Âu-phương khó thông cảm các âm điệu và các cây đàn Việt-Nam; nhưng anh bạn Trần-văn-Khê đã trình bày một cách gọn gàng, tinh tường và dễ hiểu, nên họ đã tỏ vẻ rất hài lòng (cứ theo những tràng pháo vỗ tay và cách bàn tán sau khi diễn-giả dứt lời).

* NGUYỄN-VĂN-CỒN
(Paris)

BỨC
THƯ
PARIS

TÂM SỰ

• Tô quốc trăm luân
nhân hữu trách,
giang hồ lưu lạc ngã
vô gia »

BỨC THƯ PARIS

Khi nghe anh bạn Khê gảy đàn thập lục, kéo đàn cò (nhị) hay đánh trống cổ, mình tưởng đâu như đang ở quê nhà : những tiếng trống « tom, chát, tom » làm cho tôi thấy lại những đêm « hát phường chèo » ở các thôn xóm đông nghẹt ông già, bà cả, trẻ con, thiếu niên nam nữ của một xã hội bình dân. Những tiếng đàn cò lại làm cho mình sực nhớ đến những anh bạn xưa kia ở miệt Bà Chiểu trong những buổi đêm trăng ngồi uống nước trà tươi, dưới rặng cây dừa, bên một rạch nhỏ, nghe văng vẳng tiếng đàn cò của một người hát dạo. Nếu may ra mình có cơ hội trở lại ngày xưa, xóm cũ, thì chắc có lẽ cảnh đã đổi khác, và người chưa chắc đã còn !

Khi ở phòng diễn thuyết ra, tôi gặp một kiều dân Trung-Hoa cũng đến nghe anh Trần-văn-Khê.

Anh bạn Hoa-Kiều này dạy tiếng Tàu cho những sinh viên Pháp, Anh muốn học thêm; vì vậy anh nói tiếng Pháp và tiếng Anh rất thạo. Qua đây đã hơn ba chục năm, anh hoàn toàn vẫn là « thông Zân », nhưng khổ một nỗi nước anh đã chịu nhiều biến cải : lục địa Trung-quốc đã thành nước Cộng-Sản của họ MAO, và Đài-Loan là miếng đất Trung-Hoa nhỏ của họ TƯỚNG.

Anh Hoa-Kiều này không theo Cộng-sản và anh cũng nghĩ rằng nước Đại Trung-quốc không thể nào là hòn đảo bé nhỏ của nhà họ TƯỚNG. Vì vậy anh ta phân vân, « tiến thoái lưỡng nan », không biết phải theo bên nào, « về Tào thì phụ Hán », « về Hán thì bỏ Tào ». Biết tình thế nào được ! Đối với anh, thì chỉ có một nước Trung Hoa, từ thời Thượng Cổ đến ngày nay với những bậc Thánh-hiền như K.ông-phu-Tử, Lão tử, Mạnh Tử, và các nhà thơ như Lý-

thái-Bạch, Đồ Phủ, Bạch-Cư-Di, và một lãnh thổ toàn vẹn.

Vì thế anh là một kẻ « *bộ hành vô định* » trên đường đời, lang thang vô tổ quốc như « người Do-Thái xưa kia ».

Hai mươi năm trước, anh còn mạnh khỏe, nhưng ngày nay, vì nặng niềm tâm sự, tấm thân « *giày gió dạn sương* », nên anh có bộ *mỗi mệt*, lom khom trong bộ đồ gris đã lạt màu, nặng nề lê đôi giày da, mái tóc đã bạc phơ. Tuy nhiên anh vẫn có nụ cười tự nhiên, hiền hòa của người Á-Đông.

Thấy anh ta, tưởng đoán tâm sự của anh, tôi sức nhớ đến hai câu thơ Tàu :

*Tổ quốc trầm luân nhân hữu trách,
Giang hồ lưu lạc ngã vô gia ».*

Phải chăng « *Thế sự thăng trầm quân mạc vấn* », và có lẽ vì thế mà anh bạn Hoa-Kiều xem ra già trước tuổi, và lại làm cho mình nhớ đến mấy câu thơ bất hủ của Lý Bạch :

*Quân bất kiến Hoàng-hà chi thủy thiên thượng lai,
bôn lưu đảo hải bất phục hồi.*

Hưu bất kiến cao đường minh kính bi bạch phát, chiểu như thanh ty, mộ như tuyết.

Sáng xanh, chiều bạc ! Đời người có chi là vĩnh viễn, và *chả bao lâu* mà « *thấm hồng mấy đóa màu tuyết sương* ».

Thời gian thấm thoát như vô ngựa qua cửa sổ và sự *thế thăng trầm* là thế, cho nên một nhân vật (trong lịch sử

của nước anh ta, về thời « Ngô Việt Xuân Thu »), Ngũ-Tử Tư, chỉ lo nghĩ trong một đêm mà mái tóc sáng hôm sau đã trắng xóa :

*« Sự đời cao thấp nóng sáu
Nghĩ câu thành bại bạc đầu một đêm ».*

À, sự đời là thế, tôi vừa đi vừa suy nghĩ và giá tí có ai đưa cho mình soi hai tấm gương thần như Docteur Faust, mình sẽ thấy sự cách biệt của hai gương mặt của mình qua hai giai đoạn thời gian, và chính mình cũng sẽ hối tiếc một thời niên thiếu đã xa xôi.

Tôi xuống métro, trở về xóm La-tinh, trong lòng trăm mối ngổn ngang. Trong cảnh náo nhiệt của Boulevard Saint Michel, tôi đã gặp vài người Việt-Nam. Ngoài sinh viên ra, còn có những Việt Kiều đã có tuổi, và con nít. Không biết vì đâu, khi thấy đồng bào, mình có cảm giác là họ cũng đang sống « lang thang » như những « con chim bạt gió » ở góc trời xa lạ, đang nương cánh, đợi ngày gió thuận để bay về tổ ấm.

Tôi chợt thấy một người đàn ông Việt Nam, đầu đã bạc, tay xách một cái lưới nhỏ (filet) đang làm đuôi để mua thịt, và trong lưới của anh tôi thấy một bó rau, hai trái cam, một gói mì Hồng-Kông, ba hủ « yaghourt » (tức là sữa bò chế đặc).

Tôi tự hỏi : « người đồng hương này ở bên này đã bao lâu rồi nhỉ ? » Thế rồi tôi tưởng đến lúc người ấy leo máy từng lầu, về phòng nhỏ, một mình thui thui, cởi áo veston, loay hoay nấu ba miếng cơm trên một chiếc đèn « gaz butane » nhỏ, ngồi uể oải ăn một mình, cạn chén nước trà,

hay một ly rượu chát, vặn máy radio nghe tin tức, nhưt là tin tức Việt-Nam.

Người đàn ông ấy, than ôi! có lẽ cũng cùng chung một tâm sự với người Hoa-Kiều nói trên, và trong những ngày sương mù, tuyết lạnh, người ấy chắc trạnh niềm cố quốc:

*« Hồn ai lẻ dưới bầu trời mờ thấp,
Chiếc lá vàng run rẩy rụng trong sương,
Bên kia trời ấm áp vốn Quê hương,
Dưới nắng dịu nở muôn tình thương nhớ. »*

Hôm ấy, tôi trở về ngoại-ô tôi ở; lòng hiu-hiu buồn. Mặc dầu tôi đã tự cho tôi một phận sự là đi học hỏi ở nước ngoài, để rồi một ngày kia về làm việc chung với nhiều anh em trên địa hạt văn hóa, nhưng tôi vẫn thấy sự lẻ loi hiu quạnh của kẻ tha hương. Thần thờ, tôi lại nhớ đến hồi thơ ấu, khi đọc báo Nam-Phong đã thích thú đọc bài thơ « L'exilé » mà ông Nguyễn-Mạnh-Bồng đã dịch sang Việt văn :

*« Ngán thay cái kiếp lênh đênh
Một mình vô võ sót tình cố hương. »*

Mình không ngờ là vì thích mấy câu thơ của kẻ biệt xứ, mà mình hôm nay xa gia đình, xa quê hương. Phải chăng đó là định mạng? Nguyên gia Thiệu trong « Cung oán ngâm khúc » đã tả nỗi tang thương, bình bồng bằng mấy câu sau đây :

*Trẻ Tạo Hóa đành hanh quá ngán
Giắt diu người lên cạn mà chơi,
Lò Cừ nung nấu sự đời,
Bức tranh vân cầu vẽ người tang thương.*

Thời mình chỉ cho đó là thời thế, mà thời thế của nước mình là một cuộc điện lớn lao, mà một cá nhân như không có phần nào quan trọng cả. Thời cuộc đó là cả một mạch lạc của một thế giới tranh chấp trên phương diện chính trị, quân bị, kinh tế, do cuộc « Chiến tranh Thế-giới thứ hai » gây nên, rồi để lại cho nước ta và những nước bị chia đôi như Đức-quốc, Triều tiên, Trung Hoa (lục-địa và Đài Loan)

Đó là những hậu quả (séquelles) của Thế-giới chiến tranh.

Vai tưởng của mỗi người, của mỗi đoàn thể là phải thế nào nhỉ?

Ô hay! mình có lẽ sáng mai sẽ bạc đầu như Ngũ-tử-Tư trong Ngô Việt xuân thu!

Nhưng dầu sao đi nữa, mình vẫn tin tưởng ở sự trường cửu của đất nước và dân tộc Việt-Nam, và viết đến đây tôi lại nhớ mấy câu thơ bất hủ mà thi sĩ Pháp Paul Eluard đã viết trong khi kháng chiến chống lại quân Đức trong trận giặc vừa qua :

*Les hommes survivaient nous en étions garants
Et les fils de leurs fils éclairaient l'avenir
Nos comptables brisaient le zéro du néant
Nos paysans comptaient les mois de la genèse
Voir s'étendait au loin comme un corps rayonnant.*

Tôi xin tạm dịch mấy câu thơ này như sau đây :

*Những người ấy vẫn sống mãi, chúng tôi bảo đảm như thế,
Và những người con của con những người ấy soi sáng tương-lai.*

Những nhà kế toán của ta bẻ gãy những con zéro của
Hư-không.

Những dân quê của ta đếm ngày tháng của khởi nguyền
Tâm mắt bao la ở phương xa như một thân hình đầy
ánh sáng.

Vi thế, trong những cuộc chiến đấu để bảo vệ sơn hà,
những anh hùng và chiến-sĩ cứu-quốc không bao giờ chết
cả.



● **TU TƯỢNG BẸP**

Hùng khí của một lời nói tuy mãnh liệt, nhưng không
mãnh liệt bằng hùng khí của cả một đời.

Marie Jeuna

Vi phỏng đường đời bằng phẳng cả,
Anh hùng hào kiệt có hơn ai.

Phan Bội Châu

Khi dân man rợ muốn ăn trái cây, chúng chỉ biết chặt đứt
gốc cây để hái trái. Đó là hình ảnh một chính phủ độc đoán.

Montesquieu
(Esprit des lois)

Chúng ta sinh sau cổ-nhân, nên làm con cháu cổ nhân,
không nên làm tôi tớ cho cổ nhân.

Nguy-Hi

700 NGÀN QUÂN ĐỘI THIÊN CHIẾN CỦA NÃ - PHÁ-
LUÂN CHỈ CÒN SỐNG SỐT 18 NGÀN TRONG TRẬN
ĐÁNH MẠC - TU - KHOA...

CHIẾN THUẬT
« THANH DÃ »
CỦA TƯỚNG NGÀ
KOUTOUZOV

● **NGUYỄN TỬ QUANG**



Ă M 1812, Nã-Phá-Luân (Napoléon Bonaparte) lấy cơ
nước Nga không tuân thủ chế độ phong tỏa đại lục mà
vẫn mở cửa hải cảng giao thương với nước Anh, nên
mở cuộc đông chinh. Bảy trăm ngàn quân thiên chiến
dưới quyền chỉ huy của một thượng tướng, vị anh hùng đệ nhất
châu-Âu, rần rộ tiến sang nước Nga như vũ bão.

Một sáng sớm, kinh thành Mạc-tư-Khoa tung bừng nao nhiệt đón binh sĩ ở các nơi về tập hợp. Những quân nhân trung kiên và dũng cảm dần thành hàng lối, diển hành qua các hàng phố, hùng dũng mạnh bạo như tin tưởng mãnh liệt ở sức mình, ở sự bại trận chắc chắn của địch.

Dân chúng đứng hai bên đường, tay vẫy mặt mừng, đón chào những vị anh hùng tuổi trẻ sắp đem thân ra phụng sự đất nước, cứu lấy quê hương.

— Phen này thì bọn Pháp chết cả lũ !

Một cụ già hơn hờ nói thề. Cụ vẫn tin tưởng là phải. Vị trong số quân lính diển hành ấy có cả con của cụ. Và, cụ cảm thấy như chính mình sắp tham gia vào chiến cuộc, và như cầm chắc sự thất bại chua cay của đoàn quân được tiếng là tinh nhuệ nhất châu Âu lúc bấy giờ.

Nhưng cũng trong lúc ấy có vài chàng trẻ tuổi lầm lầm :

« — Diển hành thì đẹp thật, nhưng đến khi ra trận có được hùng dũng như thế không ? »

Họ nghĩ như vậy và nói lên như vậy. Vì những cậu này vừa từ Tây Âu trở về, óc còn tiêm

nhhiễm những tư tưởng bình đẳng và dân chủ của cách mạng Pháp đã gieo mầm. Họ còn đương thời kỳ khâm phục Nã-phá-Luân đệ nhất như vị cái thế anh hùng, tượng trưng cho cuộc cách mạng vĩ đại của nhân dân Pháp, đã quật ngã cường quyền và bạo lực. Mới trở về quê hương, họ không hiểu tại sao nhân dân kinh đô quá bằng bột và nông nổi đến dám nuôi một hoài bão là chống lại đại quân của vị anh hùng khét tiếng trời Âu.

Hơn nữa, họ đã một lần chứng kiến cảnh đại bại đau đớn của quân đội Nga trong cuộc liên quân Nga-Áo chống Pháp trên lãnh thổ Áo, đe bảo vệ Áo.

Đó là năm 1804. Họ còn nhớ rõ lắm.

Theo lệnh của Nga Hoàng, đoàn quân của đại tướng Michell Koutouzov diển động đến mặt trận của bạn đồng minh. Hàng ngàn người ngựa kẻ tiếp nhau đi. Những người ở lại, mỗi người tưởng tượng ra các trận đánh một cách khác nhau. Không ngày nào họ không bàn luận nghĩ suy về chiến cuộc.

Quân đội Pháp và quân đội Nga gặp nhau ở Austerlitz. Quân đội Nga đóng gần thành Braunau.

Và, quân tiếp viện vẫn được tập nập gửi đến.

Một cuộc hội nghị quân sự Nga tại đại bản doanh. Mặc cho các tướng trình bày kế hoạch tấn công, Koutouzov cứ lặng yên, nhắm nghiền mắt lại. Không ai biết ông tướng chỉ huy ngu hay thức.

Hết người này lại đến người khác chỉ trích lối diển động chỉ huy của chủ tướng. Họ phân tích tình hình quân đội hai bên. Một người đứng dậy, hùng hồn nói :

— « Việc tập hợp lực lượng của chúng ta đã hoàn thành. Trong trường hợp địch qua sông Lech, chúng ta có sẵn hơn 70 ngàn quân để xô đuổi, đánh bại chúng. Nếu giữ được thành Ulm là chúng ta đã giữ chắc được hai bờ sông Danube. Từ đó, nếu địch không qua sông Lech, chúng ta có thể xâm nhập dễ dàng vị trí địch, cắt đường giao thông của chúng, và như vậy sẽ giải phóng dễ dàng nước Áo đồng minh của chúng ta. Quân đội đã sẵn sàng, còn chờ gì nữa mà không tấn công. »

Đến đây, Koutouzov không còn giữ thái độ cũ nữa, ông ngáp dài, nói một giọng chán nản :

« — Những kế hoạch của vị vị đều hay, nhưng có điều chúng ta nên thực hành ngay là đi về ngủ một giấc cho no mắt, thì ngày mai mới hồng đánh trận. Không còn gì tốt bằng một giấc ngủ ngon trước khi ra trận. »

Ông nói xong đứng dậy như muốn chấm dứt cuộc hội nghị.

Thật chán ngấy. Không biết ông có phải mất trí trước uy danh của Nã-phá-Luân, mà ông lại diển thành một trò khôi hài vô duyên như vậy. Người ta vừa phát tức vừa phát cười !

Thực tế, một vị chỉ huy tài ba và giàu kinh nghiệm như Koutouzov đâu màng đến những kế hoạch « rê tiền » ấy, Koutouzov từng cho rằng : « thắng hay bại không phải chỉ tự tài người chỉ huy hay tự chiến thuật áp dụng mà là do sự tự phản ứng riêng của mỗi quân nhân trước lửa đạn. Nếu trong một cuộc chiến đấu, chỉ cứ đem áp dụng những nguyên tắc quân sự mà quên hẳn yếu tố nhân sinh thì người tướng dù có tài đến đâu cũng khó tránh sự thất bại. Vì binh sĩ Nga phát xuất tự giai cấp nông nô, lại chiến đấu dưới quyền chỉ huy của những người nhiều khi là chủ của họ, nên họ

thiếu hẳn tinh thần và lý tưởng chiến đấu». Do đó, Koutouzov đối với kết quả trận đánh, không chút gì tin tưởng lạc quan.

Nhưng rồi việc đến phải đến.

Sáng hôm sau, binh sĩ hai bên chưa giáp chiến thì tin tướng Mack đầu hàng Pháp ở Ulm đã được loan truyền. Tinh thần quân đội Nga dao động, chưa đánh đã nghĩ đến việc rút lui.

Tiếng đại bác của Pháp vang dậy rung chuyển cả đất, làm quân Nga hoảng sợ, kéo nhau chạy về phía đông. Cả hàng vạn người dồn về chiếc cầu duy nhất.

Bị bộ đội của Nã-phá-luân đuổi rất, lại không được dân chúng địa phương ủng hộ, quân lính của Koutouzov bấy giờ chỉ độ 35 ngàn người, triệt thoái vội vàng theo sông Danube. Họ không còn nghĩ gì đến việc bảo vệ kinh thành Vienne, thủ đô của bạn đồng minh Áo nữa. Sáng hôm sau, đương khi triệt thoái hỗn loạn, mấy đoàn kỵ binh của Nga lại bị tấn công bất ngờ, tiêu tán cả tinh thần kháng cự, rồi chỉ còn có nước xô đuổi nhau chạy như một đàn cừu gặp sói.

Koutouzov đứng yên một chỗ, đưa mắt nhìn nơi xa. Ông rút chiếc khăn tay : một dòng máu đỏ đương chảy dài trên trán.

« — Đại tướng bị thương ! »

« — Không phải ở đây mà là ở đằng kia ».

Koutouzov vừa đáp, vừa một tay lau vết máu và một tay chỉ đoàn quân đương chạy.

Đám tàn quân chạy trốn, bao bọc cả đoàn ngựa của chủ tướng, lôi cuốn họ đi theo.

Liên quân Nga — Áo thăm bại ở Austerlitz. Koutouzov ký xong thỏa hiệp đình chiến với Pháp, dẫn bại quân về Mạc-tu-Khoa.



Nhưng, thảm họa chiến tranh lại bao trùm trên đất Nga.

Thỏa hiệp đình chiến bị vi phạm.

Năm 1812, Nã-phá-Luân mang đại quân theo dọc sông Niémen và sắp đặt nhập cả lãnh thổ Nga.

Đại tướng Koutouzov vâng lệnh Nga hoàng đem quân ngăn chống.

Cũng cái ông tướng bại trận này nữa, thì ai lại không chán ngấy và bật cười. Một số thanh niên từ Tây Âu về, đã từng khâm phục tài ba của Nã-phá-luân thì còn tin tưởng làm sao được cái lực lượng quá mong manh của ông tướng chuyên « ngáp ngủ » ở hội nghị !

Thực vậy, quân đội của Koutouzov chỉ chống ngăn quân đội Pháp một ít lâu, rồi phải triệt thoái dưới áp lực mỗi ngày một tăng của 700 ngàn quân thiện chiến.

Vượt được sông Niémen, quân Pháp tiến như vũ bão về phía Mạc-tu-Khoa. Nhưng tướng Koutouzov áp dụng một chiến thuật « thanh dã », dẫn đại quân chạy dài để tránh một cuộc đụng độ mà ông cho là chỉ có hại cho tinh thần và lực lượng của quân Nga. Thế là những vùng đất đai cho địch đều bị thiêu hủy. Dân chúng được lệnh tản cư. Đồ vật nào mang được đi thì cứ mang, không mang đi được thì đốt bỏ. Đồng ruộng, vườn tược, nhà cửa đều triệt phá, nhứt quyết không để một vật gì có lợi vào tay địch. Vì Koutou-

zov biết rằng chỉ có chiến thuật « thanh dã » : vườn không nhà trống là chiến thuật hữu hiệu nhất để đuổi một đội quân xâm lược ở vào một thể lực mạnh.

Tuy vậy, trước kinh thành Mạc-tu-Khoa thiêng liêng, tướng Koutouzov đành chịu đề đôi bên Pháp, Nga giáp trận, do sự quá nóng nùng của một vài tướng chỉ huy gây nên. Ngày 7 tháng 9 năm 1812, trận đánh Moskova diễn ra tại Borodino, một làng giữa kinh đô Mạc-tu-Khoa với Smolensk.

Đương khi chính mình dẫn thân vào nơi lửa đạn, một số người trước kia khâm phục Nã-phá-Luân thì hiện giờ, tự nhiên không còn thấy khâm phục, tôn sùng nữa. Đối với họ, Nã-phá-Luân hiện giờ không còn tượng trưng cho những lý tưởng cao đẹp của cuộc cách mạng Pháp, không còn tiêu biểu cho khát niệm mới về Tự do, Bình đẳng và Bác ái. Trông thấy cảnh giết chóc thảm khốc, man rợ khắp quanh mình, họ chỉ còn coi Nã-phá-luân như một ác thần đi đến đâu là gieo rắc tang tóc

và tội ác đến đó ; và họ chỉ còn có một cách, một nhiệm vụ duy nhất là tham gia ngay vào những sự hy sinh cao cả của dân tộc.

Bấy giờ, số người này đều có phần ứng của mọi người, và cùng chung một hoài bão xô đuổi quân thù ra bờ cõi.

Tin kinh đô sẽ bị bỏ trống cho quân thù làm mọi người vô cùng sợ hãi. Họ chỉ nghĩ đến tận cư để tránh tai nạn chết chóc có thể đến bất kỳ lúc nào, trong khi địch chiếm đóng thành phố Gia đình các vị Bá tước, trưởng giả đều dọn dẹp đồ đạc tận cư về ấp trại. Hàng chục gia nhân khuôn dọn đồ quý vật báu để lên đường. Hàng chục chiếc xe kéo ngựa lừa sẵn sàng ở cổng.

Đường lộ chật ních những người. Xe cộ, ngựa bò, già trẻ gái trai chen nhau diễn ra một cảnh cực kỳ hỗn loạn. Hàng quan lại, hạng bình dân, hai cảnh tận cư trái ngược nhau.

Trận đánh Moskova tại Borodino, cả hai bên Pháp, Nga đều bị thiệt hại nặng. Koutouzov nhất định không mở trận đánh khác nữa. Ông rút quân bỏ chạy. Nã

phá-luân dẫn quân dũng tiến vào kinh đô Mạc-tư-khoa, và chờ đợi Nga-hoàng... đầu hàng.

Nhưng Nga không đầu hàng.

Mà quân Pháp chiếm đóng Mạc-tư-Khoa đã bắt đầu lo. Bấy giờ, họ mới hiểu rằng thành phố mà họ giữ có thể là một cái bẫy khổng lồ, chôn vùi danh dự của một đội quân thiện chiến đã khét tiếng dưới gầm trời Âu lục. Trông quang cảnh chung quanh thành phố, đầu cũng chỉ thấy điêu tàn.

Sự tiếp tế từ Pháp và từ các nước chư hầu vận chuyển khó khăn vì đường xa xôi. Quân đội Nga lại bao vây bên ngoài làm chẹn mất đường giao thông. Ruộng nương, nhà cửa trong thành cháy thui, cháy sém thì đào đâu ra lương thực vừa cho người, cho ngựa.

Quân lính đói. Ngựa thiếu cỏ. Địch có thể tấn công thành linh.

Một sự chết chóc bắt đầu đe dọa.

Mùa đông lại đến. Hàn thử biểu xuống 40 dưới không độ.

Tuyết rơi trắng xóa. Nước thành băng. Rét cắt ruột. Ngựa lẩn đùng ra chết. Lính thời kèn ngâm cứng kèn, chết đứng như cây tuyết trắng.

Những cảm tưởng kiêu hãnh lúc ban đầu đã nhường chỗ cho một sự lo âu hải hùng. Đứng trước viễn ảnh kinh khiếp ở Nga, Nã-phá-luân buộc phải ra lệnh rút quân theo đường sông Niémen.

Tháng 10 năm 1812, quân Pháp đành từ bỏ Mạc-tư-Khoa. Một cuộc đi bộ hàng trăm cây số theo dọc những quang cảnh tang tóc. Trời thỉnh thoảng lại đổ những trận bão tuyết. Qua những con đường tuyết trắng thì lại đến những con đường tràn ngập bùn lầy...

Kế hoạch của Koutouzov đã thành công.

Trên đường quân xâm lăng triệt thoái, các đoàn dân quân Nga ở từng địa phương lẻ tẻ đổ ra tấn công. Nguy hiểm nhất là thỉnh thoảng từ những khu rừng rậm, bọn kỵ binh Cosaques thỉnh linh tập kích rồi vội rút đi, sau khi vét đuôi một số đội hậu quân của Pháp.

Bị đói, bị lạnh, bị lây lại luôn luôn bị tập kích, đột kích, xung kích, quân Pháp càng hoang mang chán nản và không còn phương chống đỡ nên ngã gục chết chóc đầy dẫy ở dọc đường. Xác người đã được vùi sâu dưới làn tuyết trắng, dưới bùn lầy...



Cuối tháng 11, đám tàn quân của Nã-phá-Luân đến sông Bérézina. Một trận thảm bại khủng khiếp lại được diễn ra.

Đội quân đổ lên cầu.

Một đoàn quân hỗn độn như một sợi dây người giăng dài từ đầu đến cuối cầu, thì thốt nhiên những tiếng nổ long trời chày xuống đất, cầu gãy đổ ụp xuống vì chất nổ. Đồng thời, hai bên bờ sông, một trận trọng pháo tấn

công ồ ạt, quét sạch bọn lính còn chới vói trên cầu. Đại quân thiện chiến vang danh ở châu Âu, một phần rơi xuống cầu chết đuối giữa dòng sông băng tuyết, một phần nát thịt tan xương làm mồi cho lửa đạn...

Nã-phá-Luân vì đi đầu đoàn quân, và đã vượt qua cầu từ trước nên mới thoát khỏi chết.

Con số 700 ngàn hùng binh dũng mãnh xâm chiếm nước Nga, đến đây chỉ còn sống sót

18 ngàn người tả tơi manh giáp, mang lấy tấm thân tàn ma dại lủi thúi về nước. Uy thế của vị anh hùng vang dậy khắp châu Âu bắt đầu sụp đổ sau trận xâm lược thảm bại vì dụng phải chiến thuật thanh dã của tướng Koutouzov tại Mạc-lư-Khoa.

Bấy giờ hẳn người ta bắt ngán và khâm phục ông đại tướng hay ngáp trong hội nghị thường đòi đi ngủ cho no mắt.



● HẠ-UY-DI MẮT DẠNG ?

Bác sĩ Francis Shepard, giáo sư tại viện Đại-học Hải-học Scripps tại California, sau nhiều ngày tháng nghiên cứu tại quần đảo Hạ-Uy-Di đã quả quyết rằng quần đảo này đang chìm dần xuống biển, với tốc độ 5 phân tây 1 thế kỷ...

Ai có tánh hay lo lắng, hãy chuẩn bị di cư đi thì vira!

● THẾ GIỚI CÓ BAO NHIÊU TỜ BÁO

Trên thế giới hiện có 8.161 tờ báo hàng ngày hoặc tạp san, viết bằng 44 thứ tiếng.

Riêng ở Ấn-độ đã có 514 nhật báo trong số đó có 149 tờ bằng tiếng Hindi, 68 tờ bằng tiếng Ourdou và 55 bằng Anh-ngữ.

CỦA MỘT NGƯỜI LÍNH

★ NHẤT - TUẤN

26 - 7 - 1964 : Buổi chiều không quên

Những lần gặp ngắn ngủi chen trong từng tiếng thờ dài 4, 5 năm trước đây, có bao giờ em còn nhớ lại ?

TÌNH YÊU ngang trái này sẽ còn kéo dài trong bao lâu nữa.

Anh biết, từ xưa em đã coi đây chỉ là một trò đùa, một trò đùa tàn ác, không hơn không kém.

Tất cả đã chìm vào quên lãng. Như mây trời quên đỉnh núi bay đi. Như trăng sao trên mặt hồ chỉ sống trọn vẹn một đêm, rồi khi bình minh tới lại vỡ tan theo sóng nắng.

Như hoa đẹp úa tàn trong gương thời gian ; như những

người con gái vừa lớn khi chợt quên đi một màu áo học trò, một tình yêu ban đầu trong những kỷ niệm đẹp của một dĩ vãng buồn.

... Bao năm qua rồi anh vẫn yêu em âm thầm. Khuôn mặt ấy, nụ cười ấy, nét môi ấy... vĩnh viễn anh sẽ không khi nào quên được.

20 - 7 - 1966 : Con đường thành phố cũ

Anh được về Saigon nghỉ phép một tuần.

Bữa gặp em, anh đã hứa đây là lần cuối cùng. Không bao giờ anh sẽ lại thăm em nữa.

Nhưng xa nhau đã lâu, dù sao về tới Saigon anh vẫn muốn đến thăm em ngay.

Những ngày, những tháng dài dang dặc trong các chiến dịch liên tiếp.

Plei Me, Đức Cơ. Rồi Đông Hà, Quảng Ngãi. Anh vui theo nỗi vui của đơn vị. Không một cánh thư, không một hy vọng, an ủi. Đời chiến binh nhiều lúc thật buồn.

Con đường tới nhà em vẫn như

ngày xưa. Lá me bay vàng đường phố sau mỗi cơn gió. Những cơn mưa giăng tơ ngày nào đan hoa sao đầy tóc em, năm nay vẫn khiến anh thấy se người.

Như tối nào đi chơi khuya về, hai đứa đi nhau, lặng lẽ bước giữa đường phố vắng. Những bước chân quẩn quít cho vai sát hơn để đỡ lạnh.

Anh đang nhớ lại, người thiếu phụ có đôi mắt thật to, nụ cười thật buồn và duyên dáng trong chiếc áo hoa cà... thì nhà em đã hiện ra.

Nhưng tới nơi mà chân anh lại ngập ngừng. Lòng hồi hộp :

— Mình có nên vào hay trở lại ?

22-7-1966 : Tình ngang trái

Quần áo trận chưa rửa sạch bụi đất rùng, trông anh chắc có vẻ kỳ cục. Mấy người con gái Saigon hoa lệ nhìn anh như ngạc nhiên. Anh trở về mượn xe một người bạn chờ trước ngõ.

Lát sau, em đi ra với một người bà con. Thấy anh, em nhìn sửng, rồi vội ngoảnh mặt đi. Làm như thể một người không quen

« Tình ngang trái em không yêu người yêu nhau trong hạnh phúc, anh nữa thanh bình.

Ba năm rồi hai đứa sống xa nhau
Ba năm rồi anh có gặp em đâu
Giờ thấy mặt, em quay đầu...
bước vội ? »

Em tẻ lẩm Nguyệt a. Từ Phú Yên về đây. Những lần hỏi hộp chờ phép, những giờ « cầu nguyện » đứng trẻ máy bay. Rồi phi vụ lao vào trong mưa giông với bao nhiêu nguy hiểm. Cái sống kề bên cái chết trong gang tấc. Mấy ngày phép về Saigon gặp bao nhiêu gian nan trở ngại.

Đề phút cuối cùng gặp mặt nhau em lại vội vã quay đi.

24-7-1966 : Kỷ niệm buồn

Hai ngày liền anh lái xe đến đó rồi lặng lẽ chờ đợi. Lần nào xe của em cũng vụt qua và không biết vì tình hay cố ý em chờ bao giờ... nhìn thấy anh.

Buổi chiều cuối cùng ở Saigon, lúc 18 giờ 30, em đi ra và mở to mắt nhìn anh khe gập đầu.

Sáng mai anh đi rồi. Trả lại Saigon cho ánh đèn màu, cho nhạc hoang loạn và cho những

người yêu nhau trong hạnh phúc, thanh bình.



Anh lái xe đi lang thang. Trời bắt đầu tối. Đêm xuống cho Sài-gòn sống dậy. Ánh đèn rực rỡ đường phố. Tiếng xe, tiếng người, tiếng phản lực cơ gầm thét trên trời.

Xe chạy ra xa lộ và anh dừng lại bên khoảng đường vắng. Đốt diều thuốc cháy cho mình khỏi thấy cô đơn, nhưng sao lúc ấy anh hút thấy nhạt nhẽo thế nào.

Con đường Cường-Đề năm xưa cũng im vắng như khoảng tối này.

Ngày mai anh trở lại chiến trường. Vui với bom đạn, với những đêm chiến dịch mưa lạnh chiến hào.

Giữ lời hứa, anh không lại thăm em. Chỉ dám đến gần cửa nhà rồi chân lại ngập ngừng.

Định mệnh đã an bài, mỗi đứa đi riêng một hướng đời. Kỷ niệm ngày xưa là kỷ niệm buồn và đã chết.

Anh nghe như có tiếng ai thở dài dài đây.

Nguyệt ơi, đôi mắt ấy, nét môi ấy, mái tóc ấy... Đến bao giờ anh mới quên được.

Mấy ngày phép ở Saigon ngắn ngủi buồn chán. Vì anh có tình yêu mà không có người yêu. Vì anh không thiếu « người yêu » mà thiếu « tình yêu của người anh yêu ».

Giờ xa lộ lờng lộng Gần đến giờ giới nghiêm. Anh lái xe trở về Cầu lạc bộ An-Đông.

Đêm cuối cùng ở Saigon ! Giã biệt và không bao giờ anh trở lại nữa.



★ MỘT XỨ THẦN TIÊN

Uruguay là một quốc-gia có bộ máy hành chính «bự» nhất thế giới ! Chỉ 2.556.000 dân mà có đến 250.000 nhân viên công chức. Mọi người làm việc xong 30 năm, được nghỉ tay để hưởng tuổi già. Với một phụ cấp hằng tháng bằng số lương như thời còn làm việc.

Đàn bà có một con, đến ngày 28 tuổi cũng hưởng được một « hưu bổng » như công chức vậy.

Chỉ có giá sinh hoạt là rắc rối, mặc dù còn thấp hơn ở Việt Nam 4.000 năm vẫn hiển ta : Trong năm 1965, giá sinh hoạt tăng đến 85%.

XUÂN - THÂN - QUÂN

Quyền thế, lợi danh và tiền bạc có sức hấp dẫn kỳ ảo làm say đắm lòng người. Nhưng càng đi sâu vào con đường danh lợi, họ càng thấy cần phải lạnh lùng, lạc bước và phải « chộp giựt » để dành phần thắng lợi.

● THIẾU - SƠN

THÁI-TỬ nước Sở là Hùng - Hoàn qua làm con tin ở nước Tần hơn 16 năm mà không dặng về nước Sở là Châu - Anh qua Hàm-Dương báo tin vua Sở đầu nạng. Quan Thái - phó là Huỳnh-Yết vào nói với thừa-trương nước Tần là Phạm-Thơ nhờ tâu với vua Tần xin cho Thái-Tử Hùng-Hoàn về

nước. Huỳnh-Yết cũng nói thêm rằng cho Thái-Tử về nước trong dịp này tức là tăng - cường sự thông-hiểu giữa hai nước Tần, Sở và sau khi Thái-Tử lên ngôi sẽ đời đời chịu ơn nước Tần và nhớ ơn Thừa-Tướng. Phạm-Thơ vào tâu với vua

Tần thì nhà vua nói : « *Nên cho Thái-phó là Huỳnh-Yết về thăm trước, nếu quả vua Sở đau nặng thì sẽ cho rước Thái-Tử về sau.* » Huỳnh-Yết bèn lập mưu với Thái - Tử bảo Thái-Tử cứ lên về trước, ông sẽ ở lại chịu chết thay cho Thái - Tử. Hùng - Hoàn bèn thay đổi y-phục giả dạng là lính ngựa xe cho sứ Sở và thoát khỏi ải quan.

Cách nửa tháng sau Huỳnh-Yết liền vào yết kiến vua Tần và xin chịu tội. Vua Tần giận lắm muốn giết nhưng Phạm-Thơ can vua mà xin cho Huỳnh Yết về luôn. Thái-Tử lên ngôi thì Huỳnh Yết sẽ làm tướng-quốc và tất cả đều qui-thuận nước Tần, như vậy có lợi cho nước Tần hơn. Vua Tần nghe theo và cho Huỳnh Yết về Sở. Được 3 tháng sau Sở-khuynh-Tương Vương mất, Thái-tử Hùng Hoàn lên nối ngôi, Huỳnh-Yết được phong làm tướng-

quốc, hưởng lộc 12 huyện ở Hoài-ấp lấy hiệu là Xuân-thân-quân.

Lúc đó Mạnh - Thường - Quân đã chết rồi. Ở Triệu có Bình - nguyên - Quân, ở Ngụy có Tin - lãng - Quân. Xuân thân Quân cũng bắt chước mấy nhà kia chiêu nạp tân - khách tới số ba ngàn người. Xuân - thân - quân dùng mưu của tân-khách sửa sang chánh-trị, luyện tập quân lính, chiếm đất nước Trần, nước Lỗ làm cho nước Sở mạnh lại như xưa. Nhưng đối với nước Tần thì vẫn giữ niềm hòa-hiếu vì vẫn có ý sợ Tần.

Có một người môn khách là Châu Anh biết ý đó bèn đề - nghị dời đô qua Thọ - Xuân đề xa Tần hơn nữa. Xuân - thân - quân bàn với vua Sở để thực hiện điều đó. Nước Sở trước kia đặt kinh đô ở đất Sính, sau đổi qua ấp Khước, ấp Trần tới Thọ-

Xuân bây giờ là bốn lần di đô. Vua Sở là Khảo - liệt - Vương (tức Thái-tử Hùng-Hoàn (ở ngôi đã lâu mà vẫn chưa có kế tự. Xuân-Thân-Quân lựa những người đàn bà tốt tướng đem dâng cho vua mà cũng không thấy thai nghén chi hết.



Có người nước Triệu tên là Lý-Viên làm môn hạ cho Xuân-Thân-Quân có một người em gái tên là Lý-Yên có nhan sắc dễ coi muốn đem dâng vua nhưng trong bụng ngập ngừng sợ mỗi ngày sau không có con thì vua lật tình mà rồi cũng không thấu được môn lợi gì về sau. Lý-Viên nghĩ ra được một kế là đem dâng trước cho Xuân-thân-Quân chờ cho có thai rồi sẽ dâng vua sau, may mà sanh đặng con trai thì chàng sau này không mất ngôi quốc-cụ. Nhưng Lý-Viên không

muốn hạ giá em mình nên kiếm cách lừa dối Xuân-Thân-Quân như sau :

Chàng xin phép về nhà có việc nhưng trở lại trễ. Xuân-Thân-Quân hỏi lý do thì chàng nói là Vua Tề sai người qua nói em gái của chàng nên chàng phải ở nhà để tiếp sứ-giả nên về trễ mất mấy ngày. Xuân-Thân-Quân nghe nói người em gái Lý-viên được vua Tề đi nói chắc phải là người có nhan-sắc nên lật - đặt muốn được thấy mặt để chiêm-ngưỡng người đẹp. Lý-Viên chỉ chờ có thể thôi nên nói cho Xuân-Thân-Quân biết thêm rằng chàng chưa dám nhận sinh-lễ của vua Tề vì còn muốn hỏi ý-kiến của chủ. Cố-nhiên là ông chủ sau khi gặp người đẹp liền giữ lại cho mình chứ đâu muốn nhường cho vua Tề. Xuân-Thân-Quân dèn ơn cho Lý-Viên một đôi ngọc bích và ba trăm lượng vàng.

Chưa đầy ba tháng sau Lý-Yên có thai nói cho Lý-Viên hay thì chàng liền nói với em gái như phủ Xuân-Thân-Quân bất sau : « Em ở trong quá là một cô ái-thiếp. Bây giờ vua Sở không có con, may em có thai như liệu thể được vào hậu-cung vua Sở thì em sẽ thành phu-nhân, em sanh con trai sau làm vua thì em sẽ làm đấng Vương-hậu chẳng hơn là làm vợ bé người ta sao ? » Rồi Lý-Viên bày mưu lập kế cho Lý-Yên thuyết - phục Xuân - Thân - Quân đem mình dâng cho vua Sở.

Một đêm thanh vắng, bên nệm ấm gối êm. Lý - Yên thổ thề nói với Xuân-thân-Quân như sau :

« Vua Sở yêu trọng Phu-quân, tình thiết hơn anh em ruột thịt, nhưng phu - quân là tôi nước Sở đã hai mươi năm nay mà vua chưa có con, sau vua trăm tuổi, thế tất phải lập anh em của vua,

mà anh em của vua đối với phu-quân không có ân huệ gì. phu quân làm sao cho khỏi thất thế ? »

Câu nói của Lý Yên làm cho Xuân-thân-quân hết hồn vì ông nhớ rằng suốt thời-gian phục vụ vua Sở ông ý quyền, ý thế cũng đã làm mất lòng nhiều người nhưt là những anh em của nhà vua. Tới khi vua chết đi rồi nhưt định những người này không thể tha thứ cho ông được. Ông bèn hoảng hốt hỏi Lý-Yên có kế gì ngăn ngừa tai vạ. Lý - Yên bèn làm bộ thẹn thùng mà nói : « Thiếp có một kế chẳng những khỏi họa mà lại phước nhiều, nhưng hở môi thêm nỗi thẹn thùng lại sợ phu quân không chịu nên không dám nói. »

Cổ nhiên là Xuân - thân - quân năn nỉ cho nàng nói. Và khi nàng đã nói xong kế hoạch của nàng thì ông liền ôm choàng lấy nàng

và khen lấy khen để. Ông khen rằng : « Thế gian này thật ít người đàn bà có trí khôn hơn phu-nhân ».

Hôm sau, Xuân-Thân-Quân cho đòi Lý-Viên tới bảo đem Lý-Yên đi ở một nơi khác không cho ai biết rồi vào tâu với vua Sở xin tiến cử một người đẹp vào hậu cung và người này đã từng được vua Tề đi nói. Vua Sở không đợi phải năn nỉ, lập tức cho thi hành. Sau một thời kỳ ôm ấp mình rông, Lý-Yên có bụng rồi tới khi đẻ bầu sanh đặng hai trai và lại được vua thêm yêu quý. Vua đặt tên hai con là Hân và Do, lập Lý-Yên lên làm Vương-Hậu. Lý-Viên làm quốc-cửu quyền thế ngang bực với Xuân-thân-Quân.



Năm thứ hai mươi lăm, Khảo-liệt-Vương đau nặng, uống thuốc không lành. Lý-

Viên nghĩ rằng việc bí mật ở trong cung chỉ có một mình Xuân-Thân-Quân biết thôi, nếu sau này Thái-Tử lên làm vua thì chắc thế nào cũng sanh chuyện rắc rối nên có ý muốn thủ tiêu Xuân-thân-Quân.

Lý-Viên tìm lực sĩ ở các nơi đem về làm môn khách để thực hiện ý đồ. Châu-Anh là môn hạ của Xuân-thân-Quân đem chuyện đó nói lại với ông và bảo ông phải đề phòng hậu-hoạn. Châu-Anh đề-nghị xin phong cho chàng làm chức Lang - trung - lĩnh được ra vào nơi cung-điện, quản-xuất các thị-vệ, hễ khi Lý-Viên trở mặt là lập tức ra tay để triệt-hạ kẻ phản-loạn. Nhưng Xuân - Thân - Quân ngồi vuốt râu cười mà nói rằng : « Lý-Viên là con người nhu-nhược, lại kính-trọng ta hết lòng, đâu dám sanh-sự mà tức - hạ lo quá tri như vậy. » Châu-Anh trở về nhà, đã ba ngày mà không

thấy Xuân-Thân-Quân làm gì, biết ông không nghe lời bèn bỏ nước Sở qua ần náu ở Ngũ-Hồ để tránh điều hậu hoạn.

Châu-Anh đi được mười bảy ngày, Khảo-Liệt-Vương mất. Lý-Viên cấm thị-vệ không được tiết lộ ra ngoài. Chờ đến chiều tối mới sai người ra báo với Xuân-Thân-Quân. Ông này rụng rời hết vía liền cho đánh xe cùng tân-khách kéo nhau vào cung. Vừa tới cung, lực sĩ bèn nhảy ra miệng hô lớn : « Phụng mật chỉ Vương-hậu, tội Xuân-Thân-Quân mưu phản đáng giết. » Xuân-Thân-Quân địch không lại, trốn không thoát, bị lực sĩ chặt đầu liệng ra ngoài thành, đóng khít cửa thành lại rồi mới làm lễ cư-ai, phò Thái-Tử Hãn lên kế vị lấy hiệu là Sở-U-Vương. Hồi đó vua mới có 16 tuổi, Lý-Viên tự lập làm Tướng - Quốc, chính quyền một tay chàng

định đoạt, tôn bà Lý-Yên làm Thái-hậu, truyền lệnh giết cả họ Xuân-thân-Quân.

Từ khi Lý-Viên cầm quyền nước, tân khách của Xuân-thân-Quân giải tán hết, các vị Công-tử đều phế bỏ không dùng, quốc chánh càng ngày càng rối loạn, nước Sở càng ngày càng suy yếu.



Khi còn làm Thái-phó cho Thái-Tử Hùng-Hoàn, Huỳnh-Yết đã tỏ ra thái độ xứng đáng là một người có ăn học và là một nhà mô phạm thầy học của con vua. Cùng học trò qua làm con tin xứ người trong 16 năm trời, ông đã chịu gian khổ tủ nhục chung với đũa con tinh thần của ông và cũng có thể sau này lên ngai vàng để ông thân phục. Ông đã giữ trọn đạo làm thầy và cũng giữ trọn đạo làm tôi một cách kính cẩn và châu đáo vô cùng. Khi có cơ hội về

nước đáng lẽ ông được về trước mà ông lại ở lại sau bày mưu cho Thái tử về trước và biết rằng việc làm đó có thể đưa tới cái chết như chơi, nhứt là đối với một ông vua nước Tần. Không sợ gian nguy, không sợ chết, biết hy sinh đúng chỗ và dám hy sinh, Huỳnh Yết đã hành sự như một bậc sĩ-quân-tử đáng nêu gương cho mọi người.

Nếu vua Tần giết ông đi thì ông sẽ toàn danh toàn tiết. Tiếc rằng vua Tần đã để cho ông sống để ông được trở về nước, được làm tướng quốc và thành nên Xuân-thân-quân ở thời chiến quốc.

So với Mạnh-thường-quân, Bình-Nguyên-quân, Tín-lăng-quân thì Xuân-thân-quân là người tôi hơn hết.

Ông không tài, không trí, thiếu sáng kiến và thiếu cả căn bản làm người. Ông nhờ mưu-lược của môn khách

mà làm nên được đôi chút sự nghiệp nhưng chỉ chuyên môn ăn hiếp những nước yếu, thôn tính đất đai của những nước yếu mà không dám đương cự với nước Tần là kẻ thù chính của tất cả các nước lúc bấy giờ. Thay vì cùng các nước yếu thế củng cố tung ước để đối phó với Tần ông lại dời dờ để chạy mặt kẻ hung bạo mà ăn hiếp những kẻ yếu hơn mình.

Điều đó người quân tử không nên làm mà nhà chánh khách khôn ngoan lại càng không nên làm.

Nhưng có điều tồi bại hơn hết là ông cũng hủ-hóa, truy-lạc, mê gái và tham quyền cố-vị như những kẻ thất-phu.

Lữ - Bất - Vi là một anh lái buôn. Hãn có óc con buôn, hãn toan tính kỹ-lưỡng nên hãn đã thành-công. Huỳnh-Yết là một nhà trí-thức mà cũng muốn bắt chước như Lữ-Bất-Vi thì

thành-công sao được. Hơn nữa, ông không có sáng-kiến gì riêng của ông cả. Ông khờ khờ để anh em Lý-Viên cảm dỗ rồi dút cổ vô trông để chúng nó siết lại, chết là đáng số.

Phải chi ông giữ được toàn-vẹn cái căn-bản trí-thức của ông là ông không động tâm khi nói tới sắc-đẹp của Lý - Yên. Hoặc lỡ đã làm cho người ta có chửa rồi thì phải coi người ta là vợ của mình và con người ta là con của mình. Ai đời lại đem vợ, đem con đi cống-hiến cho người khác, dẫu người đó là một ông vua. Hơn nữa ông vua đó đã từng là học trò của mình. Thật không còn đạo-nghĩa luân-thương gì cả. Một Lữ-bất-Vi có thể làm được mà một vị Thái-Phó không được phép làm như thế.

Sân-khẩu chánh-trị của nước ta ngày nay cũng chẳng thiếu gì người như Huỳnh-Yết. Mới đầu họ còn cho rằng người trí-thức phải sống với trí-óc của mình

nhiều hơn là sống như tui con buôn hoạt đầu và xảo - trá. Nhưng rồi họ cũng không ở yên trong tháp ngà được vì quyền thế, lợi danh và tiền bạc, có sức hấp dẫn kỳ ảo làm say đắm lòng người. Mới đầu họ còn dè dặt vì còn nhớ tới sách vở của Thánh Hiền. Nhưng càng đi sâu vào con đường danh lợi họ càng thấy họ cần phải lanh chun, lẹ bước phải « chụp giựt » để giành phần thắng lợi. Lúc đó họ mới chịu bỏ sách vở và cũng chụp giạt như ai. Nhưng dù sao thì họ cũng bị bỏ xa ngay từ phút đầu và không thể nào tranh thắng được với những bọn con buôn thực thọ. Thành ra họ bỏ mất chỗ đứng của họ ở giới trí thức và họ cũng không thành công được như bọn con buôn. Không thành công mà còn thất bại đau thương nhục nhã như Xuân-thần-quân ở thời Chiến-quốc và như một số những nhà đại-trí-thức ở thời đại nhà Ngô.

● ✱

con Gió chiều nay...

● NGỌC-HÀ

Sao vắng thư anh lại thấy buồn,
Phải chăng lòng đã thấy vương... vương...
Dù anh xa cách muôn ngàn dặm,
Em vẫn trao về vạn nhớ thương.

Anh biết chăng, em ở chốn này
Nỗi buồn ngày tháng biết trao ai,
Từng đêm thức giấc ôm sầu lục
Kiếp sống có đên với lạc loài,

Con gió chiều nay buốt tận lòng
Anh phương nao đó biết hay không?
Nỗi niềm đau khổ người em gái,
Rây rứt bên lòng những nhớ mong.

Chốn ấy ngày xưa anh đến đây,
Bây giờ hoa lá rụng bay đây
Dấu chân kỷ niệm còn vương vẫn
Phẳng phất hình anh trong gió mây.

Dĩ vãng hiện về trong mắt sầu
Buồn nhớ thương anh ngập lệ sầu
Anh hỏi giờ đây anh có biết
Có người em gái hái thương đau.

(tiếp theo PT 177)

● KHU PHI-QUÂN-SỰ

Từ Huế ra Quảng-Trị 60 km, ra đến Bến-Hải 95 ki-lô-mét, đi ngang qua các quận Phong-Điền, Hải-lăng, Đồng-Hà (có phi trường quân sự), Gio-linh, Trung-lương. Sông Bến Hải chảy qua làng Hiền-lương, cách quận-ly Trung-lương 100 mét.

Khu Phi - quân - sự, không có quân lính đóng, không có đồn trại, được kiểm soát do một Tiểu đội Hiến Binh dưới sự điều khiển của Ủy Hội Quốc Tế đóng tại Gia-môn (Tờ 76) Quận Gio-linh cách Bến Hải 5 ki-lô-mét, về phía Nam. Khu Phi-quân-sự ở phía Bắc vĩ tuyến 17 cũng rộng 5 ki-lô-mét kể từ sông Bến Hải. Sông này bắt nguồn từ giãy núi Khueh xuống đến biển (cửa Tùng), dài 50 ki-lô-mét. Nhưng, theo Hiệp-định Genève thì bề dài của Khu phi quân sự là 23 ki - lô - mét, nghĩa là chưa được một nửa chiều dài của sông Bến Hải. Cũng theo

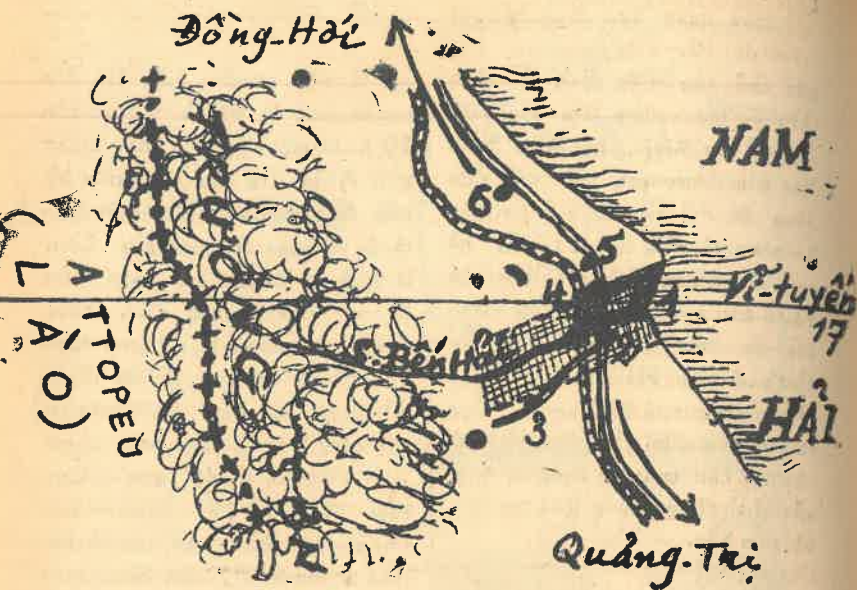


quy chế của Hiệp định Genève thì dọc theo sông Bến Hải, cứ cách 3 ki-lô-mét, hai bên Nam Bắc đều được cất một cái đồn cảnh sát, đối-diện nhau ở hai bên bờ sông, và như thế là có tất cả mỗi bên 8 đồn cảnh sát đối-diện với 8 đồn cảnh sát bên kia. Cảnh sát này được gọi là « Biệt đội Cảnh sát Bến Hải », mỗi bên không được quá 100 người, tổng số trấn ở 8 đồn. Đây là cảnh - sát dân sự, chỉ được xử dụng ba loại vũ-khí thường : súng lục, cạc-bin, và tiểu liên.

Phái-đoàn của chính-phủ Bảo-Đại tham-dự Hội - nghị Genève 1954, đã đóng một vai trò thụ-động rất tai hại trong các cuộc thảo-luận về diềm vô - cùng quan trọng liên-quan đến vùng phi-quân sự ở ranh giới vĩ - tuyến 17. Mấy « nhà ngoại-giao » ngớ ngẩn của Bảo-Đại chỉ nói vài lời công kích suông về nguyên tắc, trong lúc người ta ráo riết tranh giành từ một tấc đất trong vùng phi-quân-sự, để tránh khỏi sự kiểm soát của Ủy Hội quốc tế đình chiến. Và đây là hậu quả của sự hờ hên của « Phái đoàn miền Nam » : Chiều dài của sông Bến Hải, như tôi đã

nói lúc này, từ cửa biển lên đến nguồn sông là 50 ki-lô-mét còn 10 ki-lô-mét nữa mới đến biên-giới Ai-lao (từ cửa Tùng trên bờ biển Nam-Hải đến biên giới Lào thuộc về quận Attopeu của Lào, là 60 ki-lô-mét, mà phần nửa là núi rừng hoang rậm, thuộc dãy Trường-Sơn). Nhưng theo Hiệp định Genève đã ấn định, thì bề dài của khu Phi-Quân-sự chỉ có 23 ki-lô-mét, đặt dưới quyền kiểm soát của Ủy-Hội Quốc - Tế Kiểm - soát Đình-chiến. Như thế, tức là dọc theo vĩ-tuyến 17 đến biên giới Lào, còn những 37 ki-lô-mét hoàn toàn trống rỗng, không có sự kiểm soát nào cả.

Theo bản đồ, thì toàn thể miền Cao-Nguyên nằm hai bên vĩ-tuyến 17 và một phần lớn thung-lũng ở trung-châu Bến-Hải là khỏi sự kiểm-soát của Ủy-hội Quốc-tế. Chính đó là cánh cửa mở rộng cho quân đội Bắc-Việt xâm-nhập vào miền Nam, không kể « đường mòn Hồ-chí-Minh » dọc theo biên giới Lào, băng qua các rừng rậm của dãy Trường-Sơn không thể nào kiểm-soát nổi. Trong lúc tôi viết bài này thì có trận đánh lớn.



Chú thích về bản đồ :

• Vĩ-tuyến 17 đi ngang ngay Cửa Tùng (1) trên bờ biển, chứ không đi đúng vào sông Bến-Hải. Vĩ-tuyến ở phía Bắc sông Bến-Hải và cách cầu Hiền-Lương 4 ki-lô-mét.

★ Vĩ-tuyến 17, từ bờ biển đến biển giới Lào, dài 60 km.

✕ Sông Bến-Hải từ bờ biển đến nguồn, dài 50 km

★ Khu Phi-Quân-sự (gạch carreaux trong bản đồ), kể từ bờ biển lên, bề dài 23 km. Kể từ

sông Bến-Hải, rộng 5 km về phía Bắc và 5 km về phía Nam, lòng rộng 10 km bề rộng. Diện tích của nó : $23 \times 10 = 230$ km vuông. Nó bao trùm,

miền Nam : Cửa Tùng (1), Quận Trung-Lương (2), Nam-Dương (3), về miền Bắc : Quận Hà-Cô (4). Quốc lộ số 1 đi ra Đông-Hới, qua Vĩnh-Linh (5) và Lệ-Thủy (6), đi vào Quảng-Trị qua Gio-Linh, Đông-Hà.

• Đường xe lửa từ Đông-Hà ra, đi sát dọc theo Quốc-lộ, đến Bến Hải lại cách xa cầu Hiền-Lương (Quốc lộ) 4 km. Từ cầu Hiền-Lương xuống Bờ biển (Cửa Tùng) 6 km.

(1) giữa quân lực Việt-Mỹ và quân-đội Bắc-Việt ngay tại khu phi quân sự miền Nam ở phía Tây đường xe lửa. Các Sư-đoàn Việt-Cộng chính-quy này đã băng qua miền thượng-du và trung-du sông Bến - Hải, mà Hiệp - định Genève đã cố ý hay vô tình bỏ ngỏ, chứ không phải vượt qua cầu Hiền-Lương hay khúc sông Bến-Hải nằm trong khu phi quân sự, như số đông người miền Nam tưởng lầm. Sự vượt tuyến xâm lăng của mấy sư đoàn Bắc Việt ở nơi trên, chính là hậu quả của sự vô ý thức gần như đồng lõa của chính phủ Mendès-France, đại diện nước Pháp trong cuộc thương thuyết với Việt-Minh tại Genève, tháng 7-1954. Nhưng trầm trọng nhất là sự hờ hên tội lỗi của phái đoàn Bảo-đại, đại diện xôi thịt của chính phủ miền Nam không nghiên cứu bản đồ của phần đất bị Cộng-Sản và thực-dân đồng mưu xâu xé. Một bạn ở Paris đã tham gia Hội-nghị Genève với tư cách quan sát viên, có thuật lại cho tôi nghe rằng, khi biết được kết quả chính thức của cuộc điều đình, phân chia ranh giới, «

Thay vì tranh đấu quyết liệt để ít nhất cũng thu được một phần nào thắng lợi về phần mình thay vì để ý nhận xét sáng suốt, nghiên cứu tỏ tường, đề cương quyết bảo vệ từng tấc đất quý báu của giang sơn giống nòi, thay vì đòi hỏi tất cả những đảm bảo vững vàng cho ranh giới mà người ta muốn vạch ra để đòi chất vôi sự đình-chiến vôi vàng sau cuộc bại trận nhục nhã ở Điện-Biên-Phủ, thay vì chứng tỏ cho Thế giới thấy sự phần nộ và các biện pháp đề phòng khôn khéo của mình, mĩ ý kẻ « chính khách » xôi thịt của Bảo-Đại và phản-đối suông một cách ngu xuẩn. Ngày nay bọn « chính trị gia » tập sự vụng dại đó vẫn sống phè phỡn ở Paris, (và ở Saigon), vẫn tiếp tục nuôi tham vọng ăn bám vào ngoại quốc, và trên xương máu của Đồng-bào, trong lúc hàng ngàn chiến-sĩ anh dũng của Việt-

(1) Bài này viết tại biên giới Việt-Miền ở Châu Đốc, vùng Bình Di, cuối tháng 7-1966.

Nam chết gục vì bom đạn, vì căm thù trên chiến địa, ở ngay ranh giới Bến-Hải mà bọn «ngoại-giao», đáng kết tội kia đã hờ hững để cho người ta mưu mô ấn định với nhau.

Lúc trở về ghé qua Quảng Trị, được ông Tỉnh trưởng (nay đã từ chức), có nhã ý mời ở lại dùng cơm chay tại tư dinh của ông. Tôi được nghe ông kể nhiều chuyện lý thú về đời sống của đồng bào trong tỉnh. Tốt nghiệp trường Quốc gia Hành chánh, ông hãy còn trẻ, trên 30 tuổi, và đã có khá nhiều kinh nghiệm sau khi đã nhậm chức Quận trưởng nhiều nơi. Ông đã tỏ ra một nhà hành chính có lòng tâm, liêm khiết, rất hăng hái, tận tụy, nêu gương kỷ luật, trong khi làm phận sự, và rất tha thiết lo cho đời sống của đồng bào nhất là của nông dân.

Quảng Trị là một tỉnh giáp giới với Thừa Thiên, cho nên đời sống chính trị của dân chúng thường chịu ảnh hưởng của Huế. Nhưng đồng bào Quảng Trị không quá bằng say như ở Huế và Đà Nẵng, trong một vài trường hợp sôi

động. Tôi đã được trò chuyện thân mật với một số anh em lao động, công tư chức, thanh niên, thiếu nữ, binh sĩ ở các đường phố ở chợ, dọc theo bờ sông, và đồng bào nông thôn ở rải rác nhiều nơi.



Nói chung, tinh thần quốc gia khá cao, nhưng Quảng Trị là một tỉnh tương đối nghèo hơn Thừa Thiên, Quảng Nam, nên đa số dân chúng lo đời sống vất vả hằng ngày nhiều hơn là các vấn đề chính trị, đảng phái.

Điều đó, thật rất dễ hiểu. Ở dân tộc Việt-Nam, cảnh nghèo nào cũng có nhiều sắc thái rất đẹp, trong đó đáng mến phục nhất là sự nhẫn nhục dưng cảm và hãnh diện trong đau khổ. Người dân Quảng-Trị không ưa xa hoa, phù phiếm, không thích những cái quá mới và quá lòe loẹt của Âu-Mỹ. Họ sống hầu như riêng biệt trong khung cảnh dân tộc, trong truyền

thống luân lý gia đình và đạo đức cá nhân, không khứng đón tiếp những tân trào ít thích hợp với tinh thần chủng tộc.

Tôi đã được nghe rất thích thú những lời tâm sự thành thật và cảm động của một số Nam Nữ thanh-niên, thiếu-niên, học sinh Trung-học, binh sĩ, cũng như những lời «tri kỷ» của vài ba bạn trẻ làm Thiếu-Úy, Trung-Úy trong Quân-đội. Hầu hết đều thích sống trong một lý tưởng thái h cao giữa thời đại. Hầu hết đều chán ghét thực tế khô khan, ty tiện. Họ có ý thức về những đau đớn, bi đát của tuổi trẻ đang

bị kẹt trong một hiện tại phủ phàng và một tương lai mịt mù vô định..



Cáo lỗi

Loạt bài tiếp theo bài này, nói về Huế và Đà-nẵng, phải gác lại, không đăng tiếp được vì những lý do ngoài ý muốn của tác giả. Vậy xin cáo lỗi cùng Bạn đọc. Trong những số tới, bạn sẽ theo dõi loạt bài về tỉnh Châu-Đức và Biên-giới Việt-Miền.



* GIẢI QUYẾT THEO LỐI MỸ

Một số mặt vụ nợ ở Hoa Kỳ lúc xây trụ sở và đắp sân, có dùng một chiếc xe ủi đất hạng bự... không ngờ lúc xây xong trông chung quanh mới hay là chiếc xe bị cầm tù bên trong. Sự «mất hên» nếu phá thành mới cho xe ra, các nhà lãnh đạo bèn ôm đầu nhau suy nghĩ.

Thật cuối cùng họ đã quyết định, chôn ngay chiếc xe tại chổ.

một
số
thi
ca

đánh
dấu
thời
loạn

*
*
*

(tiếp theo P.T. 177)

MỚI BÀI «*thập
thủ liên hoàn*» này
của họ Tôn đã gây
nên một phản- ứng

khá-mạnh trong đám sĩ-dân
Nam-kỳ kể cả bài *Tôn phu
nhân qui Thục*. Người ta
cho rằng trước các vấn đề
cứu quốc, ái quốc, Tôn
không còn địa vị gì nữa để
ăn để nói. Mà nói thì chỉ là
chuyện gái đĩ già mồm,
không hơn không kém. Cứ
cái địa vị của Tôn bên cạnh
các quan Tây đủ làm Tôn
mất hết danh nghĩa rồi; còn
ai tin Tôn có lòng thương
dân thương nước? Tốt hơn
hết Tôn nên ngậm miệng
và quả nếu Tôn trong sạch,
Tôn chưa hết lương tâm và
liêm-sĩ thì Tôn lấy việc làm
minh-chứng cho thái-độ của
mình có hay hơn không?

Đó là nói cho đẹp về mặt
lý thuyết, chớ giờ phút Tôn
ra cộng-tác với Tây là hà
còn đủ mồm cười để xác
nhận thêm một lần nữa tư
cách của ông Phủ Ba (người

ta quen gọi Tôn như vậy ở xứ này). (1)

Bởi sao? Bởi người ta đã từng biết nhiều hành động
rất ít chất « sĩ » của Tôn trước đây: tỉ-dụ Tôn cậy
cục xin tập ấm căn cứ vào chỗ tổ tiên có nhiều
công nghiệp với các tiền triều nhưng bị khước
từ. Trong một kỳ thi Hương, Tôn gả bài cho một
sĩ - tử để làm tiền chẳng may bị bại - lộ rồi bị
bắt giải Kinh. Nhờ có bài thơ tự sự, Tôn than cảnh nhà
hần bách phải nhúng tay vào việc phi pháp đến tai vua
Tự-Đức có câu «... *nắng mưa trời có thấu cho mình* » Tôn
được tha tội, lại còn được lãnh 50 lạng bạc để trở về xứ.

Nói cho phải Tôn là người thông minh, có tài, chỉ có
kém tư-đức mà thôi. Một thời Tôn đã làm được một số
người về cái đạo tùy thời nhưng làm người sao được mãi.

Mười bài thơ liên hoàn nói trên nghe ra thì chan
chứa cái gì là ái quốc, ái quần, cái gì là thức thời vụ...
luận điệu nguy hiểm rất khéo léo nhưng đối với những
ai không mù quáng vì danh lợi thì ngọc không lộn được
với đá, vàng chẳng thể lộn với thau. Do đó sĩ dân Nam-
Kỳ ngay trong bè bạn của Tôn đã có nhiều kẻ chẳng sợ
uy quyền của Tây và thế lực của Tôn thường công khai
chỉ trích Tôn không cần úp mở, Phan-văn-Trị chẳng hạn.:

Trong những bài họ a dưới đây Phan-văn-Trị đã phân
tích, mổ xẻ từng khía cạnh của vấn đề Tôn-thọ-Tường ra
trước dư luận. Chẳng những Phan đã phanh phui cái giả đạo
đức của Tôn lại còn ra roi vào chỗ «*hỗn xược*» của Tôn đối

(1) Buổi đầu Tôn-Thọ-Tường được Pháp cho chức tri phủ ở
quận TÂN-BÌNH.

với các chiến sĩ anh hùng đang xả thân trong máu lửa để cứu nước. Phan còn nhân dịp này ngang nhiên phơi bày cả cái dũng khí của mình và của « *Kháng chiến* » đời bấy giờ là không bao giờ mềm lòng thoái trí trước kẻ địch mặc dù chúng nhiều súng đồng tàu chiến. Phan lại cho hay dầu địch và bè lũ tội tở có lấy danh lấy lợi để như cũng vô ích, kẻ sĩ như Phan và các đồng chí không bao giờ chịu chấp nhận những cái vinh hoa nô-lệ của bọn ngoại chủng.

Dưới đây là 10 bài họa của Cử nhân Phan-văn-Trị mà đọc lên ai cũng thấy sự tiết tháo, sự trung trực của kẻ sĩ Đông-phương :

I.— *Hơn thua chưa quyết đó cùng đây,
 Chẳng đã nên ta phải thế này.
 Bên Nghé quân bao cơn lửa cháy,
 Còn Rồng dầu mặc bụi tro bay.
 Nuôi muông giết thú còn chờ thúở,
 Bủa lưới săn nai cũng có ngày.
 Đừng mượn hơi hùm rung nhất khí,
 Lòng ta sắt đá há lung lay.*

II.— *Lung lay lòng sắt đã mang như,
 Chẳng xét phận mình khéo nói vu.
 Người chỉ mắng lo danh chẳng khó,
 Đưa ngu lống sợ tuổi không chờ.
 Bài hòa đã sẵn in tay thợ,
 Việc đánh hơn thua giống cuộc cờ,
 Chưa trả thù nhà đến nợ nước,
 Dám đầu mắt lấp với tai ngơ.*

III.— *Tai ngơ sao được lúc tan tành
 Luống trách người sao chẳng trách mình ?
 Đến thế còn khoe danh đạo nghĩa,
 Như vậy cũng gọi của trâm anh !
 Khe sâu vụng tinh vụng thuyền nhỏ,
 Chuông nặng to gan buộc chỉ mảnh.
 Thân có ắt danh tua phải có,
 Khuyên người ái trọng cái thân danh.*

IV.— *Thân danh chẳng kể thiệt thặng hoang,
 Đốt sập nên tro lụi chảy tàn.
 Hai cửa trâm anh xô xấp ngựa,
 Một nhà danh giáo xáo tan hoang.
 Con buôn khắp khởi chưa từng ngọc,
 Người khó xăn vẫn mới gặp vàng.
 Thương kẻ đồng văn nên phải nhắc,
 Để ta đầu dám tiếng khoe khoang.*

V.— *Khoe khoang việc phải mới rằng khôn,
 Kẻ vạy người ngay há một phường ?
 Hồng dẫu hư lông đầu sợ sể,
 Hùm tuy thất thế dễ thua chồn.
 Người Nhan há sợ dao kềm cõ,
 Họ Khuất nào lo nước đến trôn.
 Thấy máy gặp thời ta sẽ động,
 Muốn nên việc lớn chớ bôn chồn.*

VI.— *Bôn chồn cũng bởi bận vì nhà,
 Dám trách người xưa chẳng tính xa.
 Hăm hở hãy đang hăng sức trẻ,
 Chịu lòn e cũng môn hơi già.*

Mỗi thơm cá quý câu không nhay,
 Cung yếu chim cao bản chẳng sa.
 Đáy giếng trông trời giương mắt ếch,
 Làm người như vậy cũng rằng là...

VII.— Rằng là người chí cũng xa lo,
 Nhuận nhũ kinh luân mới phải tro.
 Ngay vậy nể ra cho biết mực,
 Thấp cao trông thấy há rằng đo !
 Xe Châu nào đợi kinh năm bộ,
 Nếp Tống vừa đây sách nửa pho.
 Chuốc miệng khen người nên các cơ,
 Đạo trời ghét vậy há soi cho !

VIII.— Soi cho cũng biết đó là người,
 Chẳng tiếc thân danh lưỡng sợ cười.
 Ba cõi may dầu in lại cũ,
 Đồi trông trông đã thấy không người.
 Ngọc lành nhiều vết coi không lịch,
 Thơ vụng ít màu nhuộm chẳng tươi.
 Đưa đại chót đời già cũng đại,
 Lựa là tuổi mới một đôi mươi.

VIII.— Một đôi mươi ưỡn tỉnh sẵn văn,
 Đất lở ai mà dễ dám ngăn.
 Nong nả dốc vun nền đạo nghĩa,
 Xốn xang nào tưởng việc làm ăn.
 Thương người vì nước ngồi không vững,
 Trách kẻ cầm cân kéo chẳng bằng,
 Gió xằng mới hay cây cỏ cứng,
 Đồi theo người trước giữ năm hằng.

X.— Năm hằng vốn thiết thảo cùng ngay,
 Cuộc ấy ai xui khéo bận thầy.
 Gặp lúc chẳng may nên ngậm miệng,
 Chờ khi tháy máy sẽ ra tay.
 Nồi chìm mặc thể tình dày mỏng,
 Cao thấp dầu ta sức nhảy bay.
 Một trận gió đưa xiêu ngã cỏ,
 Hơn thua chưa quyết đó cùng đây !

Và trong bài « Tôn phu nhân qui Thục » dưới đây người ta càng thấy tấm lòng trong trắng của giới sĩ phu thuở đó mà Phan-văn-Trị là tiêu biểu xứng đáng nhất. Thái độ của họ Phan và các đồng chí là không theo địch không cộng tác với địch trên một lãnh vực nào. Ông đã phổ biến một cách khôn khéo tâm sự của mình để kích thích đồng bào hăng hái chống giặc nếu không ít ra cũng đứng ngoài những hoạt động có lợi cho địch.

Sự bất cộng tác của giới người vào hàng lãnh đạo này cũng có ảnh hưởng tai hại cho thực dân Pháp bấy giờ bởi nếu họ ùa theo tiếng gọi của địch thì trang sử kháng chiến của Nam-kỳ đâu có rực rỡ như ta thấy. Bài này của họ Phan là một bài giáo lý của đạo đức Đông-phương có một giọng rất bình tĩnh khác hẳn giọng trong 10 bài họa kể trên khi mĩ-mai, khi gay gắt :

« Cài trâm sửa áo ven câu tòng,
 Mặt ngả trời chiều biệt cõi Đông.
 Khói tỏa trời Ngô ùn sắc trắng,
 Duyên về đất Thục đượm màu hồng.
 Hai vai tơ tóc bền trời đất,
 Một gánh cương thường nặng núi sông.

*Anh hỡi, Tôn-quyền, anh có biết ?
« Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng !*

Nếu so sánh ta thấy Phan và Tôn đã dùng đầu nhau
mạnh nhất ở câu :

*« Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng !
và : « Thà mất lòng anh, được bụng chồng ».*

Là câu của Tôn-thọ-Tường nó trắng trợn làm sao, nó
khiến cho ta nghĩ rằng lý tưởng của những kẻ quên dân
bỏ nước chỉ là danh cao bổng hậu mà thôi. Nhưng sau đó
cũng có lúc Tôn đã nhận ra sự sai lầm hay tội lỗi của
mình trước công luận và không dám cãi liều, cãi
bậy nữa. Nếu chúng ta đọc bài « *Từ Thư qui Tào* » dưới
đây thì ta phải tội nghiệp phần nào cho Tôn gần như ta
xót thương cho các cô gái sa cơ lỡ bước dẫn mình vào
chốn lầu xanh.

*Hiếu đâu dám sánh kẻ cày voi,
Muối sát lòng ai nấy mặn môi.
Giúp Hán còn nhiều ruộng cật cả,
Về Tào chỉ sá cụm cây còi.
Mãng nghe tin mẹ khôn nâng chén,
Ngài tưởng ơn vua biếng dỡ roi.
Đã chẳng khôn Lưu đánh đại Ngụy,
Thân này xin gác ngoại vòng thoi.*

Với những câu thơ này Tôn tỏ ra biết điều biết ăn năn hối
lỗi và Tôn còn có ý khiêm nhượng nữa. Rồi chính vì biết
hối hận, Tôn đã không dám có những hành động tàn bạo
vô luân như bọn Trần-bá-Lộc, Huỳnh-công-Tấn, Nguyễn-

Thân chém đầu đồng bào như chém chuối, bỏ con nít
vào cối quết như quết nem để lấy diêm với quan Tây.

Trái lại đã có phen Tôn can thiệp cho Bùi-hữu-Nghĩa
là một lãnh tụ cách mạng thử thời rồi luôn mấy mươi năm
năm ròng Tôn sống lối một công chức cao cấp của Pháp,
không hơn không kém, khi đi với phái đoàn Phan-thanh-
Giản qua Pháp làm Thông ngôn vì biết tiếng Pháp, khi
đạy Hán tự tại trường Hậu-bồ, khi ra giúp việc Lãnh-sư
Kergaradec tại Hà-nội, v.v... rồi Tôn chết ở xứ Bắc ngày
22-3-1877, tóm lại Tôn không có làm gì quá đáng, quá tệ.

Cộng tác với Pháp còn một nhân vật nữa đã nổi danh
ở Nam-Kỳ và rất đáng kể là Trương-vĩnh-Kỳ trong giai
đoạn đầu tiên Pháp đặt gót xâm lăng lên đất nước này.

Trương khác Tôn ở chỗ Trương là con người biết say
mê đạo đức, uyên thâm về cổ học và Tây-học. Có thể nói
rằng Trương cộng tác với Pháp không vì danh vì lợi như
Tôn-thọ-Tường và nhiều kẻ khác. Được các cha cố dạy dỗ,
ông là người hiểu biết trước nhất cái tinh hoa của văn
minh Tây phương, ông còn mê say nền văn minh này là
đàng khác sau khi được dự phái đoàn ngoại giao của triều
đình Huế qua Ba-Lê (cùng một dịp với Tôn-thọ-Tường),
Ông đã được thăm viếng các nước Tây-ban-Nha, Bồ-đào-
Nha, Ý-đại-Lợi để nhận ra sự hủ bại và thoái hóa của văn
minh Đông-phương đang mỗi ngày một tàn tạ, suy vong.

Ông nảy ra ý kiến cái nhà Việt-Nam đã quá mục nát
không chống nổi cơn gió dữ từ trời Âu ào tới rồi quan
niệm mở mang dân trí là cần, điều hòa chủ trương của
đôi bên Việt - Pháp có lợi hơn cho dân cho nước. Như

thế ông gián tiếp cho rằng chống Pháp chỉ có hại và là yếu nước một cách cực đoan. Người đời nay nên thấu đáo cái thiện chí của Trương nhưng tiếc thay cái thiện chí này đã xây dựng trên những chánh kiến sai lầm nên chẳng mang lại kết quả tốt đẹp như Trương mong muốn rồi chính Trương đã thất vọng và nếm mùi chua chát ngay từ bấy giờ.

Trong việc soạn các sách chữ Nho, chữ Pháp, chữ Quốc ngữ, Trương có ý làm gạch nối cho hai nền văn hóa Á-Âu mong Việt-Pháp hiểu nhau để sống dễ dàng, tương thân, tương ái. Trương làm Giám đốc và dạy tiếng Đông phương ở trường Thông ngôn (Collège des Interprètes); Trương làm Hiệu trưởng trường Sư-phạm, dạy Việt-văn và chữ Nho ở trường Tham-biện Hậu-bổ (Collège des Stagiaires), sau được chỉ định làm giám quan cố vấn cho vua Đồng-Khánh, tại đây ông cũng nuôi hoài bão bắc cầu thông cảm cho người Việt và người Pháp để tránh những sự gay go về ngoại giao. Nhiều lần Trương dung hòa những chánh kiến đối lập, nhưng không thành công rồi người Việt nghi Trương ngồi giữa Triều-đình Huế để dò xét từ vua Đồng - Khánh trở xuống, người Pháp thì ngờ Trương mách đường chỉ nẻo cho Huế chống lại Sài Gòn và chỉ đưa ra những sự việc có lợi cho Việt-Nam hơn Pháp. Người tri kỷ của Trương là toàn quyền Paul Bert đã rất tin dùng Trương nhưng không bao lâu Paul Bert chết (11-11-1887). Từ đó Trương thất sủng rồi về Chợ-Quán đóng cửa dạy học, đọc sách, từ bỏ hẳn mọi hoạt động chánh trị. Sự nghiệp của Trương trên lĩnh vực văn hóa và giáo dục đáng kể là vĩ đại. Từ trước tới nay chưa một nhà văn học nào khảo cứu và biên soạn được nhiều

sách vở như Trương, nhưng về chánh trị ngày nay có rất nhiều người chống lại chủ trương của vị học giả lớn xứ Đồng-Nai.

Bởi sao?— Bởi công tác văn học, giáo dục do Trương điều động đã rất lợi cho chương trình bình định của xứ này của Pháp đáng lẽ để chống địch, bấy giờ ta chỉ nên có một thứ văn hóa là văn hóa kháng chiến mà thôi. Văn hóa kháng chiến là hun đúc cho dân tộc một tinh thần quốc gia cao độ, một tinh thần bài xâm triệt để, sau đó mới đến việc mở một con đường tiến mới cho nhân dân, khi đã thấu hồi được độc lập.

Các sách vở Trương biên soạn hay phiên dịch trên thực tế rút cục đã chỉ tạo nên một số người càng ngày càng đông ra làm tay sai cho Pháp và hàng ngũ của đám người này càng nhiều bao nhiêu thì nước mất chóng bấy nhiêu. Sự thực này đã rõ, ai mà không thấy ?

Trái lại cũng trong giai đoạn lịch sử này, tại Trung quốc, hai thầy trò Khang-hữu.Vi và Lương-khải-Siêu đề lo chống cái « *Bách-họa* » chỉ ngày đêm phò biển những tư tưởng cách mạng, bèn trong chống các hủ bại, đốn hèn của chế độ phong kiến, bèn ngoài giác ngộ nhân dân về hiểm họa của phong trào đế quốc và thực dân.

Trương đúng hay Khang, Lương đúng ?

Chúng tôi xin nhường quý bạn đọc xét. Và như trên đã nói, trước khi thở hơi tàn, Trương đã thất vọng về những việc của mình qua những vần thơ cuối cùng dưới đây :

« Quanh quanh quần quần lối đường quai
 Xò đây người vó giữa cõi đời.
 Học thức gửi tên con sách nát,
 Công danh rút cục cái quan tài,
 Đạo hòn lữ kiến men chân bước,
 Bờ xối con sùng tắc lưỡi hoài,
 Mở sổ bình sinh công với tội
 Tìm nơi thăm phán để thừa khai. »



□ DANH NGÔN

Đọt xoài mà chám mắm chua,
 Sự đời giả dối tranh đua làm gì.

CA-DAO VIỆT-NAM

* CÂY RĂNG

Bác sĩ Millward về nha khoa tại Đại Học Kent (Anh) đã thành công trong việc cấy răng mới — như chúng ta cấy một cây mạ đợi ngày nó thành cây lúa — như lời ông nói.

Ông chỉ cần trồng những răng nhỏ vào nướu, và cái răng cứ lớn dần theo tuổi người. Theo ông, cấy răng cho lứa trên 20 tuổi « chắc ăn » hơn.

Ngoài ra, có trường hợp một cảnh-sát nọ, lúc đá bóng bị gãy một cái răng. Anh ta lượm bỏ vào túi. Mấy hôm sau nhờ ông Bác-sĩ Millward trồng lại...Răng lớn mạnh như cũ.



tuổi thơ

* HÀ (Gia-Long).
 Nhóm Áo Trắng.

Ve sầu nghe rộn rã
 Phượng nở đỏ góc trường
 Nắng hè khắp bốn phương
 Người quen đi đôi ngả

Ngày mai sầu phượng vĩ
 Về tuổi dại xa xôi
 Hồn thơ đã mất rồi
 Gục đầu trong mộng寐

Buồn dâng vào đáy mắt
 Bây giờ thời ta đi
 Khoảng trống buổi phân kỳ
 Đang nghẹn ngào cúi mặt

Một ngày sau trở lại
 Nhìn sân nắng Gia-Long
 Để ôm trọn trong lòng
 Chuyện ngày xưa thơ dại.



*Ai về Bình-Định
mà coi*

Con gái Bình-Định

cầm roi đi quyền! . . .

★ HOÀNG - SA

CA D A O là những bài hát lưu truyền trong đám bình dân, những câu hát đồng quê mộc mạc, mang nặng tâm hồn và sắc thái của dân tộc, nó dệt lên những niềm rung cảm thiết tha, triu mến với tất cả lòng chân thành.

Ca dao còn biểu hiệu một cách rõ ràng và trung thực về nếp sống người dân của mỗi địa phương. Vì vậy khi viết bài này,

với hy vọng là giúp quý bạn đọc có thể rõ hơn một phần nào về đất Bình Định, bằng những lời thơ địa đàng, tình tứ của kho tàng văn chương bình dân còn sót lại trong lòng mỗi người dân nơi đây.

Bình Định, nơi nổi tiếng của võ nghệ khi xưa :

*« Ai về Bình-Định mà coi,
« Con gái Bình-Định cầm roi đi quyền ».*

Với 2 câu giản dị trên, nó đã làm cho quý bạn biết phần nào cái sắc thái tổng quát nơi đây, nơi mà :

*« Hầm hồ có cá hóa rồng,
Sông Côn giáp nhánh tại vùng
Phú Phong ».*

Và những phong cảnh nên thơ nơi đây, được diễn tả với những câu ca dao êm nhẹ và đẹp. Với Phú Phong ngày xưa :

*« Cây Cốc lơ thơ cành lá rụng,
Đá hàn (1) réo rắc nước sông
reo ».*

Bình-Định, với những núi đồi rải rác, với dòng sông Côn uốn khúc, với những con đường sỏi đá quanh co, đã tạo nên những vị anh hùng dân-tộc mà tiếng tăm còn để lại thiên thu.

Nhân dân Bình-Định, đã một lần hân hoan chào đón khi đoàn quân chiến thắng của Quang-Trung Hoàng-đế trở về :

*« Nhong nhong ngựa Ông đã về,
Cắt cỏ gò Đê cho ngựa Ông
ăn ».*

Ngày nay người dân Bình Định vẫn còn nhắc mãi công đức của

Người anh hùng « áo vải » :

*« Non Tây áo vải cờ Đào,
Giúp dân dựng nước xiết bao
công trình ».*

Bình-Định nơi có nhiều tháp Chàm : Di tích của Chiêm Thành còn lại, rải rác ở khắp nơi trong tỉnh, nhiều nhất là ở quận An Nhơn (Bình-Định) những ngọn tháp này đứng quanh thành Đồ-Bàn. Ngày nay những tháp Chàm vẫn còn sừng sững đó mặc dầu có ngọn đã hư hao rất nhiều và cũng đã được tu sửa lại. Với những dải dầu mưa nắng, viên gạch ngàn xưa đã ngả màu, như muốn nói tiếc một thời quá vắng xa xưa... mà bây giờ chỉ còn lại những vang bóng im lìm. Tháp nổi tiếng nhất ở đây, có lẽ là tháp Cảnh-tiên, đồng thời ngọn tháp này cũng đã chứng kiến lòng trung nghĩa của Võ Tánh và Ngô Tùng Châu đối với nhà Nguyễn, mà ngày nay người dân Bình-Định vẫn còn thương tiếc :

*« Ngó lên hòn tháp Cảnh-Tiên,
Cảm thương ông Hậu thủ
thiền ba năm ».*

Ở đây chúng tôi cũng xin mở một dấu ngoặc nói thêm về những

xảo trộn lịch sử từ ngày Quang Trung lên ngôi và chúa Nguyễn Ánh đã bị thất bại. Trước khi thế bách chiến bách thắng của Quang Trung đã làm cho phe địch, trong nước cũng như ngoài, nhất là chúa Nguyễn ở Nam, vua Lê và chúa Trịnh ở Bắc đã nhiều phen điều ứng, thất bại hoàn toàn. Chúa Nguyễn Ánh đã phải trốn tránh đó đây gian khổ. Trong thời kỳ này các phe địch đã dùng ca dao có tính cách tuyên truyền để chống lại nhà Tây Sơn.

Đối với người đàn bà có chồng làm lính theo Tây-Sơn thì :

« *Tiếng ai than khóc nữ non,
Là vợ chú lính treo hồn Cù
Mông* ».

Cũng như họ đã gieo nỗi khổ tâm, uất ức vào người đàn bà nói trên, họ còn gán cho quân Tây-Sơn chỉ là một thứ quân nổi loạn những nhẽu thiếu tổ chức.

« *Trách ông Biện Nhạc, Tứ linh
Làm cho con gái thất kính hoàng
hôn* »

Tuy rằng với bao nhiêu sự tuyên truyền xuyên tạc, xảo trá và xác xược của phe địch, nhưng Quang-Trung vẫn giữ được uy

quyền của nhà vua đối với dân, ngài đã làm cho dân chúng cảm phục, mến tiếc thật là một vị anh hùng vậy.

Bình-định đã trải qua bao nhiêu đời thay, bao nỗi khổn khổ đối với người dân, nhưng cái khí phách hào hùng của người « Áo Vải » đất Tây-Sơn vẫn còn trong huyết quản của mỗi người, nên đã hơn một lần nữa, chúng ta lại được vinh hạnh là con cháu của nhà cách-mạng Mai xuân-Thường, với tuổi trẻ đầy thao lược. Người đã cầm binh kháng Pháp, chống lại bọn thực dân đang dày xéo lên mảnh đất quê hương. Ông là một chiến sĩ Cần-Vương, đậu cử-nhân năm 21 tuổi, đã nổi lên đánh Pháp ở Bình-Khê (Bình-Định), tuy rằng chỉ trong vòng hai năm (1885-1887) nhưng đã làm cho quân Pháp nhiều phen điều đứng. Sau vì không nỡ để thân mẫu bị hành quyết và nhân dân hai làng Phú-Phong, Phú-Lạc bị tra tấn dã man, nên ông đã một mình ra nộp thân cho Pháp. Ngày nay, nhân dân Bình-Định vẫn còn nhắc mãi tới người như để bù ngùi thương tiếc một vị anh hùng dân tộc

« *Hầm hồ có cá hóa rồng,
Bàng khuâng nhé tới anh hùng
họ Mai.*

*Vá trời lấp biển còn ai ?
Ngôn ngang đá chất lớp ngoài
lớp trong* ».

Dù trải qua bao cơn sóng gió, bao sự xoay vần của thế cuộc, người dân Bình-Định không bao giờ lùi bước hay rên sợ trước những cam go, mặc dầu rầy rầy những thử thách, dòng máu bất khuất đã ăn sâu vào đáy lòng mọi người ; bất cứ việc gì, họ không bao giờ chịu thua kém ai cả. Thực vậy ngày trước Bình-Định là trung tâm thi cử của bốn tỉnh « Nam, Ngãi, Bình, Phú ». Họ đã ra công xây đắp thành Đờ-Bàn để cho sĩ tử các nơi đến thi, đó là công lao của người Bình-Định. Nhưng công lao đó đã bị chể riểu, vì trong một kỳ thi, người Bình-Định không giành được thủ khoa mà đã để cho Quảng Ngãi chiếm : « *Tiểu công Bình-Định xây thành,
Đề cho Quảng Ngãi vô giành thủ
khoa* ».

Trước cảnh trái tai gai mắt ấy, người dân Bình-Định lấy làm khó chịu và họ đã cố công đèn sách. Cuối cùng họ đã chiến thắng một cách vẻ vang :

« *Tiểu công Quảng Ngãi đường xa,
Đề cho Bình-Định thủ khoa ba
lần* ».

Trong tinh thần bất khuất, trong cái khí phách ngang tàn sẵn có, đã tạo cho người dân nơi đây một lối sống phóng khoáng hơn :

« *Nhất trai An Thái,
Nhì gái Phú Đa,
Ai mà bì kịp cái đờ hoang chơi* »

Vì sự phóng khoáng đó, mà đất Bình-Định, ngoài những vị anh hùng đã đi vào lịch sử, lại còn có chàng Lía, một hiệp sĩ sinh trưởng tại Phú-Lạc, xã Bình-Thành (Bình-Khê, Bình-Định), rất có hiếu đối với mẹ ; lại thêm vô nghệ cao cường, sức mạnh vô song, và không chịu nổi sự hà khắc của thực dân Pháp thời ấy, nên chàng đã hùng cứ truông Mây, công khai chống lại chế độ lúc bấy giờ, và hay hành hiệp để giúp người nghèo khó. Về sau vì làm mỹ nhân kế, nên chàng đã phải tự sát để tránh cảnh lọt vào tay Pháp.

Cảm thương hành động nghĩa hiệp của chàng, người dân Bình-Định đã tỏ lòng mến tiếc :

« *Chiều chiều én liệng trướng
Mây.*

*Cảm thương chàng Lúa bị vầy
trong thành ».*

Cũng như Nam giới, người Nữ giới của Bình - Định không thua kém Nam nhi chút nào, có lẽ vì sự ngang tàn và tính kiêu hùng sẵn có, đã tạo cho người con gái nơi đây những cử chỉ hào hùng chẳng khác gì Nam nhi.

« *Tiếng rằng con gái Định
quang (2)*

*Tay bông tay bẻ ra đàng đánh
Tây».*

Thật là đúng với câu :

« *Ai về Bình-Định mà coi,*

*Con gái Bình-Định cầm roi đi
quyền».*

Với những tháp Chàm lồ lồi, những núi đồi xơ xác, với những đường dài thăm thẳm, tạo nên một cảnh trí nửa hùng tráng nửa nên thơ, nửa làm cho người ta phải ghê sợ, nửa làm cho người ta phải luyện nhớ khôn nguôi :

« *Ngó vô dốc lở lài lài,*

*Tình thâm nghĩa trượng nhớ
hoài không quên».*

Về nếp sống của người dân nơi đây thật là đơn sơ chất

phác, nhưng không vì thế mà thiếu vẻ thi vị. Đời sống giản dị mà phong tục và tập quán đã biểu lộ rõ rệt qua ca dao. Người con gái Bình-Định tuy rằng « *cầm roi đi quyền* », « *ai mà bì kịp cái đà hoang chơi* » nhưng chúng ta vẫn thấy vẻ hiền hậu và sự duyên dáng của người con gái nơi đây :

« *Gái Phú-Phong chẵn tầm dệt
lụa,*

Gái Phú-Yên ba tiền một đũa,

Gái Bình-Định một đũa ba quan.

Gái Phú-Yên ba tiền một đũa,

*Gái Bình - Định lơ lửng theo
không».*

Qua câu trên chúng ta đủ biết quan niệm về lứa đôi ở đây thật là dễ dàng và đơn giản, nhưng không kém phần thi vị.

Là nơi có nhiều nghề nghiệp, mỗi địa phương đều có một nghề riêng biệt đề xuất phẩm cho địa phương mình. Trong những lời trao duyên đậm đà và tình tứ sau đây, chúng ta sẽ thấy họ gói ghém những tâm tình đó qua những nghề « *mọn* » bằng những lời thơ đơn giản nhưng cũng rất nên thơ để yêu dễ mến.

Bình-Định nơi nổi tiếng của ngành tiểu công nghệ :

« *Anh về Bình-Định thăm nhà,
Tháng hai trở lại tháng ba cưới
nàng.*

*Cưới nàng đội nón Gò Găng,
Xấp lánh An-Thái một khăn
trầu nguồn.*

hay :

« *An-Thái có bún song thân
Gò găng nón lá dứa gần Bồng
Sơn »*

Với những lời thơ tâm tình như nhắn nhủ, chúng ta còn thấy cái phong phú nơi đây :

« *Anh về dưới Dã thăm nhà (3)
Cho em xin gói lượng trà Ô-
long »*

hay :

*Ngó lên chợ Lũy cây Đa
Thấy em bán gạo áo là khăn
xanh.*

trong cái vẻ đẹp ấy đã làm cho người con trai nơi đây phải thốt lên :

*Khăn xanh có ví hai đầu
Xé ra may dây bỏ trầu ăn chung
hoặc xa xôi và tình tứ hơn :*

*Ai về nhắn với nậu nguồn (4)
Măng le gói xuống cá Chuồng
gỏi lên.*

Dù rằng dân miền Trung với những đất đai cằn cỗi, những núi nghèo lở lói, những đường sạn đá quanh co, những miền thù

duyệt cát vàng hạnh nắng ; nhưng trong cái cằn cỗi đó, cũng có cái màu mỡ tươi xanh. Với Đồng-Phố nổi tiếng là nhiều khoai lang, với Hà-Nhung nhiều đậu phụng, và họ cũng đã khéo léo đưa những lời tình tứ êm buồn vào ca dao :

*Khoai lang Đồng Phố
Đậu phụng Hà Nhung,
Chàng bòn thiếp một đở chung
một gửi.*

*Chẳng qua duyên nợ sứt sùi
Chàng giận chàng đá cái gửi
lăn đi .»*

hay :

*Đố anh con rít mấy chôn
Cầu Ô mấy nhịp chợ Dinh mấy
người*

*Chợ Dinh bán nón quan hai
« Bán tua quan một bộ quạt
năm tiền*

Nơi có nhiều lâm sản :

« *Anh về giờ gõ Hà ra (5)
Cắt nhà lằm thượng tháng ba
em về .»*

Bình Định hằng năm thường gặp nhiều sự đổi thay của thời tiết:

« *Một mai nước lở bờ xe,
Lấy gì qua lại mà ne (6) con đò.*

Hay :

« *Muốn về Luât lễ ăn dưa.
Sợ e nước lớn đò đưa không
thường*

Dù cho bao nhiêu đời thay, dù bao nhiêu cách trở, người dân Bình Định lúc nào cũng giữ được nét thi vị ngàn xưa của nó. Chúng ta hãy nghe lời trao duyên tình từ :

* *Chiều chiều ngó xuống cầu Đồi
Thấy em kéo cá buồn ôi là buồn* *

Đề rồi họ lại thăm trách :
« *Cầu Đồi năm cạnh tháp Đồi
Vật vô tri còn biết đèo duyên lúa,
huống chi tôi với nàng* ».

Hay :
* *Ai về Phú cũ nhấn nhẹ
Nhấn chị bán chè sao vậy chẳng
lên ?* *

hoặc :
« *Khi nào anh đứng em ngồi,
Anh trao cái ví em bồi cái khăn
Ngãi non non ngãi chi bằng
Non cao chót vót không bằng tình
thương* ».

Dù cho sông núi cách trở ngàn dặm xa xôi, nhưng mối tình ấy vẫn thắm thiết :

* *Thuốc ngon Bình Định,
Giấy quuyến Sa Huỳnh,
Nậu xa mược nậu, (4) đôi đũa
mình đũa xa* ».

Dù ở một phương trời nào, mối tình quê hương vẫn tung bồng sóng dậy trong lòng mỗi

người dân Bình-Định nơi đất khách quê người, và họ lúc nào cũng đề lòng hướng về đất mẹ :

*Anh về Đập đá quê cha
Cò gắng quê mẹ, Phú Đa quê
chàng*

*Kén hàng quê thiệp :
.....
Chàng ơi đưa gói thiệp mang
Đưa gươm thiệp vác đề chàng
đi không*

Bình-Định đất rộng đường dài và cũng có vẻ trù phú, cho nên vì thế mà con gái xứ Huế thích lấy chồng Bình-Định :
*Gió đưa mười tám lá xoài,
Lấy chồng Bình Định cho dài
đường đi.*

Cũng như bún « Song-thần », bánh ít lá gai của Bình - Định cũng là một mỹ phẩm đáng kể ; loại bánh này nhỏ, làm bằng bột nếp và lá gai. Có lẽ vì vậy mà người dân nơi đây đã lấy tên của bánh đặt tên cho một ngọn tháp ở gần cầu Bà-Gi, nơi cửa đường giao thông Nam - Bắc, như đề nhắc nhở :

*Tháp Bánh Ít đứng khít cầu
Bà Gi.*

*Non xanh nước cũng xanh rì,
Từ Nam ra Bắc ai cũng đi trên
đường này*

sự thơm ngon của bánh ít đến nỗi :

*Muốn ăn bánh ít lá gai,
Cưới vợ Bình Định sợ dài
đường đi*

Ngoài những tiêu công nghệ trên, Bình-Định còn có nghề dệt chiếu cũng rất thịnh hành, nổi tiếng nhất là chiếu Bồ-Địch :

*Anh về Bồ Địch (7) giếng vuông
No cơm ấm áo lương tuồng bỏ
em.*

Qua những năm triều miên trong khói lửa, người dân Bình-Định đã sống trong những phút hồi hộp hoang mang, họ cảm thấy như kẻ bị lưu-đày-khốn-khở dù đang đứng giữa quê hương. Cảnh sống đầy những chật vật cùng túng, một hạt gạo công năm bảy lát mì, nhất là chín năm dưới chế độ Cộng-sản nên nhiều lúc họ muốn xoa dịu nỗi thống khổ đó, họ bèn hát lên những câu ca dao hài hước để cho sự thống khổ kia vui bớt phần nào :

*« Khen cho Phù Mỹ có tài,
Nấu cơm chén gạo nời hai cũng
đầy. »*

Chín năm trong khói lửa, bao

nỗi khổ khổ chồng chất, bao cảnh đồ nát của quê hương hiện ra trước mắt, người dân nơi đây cảm thấy đau lòng khi nhìn cảnh điêu tàn :

*« Đường Bình Định gập ghềnh
sạn đá,
Đường Phú Yên xa mờ rợn rùng ».*

Nhưng dù bao nhiêu thử thách, bao nỗi vắn xoay của thế cuộc, bao sự thống khổ lưu đày, người dân Bình Định vẫn trường thành dù trong khói lửa, vẫn trường tồn dù trong thống khổ, và đây niềm tin tưởng ở mai sau.

Với khí phách ngang tàng sẵn có, với lòng tin yêu quyết liệt của tiền nhân để lại, với dòng máu quật cường bất khuất của Nguyễn Huệ, Mai Xuân Thưởng, Bùi Thị Xuân đã làm cho họ không chịu khuất phục một ai, một áp lực nào dù lớn mạnh bao nhiêu. Thực vậy, sau ngày Chính quyền Quốc gia tiếp thu (5-1955) họ đã vùng lên đánh tan gông xiềng Cộng sản, xây dựng lại xóm làng, đề ngày nay chúng ta hãnh diện mà đọc câu :

« Bình Định tốt nhà,

CHÚ THÍCH :

- (1) Cầu Đá Hàn
- (2) Địa danh của một làng thuộc tỉnh Bình Định
- (3) Về Qui Nhơn
- (4) Tiếng địa phương (nậu)
Mọc : mặc
- (5) Địa danh một làng ở Bình Định
- (6) Giữ lại
- (7) Địa danh một làng ở Bình Định.

Tuy rằng bài này không được đầy đủ cho lắm, nhưng nó cũng nói được phần nào cái cảnh trí, cùng bản chất của người dân Bình Định mà quý bạn thường nghe nhắc tới trong những ngày qua tháng cũ.

*** BÍ QUYẾT**

Bộ-nội-vụ Pháp đưa ra khẩu hiệu khi tuyên các Thị-trưởng hay Phó thị-trưởng:

« Bao tử tốt, gan tốt, chân khỏe, mắt tinh, cử chỉ đẹp để trong mọi trường hợp »,

Như thế vẫn chưa đủ. Bộ giải thích thêm :

« Còn phải ăn ở cho dễ thương, thạo việc, tế nhị, thạo về khoa tâm lý »!..,

Và để thực hiện bí quyết này :

« Phải có một bà nội trợ khôn khéo để giúp đỡ mình. vì các ông Thị-trưởng rất có thể dễ được các « bà Xả » cảm hóa, nếu bà xã biết nâng niu, sẵn đón chông.

*** Đĩa bay đã có cách một vạn năm nay**

Cách đây mấy năm, khai quật một kim tự tháp Maya ở Mê-tây-cơ, người ta đã tìm ra một tấm đá trên có khắc hình một « đĩa bay ». Các nhà khảo cổ đã vô cùng ngạc nhiên, không ngờ dân Mê-tây-Cơ cách đây 10 ngàn năm đã nghĩ ra một loại phi thuyền tinh xảo đến thế.



TRUYỆN NGOẠI QUỐC

HAI MƯƠI

LĂM PHÚT CUỐI CÙNG

* BYRON ESHELMAN
• TRẦN-VĂN-LÝ dịch

TÁM GIỜ SÁNG.
Do một cửa sổ rộng của căn phòng tôi trong đây nhà phụ ở khám đường, tôi ngắm nhìn một buổi sáng biển chuyên liên tiếp từ xám qua xanh. Một cơn bão bề nổi dậy trên Thái Bình Dương nhưng giờ phút này mặt nước vịnh San Francisco vẫn còn phẳng chiếu ánh mặt trời. Đứng ngay trên tôi, một tội nhân mặc sơ-mi và quần dài treillis xanh

đang xén kiên. Từ hơn 10 năm nay, tôi làm giáo-sĩ tu-tế tại khám đường San Quentin ở California. Tôi biết rõ cái sinh hoạt thường ngày ở đây. Sáng nay nó cũng bắt đầu như mọi hôm. Tuy nhiên nó có vài điểm khác lạ. Chính hôm nay có một tử tội phải chịu li bỏ cuộc đời.

8 giờ 25. Trong khi tôi đi lần xuống đồi để về nhà bằng lối chính

thì một cơn mưa rào đổ đến. Tôi nghĩ không biết có nên đi vào phía nhà giam các tù tội với một thân hình ướt sũng nước mưa, một thứ nước có mãnh lực gọi lại cái hình ảnh tốt đẹp và êm đềm của sự sống ? Tôi tự hỏi không biết Richard Thomas Cooper có muốn gặp mình không. Suốt trong ba trăm hai mươi hai ngày bị giam cầm nơi đây, nó cùng tôi chỉ trao đổi với nhau có vài lời. Trừ việc tôi định biểu nó vài quyền sách đạo — nó từ chối — tuyệt nhiên không có lần nào tôi đi ngược lại nguyện vọng của nó là chỉ muốn mình được thiên hạ để yên.

Hôm qua văn phòng Giám Đốc có cho tôi hay là Richard không muốn có vị giáo-sĩ gần nó khi nó lìa bỏ cuộc đời này để đi vào cõi chết. Nhưng qua một đêm ở nhà giam, giờ đây có lẽ nó muốn có dịp để nói chuyện với một kẻ nào khác lạ hơn mấy anh canh gác nó.

8 giờ 30. Anh gác-dan Gilbert có phận sự giữ cửa sắt, tay cầm một tờ báo ở San Francisco. Chúng tôi liếc sơ qua xem họ có nói gì đến biển cỏ hôm nay không. Một giòng tí nhỏ trong cột loan tin : « Hành quyết một tên sát nhân ».

Ít có người nghe nói đến Cooper. Báo chí không dành cho nó cái danh dự « số dặc ». Nạn nhân của hắn ta là hai người đàn bà bị nó bóp cổ chết trong lúc nó đang uống rượu trong một lữ-quán đã mang khá nhiều tiếng xấu. Nó nhìn nhận tội ác và muốn được đền tội. Bản phúc trình cuộc giáo nghiệm thần kinh của bệnh viện San Quentin cho biết nó là một kẻ mắc bệnh thần kinh, vô chừng, tinh tình hay biến đổi và nghiện rượu kinh niên. Số thương trí khôn của nó là 127, con số này đã liệt nó vào hạng còn khôn ngoan. Nó đã đợi cái chết đến bằng một cách trang nghiêm đáng mến phục.

8 giờ 33. Tôi phải đi hết 50 thước từ cổng chính đến cái cửa sắt nặng nề của phòng hơi hình bát giác. Trước tiên tôi vào căn phòng dành riêng cho 22 nhân chứng chánh thức dự kiến cuộc hành quyết. Bốn cạnh của phòng hơi đưa về phía phòng này. Mỗi cạnh đều có khoét một cửa tò vò rộng, gần kiếng dày để có thể nhìn thấy rõ ràng 2 ghế sắt đặt phía trong. Có nhiều khi người ta hành quyết 2 tử tội cùng một lúc. Nhưng Richard được đặt ân chết một mình.

Tôi là một người rất quen mặt, đứng sau ôai cửa nhỏ cuối phòng nhân chứng chỉ nhìn thấy được có phân nửa phòng hơi. Một anh gác-dan nhận ra tôi, một sứ đồ của Chúa nên vội mở cửa ấy cho tôi.

Tôi bước vào phòng sửa soạn. Ở đây người ta rất chú tâm đến cái quan hệ của nghi thức. Chính nhờ nó mà cuộc hành quyết được dung thứ. Nếu không, những tử tội sẽ không bao giờ chịu được sự sắp-xếp cần thiết của chúng tôi, những người bắt buộc phải chứng kiến cái chết của họ, sẽ không còn dám đương đầu bất cứ một cuộc hành quyết mới nào.

Trong phòng này, những kẻ đảm nhiệm trách vụ không có ngày giờ để suy nghĩ. Máy túi cyanure phải được đếm kỹ và bao vải cần thận. Acide được rót vén khéo vào mấy cái bình để sẽ chảy vào mấy cái

« xô » đặt ngay dưới 2 ghế sắt trong phòng hơi. Một nhân viên khám đường, tay mang găng cao su, sẽ máng mấy cái túi giết người ấy vào mấy cái móc định mạng phía dưới ghế. Một người khác đặt sẵn một máy điện thoại mà đầu giây sẽ bỏ lửng để sẵn sàng tiếp nhận một sự ân xá vào phút cuối cùng, nếu có.

8 giờ 55 — Từ phòng sửa soạn tôi lần theo một hành lang nhỏ hẹp để đến nhà giam các tử tội. Trong chòi canh nhỏ phía trước, 2 anh gác-dan đang ngồi nghe nhạc bằng một máy radio cũ. Tôi đi thẳng về phía có 2 xà-lim. Richard đang nằm sắp trên một tấm nệm đặt ngay dưới mặt đất. Xà-lim không có chỗ để kê thành giường. Một ánh sáng lơ-mờ của một loại đèn thô sơ dành gắn trong những gian phòng nhỏ hẹp và một cái bàn viết làm bằng

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

Dùng Midol

1360/BX.T/DQDC

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

mấy thanh sắt có thể xếp lại được.

Với một cái vui gương, anh gác đàn nói :

— Chào giáo-sĩ.

Richard ngược đầu lên. Anh nói chậm chậm : Chào giáo-sĩ. Thật tôi không mong đợi để gặp ông.

Im lặng một phút nó nói tiếp : Ông mạnh giỏi chứ ?

Tôi kéo một cái ghế và ngồi ngay trước cửa xà-lim.

— Vẫn mạnh, cảm ơn anh. Đêm qua anh có ngủ được chút nào không ?

— Không nhiều lắm, nó trả lời và ngồi dậy.

Nó đề một phút suy tư rồi cười.

— Ông có biết chỉ nội trưa nay là tôi vào đại học không ? Tôi nghĩ chỉ còn có cách ấy để

vào trong đó được và vì vậy mà tôi đã tặng cái thân xác này cho trường đại học y khoa.

Nó trở lại im lặng và nói thêm :

— Có thể sáng mai tôi sẽ nằm dài trên một cái bàn trong giảng đường và im lặng nhìn mấy gã sinh viên.

Tôi hỏi xem có bao giờ nó ước ao được vào đại học không.

Nó ngھnh cổ lên :

— Có chứ, nhưng rồi việc ấy cũng tự biến vào trong đêm dài của thời gian.

— Tôi đoán hình như anh thích hội họa hơn.

— Có lẽ, nhưng rồi cũng lại tiêu tan trong ước mơ.

— Mấy anh gác đàn có chỉ cho tôi xem mấy bức họa của anh. Theo tôi thì nó đẹp đây.

— Cảm ơn ông. Tôi chỉ có mỗi một cây viết chì trong tay.

— Anh có bao giờ vẽ theo lối sơn dầu không ?

Nó quả quyết có. Thế là chúng tôi cùng nhau bàn cãi về cái lợi của dầu trên những bức tranh của những họa sĩ thiếu kinh nghiệm. Những tiếng sửa soạn từ phòng bên vọng lại.

9 giờ 20 — Richard vẫn còn muốn nói chuyện thêm mãi. Tôi không đá động một chút gì về tôn giáo. Đâu có phải lúc nào cũng giảng những lời thiêng liêng là làm đúng theo ý muốn của Chúa. Chỉ nội cái việc tôi gần gũi với con người ấy trong vài phút cuối cùng cũng đủ làm cho y thấy rằng trên đời này không có ai là hoàn toàn cô độc và cũng không có ai hoàn toàn bị ghét bỏ.

9 giờ 35 — Quốc gia California chỉ còn cho Richard chừng 25 phút cuối cùng để sống. Máy phát thanh phát ra một bản nhạc nhẹ nhàng. Bỗng có một tin giờ chót : một tai nạn đã làm tắt ngấm sự lưu thông trên cầu bắc ngang qua vịnh đến lối 10 giờ 30. Richard và tôi nhìn nhau và cùng có một ý nghĩ : 10 giờ rưỡi, còn đến gần nửa

tiếng đồng hồ nữa mới chết.

Chúng tôi vội tìm một đầu đề cho câu chuyện và cuối cùng chúng tôi nói về thể thao. Richard là một cầu thủ hăng say nhất trong đội banh San Francisco.

— Mấy giờ rồi nhỉ ? đột nhiên nó hỏi tôi.

— 9 giờ 43 phút.

Richard đưa vội lưới qua môi.

— Tôi có xin cho một gác-dan được dự vào việc này hôm nay nhưng có lẽ không phải phiên anh ta.

Richard cắt nghĩa cho tôi biết là nó mền già ấy lắm và nó muốn cho anh này được hưởng phụ cấp dành riêng cho những ai có dự cuộc hành quyết.

9 giờ 49 phút — Nó than phiền như có lửa đốt trong gan trong ruột. Một anh gác-dan đưa nó điếu thuốc, đốt giùm rồi đề nghị biếu nó tách café. Nó gật đầu đồng ý và xin café đen. Người ta rót café đen cho nó trong một cái cốc làm bằng giấy bồi.

Bảy giờ thì những cố gắng trong câu chuyện của chúng tôi gần như bị chùn lại. Nhưng rồi

Quing midol là các chứng đau nhức vai cẳng tay
CÓ BẢN THU CẮC NHA THUỐC TÂY

chúng tôi, cả hai đều thấy nhẹ nhõm khi ông David Schmit, một bác sĩ chuyên môn bệnh thần kinh của bệnh viện San Quentin đến. Với một giọng trầm-tĩnh, bác-sĩ Schmit gọi lên :

— Richard Thomas Cooper ?

— Hình như tôi có nghe cái tên ấy ở một nơi nào đó, Richard trả lời với một giọng thần nhiên.

— Được rồi, Richard ?

— Phải.

Bây giờ thì đến lượt ông Giám-Đốc đến. Ông chào tên tử tội và phân bua :

— Mấy nhà báo họ cứ nhờ tôi cung cấp cho họ vài lời tuyên bố cuối cùng của anh. Vậy anh có điều gì để nói không ?

Richard suy nghĩ rồi lắc đầu.

— Không, không có gì cả.

Ông Giám Đốc bắt tay nó và hết sức nhã nhặn, ông nói :

— Thôi xin vĩnh biệt Richard nhé.

Ông Giám Đốc và bác sĩ Schmit trở về phòng sửa soạn. Bảy giờ thì nhịp điệu trở nên nhanh hơn. Đến lượt tên tử tội phải thay đổi áo quần.

Hai anh gác đan mở cửa xà-lim và bước vào. Một vị lương y theo sau. Richard cởi quần áo ra và bình tĩnh đứng yên, trong khi ấy người ta tìm đúng vào vị trí trái tim để đặt một máy khuếch đại trên ngực nó. Rồi nó mặc áo sơ-mi trắng để những người ở trong phòng nhân chứng có thể nhìn thấy nó rõ ràng hơn. Đồng thời nó cũng mặc một cái quần vải xanh sạch sẽ. Nó không mặc đồ lót, kể cả giày và dớ.

Khi thay quần áo xong nó hút một điếu thuốc cuối cùng.

10 giờ— Tôi bước vào xà-lim và chìa tay ra cho nó. Nó nắm lấy và siết chặt. Giờ phút này lời

nói không còn cái ý nghĩa của nó. Tôi chỉ vẫn tắt :

— Tôi rất lấy làm sung sướng về việc chúng ta vừa được quen nhau.

— Cảm ơn, nó chỉ trả lời có vậy.

Ông Giám Đốc hất đầu ra lệnh. Richard xoay qua rồi bước ra khỏi xà-lim. Ông cao su đen của máy khuếch đại lòi ra phía trước áo sơ-mi của nó. Tên tử tội đi dài theo hành lang và nhìn vào cửa phòng hơi đang mở rộng. Nó thọc tay vào túi quần và bước đi những bước nhẹ nhàng.

Với hai người gác đan theo sát gót phía sau nó bước qua ngưỡng cửa phòng hơi và người ta đặt nó ngồi xuống một trong hai chiếc ghế. Nó đưa mắt nhìn qua mấy bộ mặt nặng nề của các nhân chứng đang nhìn nó, qua mấy cửa tò-vò. Hai anh gác đan dùng giây cột chung quanh người nó, qua

ngực, qua chân và tay. Nó bảo họ :

— Ở ngực đừng cột chặt lắm.

Một anh gác đan nói lỏng giây ra một chút, còn anh kia thì gắn một ống cao su vào máy khuếch đại. Ống cao su ấy chạy ra khỏi phòng bằng một cái lỗ nhỏ đã được ép và trám lại hết sức cẩn thận. Do cái ống này người ta dùng ống nghe để thu nhận những nhịp nháy cuối cùng của tim nó. Chính bác sĩ Schmit đảm nhiệm trách vụ này hôm nay.

Cánh cửa sắt khép lại và khóa chặt. Ông Giám Đốc, người lãnh thi hành cuộc hành quyết, và Bác-sĩ Gross, vị lương y chánh của bệnh viện San Quentin, ngồi sát cửa sổ phía trong, bác-sĩ Schmit ngồi phía trái.

10 giờ 3 phút — Ông Giám Đốc hất đầu ra lệnh. Anh gác đan kéo mạnh cái đòn bẩy và mấy túi cyanure rớt vào acide.

 **midol** Trị các chứng đau nhức
vô cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

 **midol** Trị các chứng đau nhức
vô cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

Tiếng của mấy túi cyanure rớt vào xô acide là cái tiếng cuối cùng mà Richard nghe được.

Từ 10 đến 20 giây trôi qua. Hơi ngạt trong phòng bốc lên một sức mạnh vừa phải. Ngay cái hít hơi đầu tiên, tên tử tội đã bị ngã ra bất tỉnh liền.

Đề cho nó và cũng đề, cho tất cả chúng tôi, tôi, âm thầm cầu nguyện : « Lạy Chúa ! Xin Chúa hãy đón lấy đứa con của Chúa, Richard Cooper, một người anh em trong gia đình nhân loại của chúng con mà Chúa sẽ dịu dàng miễn yêu cũng như Chúa đã từng miễn yêu chúng con. »

10 giờ 12 — Mấy túi cyanure chỉ mới rớt xuống có 8 phút rưỡi. Đầu Richard quật chịu xuống hết sức thấp. Thân hình của nó đổ xuống trên mấy sợi giây cột ngang ngực nó. Bác-sĩ Schmit đỡ nón kết ra và ghi giờ. Richard giờ đây đã chánh thức chết hẳn rồi.

Tôi, một mình lùi thối ra sân

khám đường. Nỗi buồn vô hạn xâm chiếm lòng tôi. Ánh sáng ban mai tràn ngập. Vòm trời xanh biếc, mặt trời chiếu rạng, một cơn gió nhẹ từ vịnh thổi vào.

Richard Cooper, người đã bóp cổ chết 2 người đàn bà trong một lữ quán tồi tàn ở Skid Row muốn đền lại tội lỗi bằng sự sống của chính mình và Chánh Phủ đã làm vừa lòng nó. Người ta đã áp dụng cái câu : « Mắt cho mắt, răng cho răng ».

Công lý đã làm cái việc của nó. Nhưng trong khi xa dần nơi đây, bất ngờ tôi lập lại một đoạn trong Thánh kinh : « Ở trong mức độ nào đó mà anh có thể làm được cho một kẻ yếu đuối như tôi trong các giáo hữu của ta thì đó chính là điều mà anh đã làm cho ta vậy ».

Phải chăng là một sự đóng đinh và đồng thời cũng là hình phạt đã đánh dấu cho ngày hôm nay.

Dùng Midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm.
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1960/DT/DPDC



Tuần DÂN CHÚNG
LỊCH SỬ
XÃ HỘI HIỆN ĐẠI
CHANG TRAI NƯỚC VIỆT 1910-1960

▲ NGUYỄN - VỸ

(tiếp theo P.T. 177)

N CÂY HÔM SAU, dân chúng Saigon, Chợ - lớn bàn - tán không ngớt về bài diễn-thuyết của Trần-Tuấn, phản-đối cuộc đua xe máy phụ-nữ do báo *Điền-Tin* tổ chức. Đê-tránh cuộc bút-chiến vô-ích với các báo *Cộng-sản*, và cuộc va-chạm nặng-nề cũng không ích gì với bọn tư bản nhập-cảng xe máy ở Saigon, trong bài diễn-thuyết Tuấn không đá-động gì đến những động-cơ chính đã thúc-dẩy các báo của phe Tư-bản tổ-chức cuộc đua vụ lợi kia, và các báo *Đệ-Tam Quốc-tế* hăng-hái cổ-vỗ cho cuộc đua. Tuấn chỉ nói đến những tai-hại của một cuộc đua xe máy đối với sức khoẻ của phụ-nữ. Nhất là Tuấn phản-đối cuộc đi xe máy của cô gái 16 tuổi Hồ-thị-Lich thân hình ốm-yếu, trên đường thuộc-địa từ

Saigon ra Hà-nội dài 1.700 cây số.

Thực ra, chỉ có báo *Điền Tin* của ông Lê-trung-Cang, mà chủ-bút là ông Bùi-thế-Mỹ, là viết nhiều bài gay-gắt đả-kích Tuấn, đại-khái như bài « chó sủa mặc chó, đoàn lạc-đà cứ đi », trong đó Tuấn bị chửi-rủa rất nặng - nề. Báo *Điền-Tin* vẫn tiếp-tục hô-hào giới phụ nữ tham-gia đông-đảo cuộc thi-đua do báo ấy tổ-chức từ một tháng trước.

Ngoài ra, các báo khác, như *Sài-Thành*, *Đuốc-Nhà-Nam*, *Công-Luận*, *Tân-Tiến*, kể cả các nhật-báo Pháp, *L'opinion*, *La Dépêche*, *Le Populaire*, v.v... đều giữ thái độ khách-quan với đôi phần cảm-tình xã-giao đối với Tuấn, không hẳn bình-vực chủ-trường của Tuấn nhưng không ủng-hộ lập-trường của báo *Điền-Tin*. Trái lại, các báo ấy thường đăng

những mục và tranh khôi-hài để chế riếu báo *Điền-Tin* và ban tổ-chức chung-quanh cuộc thi đua xe-máy phụ-nữ. Một vài ý-kiến của độc-giả các báo thấy rõ mục-dịch vụ lợi của ban tổ-chức, đã công-khai tán-thành lập-trường của Tuấn. Báo *Điền-Tin* liên tục mỗi ngày đăng bài công-kích Tuấn, và để dành một phần lớn nơi trang nhất để cổ động cuộc thi đua xe-máy với rất nhiều giải thưởng lớn. Cuộc đua sẽ khởi hành sáng chủ nhật tuần tới, tại trước Nhà-Thờ Đức Bà. Tuấn không hề trả lời một bài nào, nhưng kết-quả cuộc bút-chiến đơn-phương vô cùng ác-liệt của báo *Điền-Tin*, là đến ngày khởi hành đoàn thi đua xe máy phụ-nữ, trên 20 cô hầu hết là Nữ-sinh đã bỏ cuộc trong số 63 cô đã ghi tên tham-gia. Theo bài tường thuật của một vài tờ báo, thì tại nơi khởi-hành,

ngoài tấm băng «Départ», còn căng một tấm biểu ngữ đề câu : «Chó sủa mặc chó, đoàn lạc đà cứ đi» và có vẻ hoạt-hóa hình Tuấn cầm cái gậy thọc vào bánh xe đạp của một thiếu-nữ. Các bạn ở trường Victor Hugo, nơi trọ của Tuấn, có đi xem về thuật lại cho Tuấn nghe rằng công chúng đến coi khá đông, và đến phút chót, ngay trước khi khởi hành lại có 6 cô bỏ cuộc do sự khuyên can của bạn bè.

Hội Ái-Hữu các Nhà Báo Nam-Kỳ (A.J.A.C, Amicale des Journalistes Annamites de Cochinchine), mà Hội-trưởng là ông Nguyễn-văn-Sâm, chủ nhiệm nhật báo *Đuốc Nhà Nam*, có tổ chức một buổi tiệc thân mật để đãi Tuấn với tư cách là các báo Sài-gòn đối với một đồng nghiệp Hà-nội vào thăm thủ đô Nam-Kỳ. Trong giấy mời có nói rõ là sẽ

dùng rượu khai vị (apéritif) tại hội quán A.J.A.C. nơi góc đường Lagrandière (bây giờ là Gia - Long) và Aviateur Garros (Thủ - Khoa-Huân). Hội-quán ấy hiện nay là một tiệm hút tóe, Sau apéritif sẽ dùng cơm tại nhà hàng *Mékong*, đường *Espagne* (Lê-Thánh-Tôn). Nhà hàng này hiện giờ là một tiệm vàng. Tuấn vui mừng nhưng hơi bối ngỡ được gặp đông đủ các đồng nghiệp Sài-gòn, và được ông Hội-trưởng giới thiệu với từng người. Trong số đó Tuấn chú ý nhiều nhất đến các bạn Trần-văn-Thạch (chủ bút báo *La Lutte*, Cộng-sản Đệ-Tứ), Tạ-Thu-Thâu (Cộng-sản Đệ-Tứ), Phan-văn-Hùm, (Đệ - Tứ) Lê - Trung - Cang (Điền Tin) cô Anna Lê-Trung Cang (con gái ông chủ nhiệm báo *Điền-Tin*), Lê-văn-Thử (La Lutte) Thúc - Tề (*Công-Luận*), Jean Baptiste Đồng (Sài-Thành), v.v... Báo Cộng-sản Đệ-tam không dự

buổi tiệc. Đang chuyện trò vui vẻ, thì ông Lê-Trung-Cang đưa vào một thiếu nữ độ 16 tuổi, người mảnh khảnh, yếu ớt, nước da ngăm ngăm đen như người Cao-Miên, và mặc áo sơ-mi, quần *short*, (kiểu quần Tây, cụt trên đầu gối), tóc *frisés*. Tất cả các nhà Báo đều ngạc nhiên trong lúc ông Lê-Trung-Cang giới thiệu cô ấy với Tuấn :

— Đây là cô em Hồ-thị-Lích.

Rồi ông cười to, nói to hơn, có vẻ đắc chí :

— Cô sẽ là Nữ anh-hùng xe máy An-Nam... Tôi mong rằng Nữ anh-hùng Hồ-thị-Lích sẽ được bạn đồng nghiệp Trần-Tuấn đón tiếp niềm nở tại Hà-nội cũng như bữa nay tôi được hân hạnh tiếp bạn đồng nghiệp tại Hội-quán A.J.A.C. vậy đó.

Một nhà báo la lớn :

— Ê! Xin đình chánh đã! Bữa nay là Hội A.J.A.C. của các nhà báo Nam - Kỳ đón

tiếp bạn đồng-nghiệp Trần-Tuấn, chứ không phải riêng của cha-nội đã!

Tuấn nhã-nhận bắt tay cô bé Hồ-thị-Lích, với một nụ cười xã giao. Trần-văn-Thạch ngồi cạnh Tuấn, chỉ một ghé trống mời cô Lích ngồi. Cô ngồi xong, nói ngay với Tuấn, bằng một giọng ngay thơ :

— Mặc dầu ông công kích cái sự em đi xe máy ra Hà-nội,... em cũng quyết đi ra hoải, để gây phong trào phụ nữ thể thao.

Tuấn vẫn nhã-nhận nghe và hỏi :

— Cô ốm yếu quá mà đi xe máy trên một con đường dài trên 1700 cây số trải qua bao nhiêu núi đèo hiểm trở, tôi phục lòng can đảm của cô.

— Em sẽ vượt qua hết, nhờ sự khuyến khích của Papa Cang đó.

— Tôi chúc cô thành công.

Apéritif kéo dài hơn một tiếng đồng hồ. Không khi rất thân-mật vui-vẻ giữa các bạn đồng-nghiệp. Xong, kéo nhau qua nhà hàng Mékong. Ông chủ nhiệm báo *Điện-Tin* có nhã ý biểu cô « Nữ-anh-hùng xe máy An-Nam » đi với Tuấn, và đến nhà hàng cô cũng ngồi bên cạnh Tuấn để «tenir compagnie» theo dụng ý gì riêng của ông Lê-trung-Cang. Tuấn không được hiểu. Thấy Tuấn không thích nói chuyện nhiều với cô Lích (nói chuyện gì bây giờ với cô gái 16 tuổi mới học đến lớp ba bậc tiểu học?) ông Trần-văn-Thạch và các bạn đồng-nghiệp ngồi cùng bàn trao đổi với Tuấn những câu chuyện hào hứng về chính-trị và văn-chương. Bỗng giữa bữa tiệc, ông chủ nhiệm báo *Điện-Tin*, ngồi nơi bàn kế-cận, nói to lên :

— Tôi xin lỗi bạn đồng-nghiệp Trần-Tuấn, chủ-bút báo Phụ-nữ Hà-nội, tại làm

sao mà bạn công-kích phụ-nữ đi xe máy như vậy?

Tuấn đáp :

— Xin lỗi quý đồng-nghiệp, tôi không bao giờ công-kích phụ-nữ đi xe máy. Tôi chỉ phản-đối cuộc thi đua xe máy của phụ-nữ, và tôi không tán-thành việc phụ-nữ đi xe máy từ Saigon ra Hà-nội.

Ông Lê-trung-Cang nói tiếp :

— Nước Đại-Pháp là bực thầy của người An-Nam, mà thầy chúng ta còn để cho các bà đầm, cô đầm đi xe máy, lẽ nào chúng ta đây lại không noi gương của bậc thầy hay sao chứ? Ha-ha-ha!...

Ông cười dòn-tan. Nhưng ông Phan-văn-Hùm ngồi đối diện với Tuấn, cười bảo :

— Anh Cang say rượu rồi đã!

— Tôi không say rượu...

không, tôi không say đâu...

Rồi ông Cang cứ một giọng -nhè nói mãi. Ông Bùi-thế y, chủ bút báo Điện-Tin, và cô Anna Cang, thi lại ngồi lặng-lẽ. Tuấn cũng không nói gì.

Từ lúc apéritif ở Hội-quán A.J.A.C. đến suốt bữa tiệc ở nhà hàng Mekong, Tuấn đề-y đến một bạn đồng-nghiệp trẻ, mà ông Hội - trưởng Nguyễn-văn-Sám giới-thiệu là ... Tri. Anh này luôn luôn đi đôi với Thúc-Tề. trợ bút báo Công-Luận. Đòi mắt anh lúc nào cũng có vẻ lơ-dờ, mặt to, đầu lớn, lăm-lăm li-li, ít nói chuyện. Xong bữa tiệc, ở nhà hàng Mekong ra, sau khi cảm ơn tất cả các bạn, bắt tay cáo biệt mọi người, Tuấn đi lang thang trên lề đường Espagne, bỗng Thúc-Tề từ phía sau tiến đến, vỗ vai Tuấn và giới-thiệu người bạn bất-ly-thân của anh :

— Xin giới thiệu với anh đây là anh Hàn-Mặc-Tử, Thi-sĩ Qui-Nhơn.

Tuấn vồn-vã bắt tay :

— Rất hân-hạnh được biết anh. Ở Hà-Nội tôi vẫn thích đọc thơ anh đăng trong nguyệt-san « Trong - Khuê - Phòng », ở Saigòn.

Hàn-Mặc-Tử cười hiền lành :

—Tôi cũng theo rồi những hoạt-động văn-nghệ của anh trong các báo Hà-nội... Thơ của anh có giọng thành-thật dễ cảm và dễ thương lắm.

Hàn-Mặc-Tử chỉ một căn gác ở giầy nhà lầu lup xup bên phải lề đường Espagne :

— Gác trọ của chúng tôi đó. Mời anh lên chơi. (1)

— Vâng.

Thúc-Tề và Hàn-Mặc-Tử đưa Tuấn vào căn nhà dưới

(1) Hiện giờ căn nhà này là một tiệm giầy khá lớn, đối diện với vách tường sau của đình Gia-Long (1966).

đôi lơ mờ, và rất sơ sài, nơi đây có vài người thợ đóng giầy đang làm việc. Vào căn giữa, leo lên một cầu thang gỗ đã mục nát nhiều chỗ, chỉ vừa một người leo. Vào cửa là một căn gác chật hẹp, thấp, bài trí rất bừa bãi, với ba bốn ghế bố và hai chiếc bàn, vài cái tủ, tất cả đều cũ kỹ, nghèo nàn, luộm thuộm, lộn lộn sách, báo, đèn nguyệt, đèn mandoline, áo quần, mền, mùng, chén tách, bình trà... Phía trước là hai cửa sổ thấp ngó xuống một mái tôn chia nghiêng ra đường phố. Trong lúc Thúc-Tề lảng-xãng đi pha nước trà nhưng bình đã cạn, và xách bình chạy xuống nhà dưới, Hàn-Mặc-Tử lấy một bài thơ mới làm ra đọc cho Tuấn nghe. Giọng đọc thơ của Hàn-Mặc-Tử run run và yếu ớt. Tuấn đề ý thấy da mặt, hai tai và hai bàn tay của « Thi-sĩ Qui-Nhơn » hình như bị lát, xăn-

xuì, mốc-mốc.

Tuấn khen bài thơ hay lắm thia lắm. Hàn-mặc-Tử vút tờ giấy chép thơ lên trên bàn lấy cái tách úp lên để khỏi bị bay ra gió, rồi khẽ hỏi Tuấn :

— Sao bài thơ « gửi một thi sĩ... » anh không làm nốt? Hình như anh mới làm có một đoạn...

Tuấn mỉm cười :

— Mặc đi chơi, thông-thả sẽ làm tiếp đoạn sau.

Hàn-Mặc-Tử cười chắt phác :

— Anh thích đi chơi lắm hả ?

— Ở. Đi lang - thang chỗ này chỗ nọ một mình, thú lắm. Chừng nào hết tiền và mỏi chân, lại về nhà viết... viết...

— Bộ anh giàu lắm, hả ?

— Nghèo chết cha, chứ giàu gì ! Chừng nào giữa chân muốn đi, thì mấy có bạn gái ở Hà-nội với mấy thằng bạn trai cho chút ít tiền đủ mua

vé xe và ăn xài chút đỉnh dọc đường. Đi đâu cũng có bạn, lo gì. Cũng may là tui bạn biết thương mình.

— Nếu tôi không có bình, tôi cũng thích đi lang thang đây đó, như anh.

— Nghe Thúc-Tề nói anh đi chơi với cô ả nào chỗ Lầu Ông Hoàng gì ở Phan-Thiết đó, thú lắm mà. Phải không?

Hàn-mặc-Tử cười :

— Bị mắc mưa, hai đứa phải chui xuống cái má Chàm mới hết cốt.

Tuấn cười rữ-rượi :

— Thú quá nhỉ!

Thúc-Tề xách lên, thay vì bình trà, một chai bia... Nhưng chỉ một mình Thúc-Tề uống, vì Tuấn không uống được rượu, kể cả rượu bia. Hàn - mặc - Tử cũng không uống bia. Tuấn bảo :

— Tuần rồi, ở Qui - Nhơn tôi có gặp Chê-Lan-Viên.

— Vậy hả. Vui không?

— Vui! 8 giờ 30 tôi phải có mặt ở Câu-lạc-bộ, để diễn-thuyết, mà giờ đó tôi còn ngồi trên bãi biển với Chê-Lan-Viên. Tôi không có đồng hồ, Chê-Lan-Viên cũng không, thành ra... Với lại, anh nghĩ coi: đêm sáng trăng trên bãi biển, đẹp quá mà! Ở Hà-nội đâu có cảnh đó.

— Rồi mấy giờ anh mới diễn thuyết?

— Hai đứa đến Câu-lạc-bộ thì mới biết là 9 giờ 15. Cũng may là trong ban tổ chức có mấy người bạn học cũ và giáo sư cũ của mình ở collège Qui-nhon, nên họ không bắt lỗi. Thính giả cũng xi-xóa, không oán-trách gì. Chê-lan-Viên, tôi tưởng người Chàm, con cháu của Chê-bông-Nga, nhưng nó bảo với tôi là không phải.

— Nó lấy tên đó để người ta chú ý đến, chớ nó là dân

Bình Định.

— Thơ nó hay chán, không đủ để người ta đề-ý đến hay sao, cần gì phải lấy tên Chàm. Tôi vẫn không tin mặc dầu hẳn ta quả quyết là con Tiên cháu Rồng. Tôi đoán ít nhất nó cũng có lai máu Chàm trong huyết-quản.

Dù sao, về Hà - nội tôi

cũng sẽ viết một bài đề-đề cao Thơ của Chê-lan-Viên. Tri-thức và Văn-ngệ Hà-nội chưa biết đến Chê-lan-Viên nhiều.

Tuấn từ già Hàn-Mặc-Tử và Thúc-Tề đề về nhà sửa soạn đi dự buổi tập-kịch của Claude Bourrin...

(còn nữa)



★ NHÀ SƯU TẬP KỶ LẠ

Ông Wilhelm Thelen, 76 tuổi ở gần Dusseldorf là nhà sưu tập danh tiếng nhất thế giới. Mỗi lần giới sưu tập quốc tế tổ chức hội nghị hay triển lãm ở đâu, là ông mang « đồ nghề » đến, nặng độ 350 ký về dự.

Tại nhà ông ở Lintorf, là cả một viện « bảo tàng », trình bày đồ vật của trên 100 quốc gia. Hiện ông có 32 ngàn ảnh bưu thiếp chụp rất mỹ thuật, 30 ngàn nắp đậy chai la ve, 25 ngàn nhãn chai-la ve, 1,200 cốc uống la ve và rượu vang, hàng trăm cái gạt tàn thuốc đủ kiểu.

Như thế vẫn chưa lạ. Ông còn sưu tập cả những cục đường còn gói trong giấy có in nhãn hiệu, 1000 khăn lau miệng có in tên của các khách sạn lớn nhỏ trên thế giới.

Thêm vào đó, còn cuốn sưu tập tem, có đến 14 ngàn con tem khác nhau.



nuối tiếc

Mùa thu về rồi đó
Lời kỷ niệm ru dài
Thương giọng sông tuổi nhỏ
Thuở vàng son chưa phai

Từng đêm buồn cúi mặt
Trên những lối hèn hò
Nhớ người thôi muốn khóc
Chưa xót đầy giấc mơ

Vòng tay gầy khô héo
Máu mắt đại lưng dòng
Ngậm ngùi qua mấy nẻo
Là thiếu - phụ - mùa - đông

★
Còn đây trăm nỗi nhớ
Vời môi đợi mắt chờ
Thời mùa xuân tuổi nhỏ
Hồn căn đây ấu lo

Hoàng thị Thủy Tiên
(trích BÁT HẠNH)



★ TRAN - TUẤN - KIẾT

N GỒ I một lát trên gò đất. Dừng nghe buồn bực quá đôi. Dừng cảm thấy thực ra buổi trưa buồn lặng nhất, hần bó chân duỗi một cái, chống tay ngồi lên, hần muốn đi nhưng còn ngại con nắng thật ác liệt như thiêu đốt. Hần nghĩ đến lời nói của vợ hần từ đêm kia. Tội nghiệp một người đàn bà. «À, thế ra đàn bà họ là vậy!» Hần đứng lên đi thật, đi sâu vào đường mòn có lau sậy che lấp đến ngang vai. Vài con chim bay xòa ra, vẽ nên hình những vòng cung ngoạn mục.

Hắn bỗng khựng lại, con chim đầu đàn bay về đầu thì bầy chim tủa ra bu quanh đấy. Con này mổ con nọ dành sâu bọ, nhưng rồi cũng bay cả. Y như một gia đình thân dù có dành nhau vẫn sống chung một đàn. Hắn cười khẽ khi nghĩ tới luật Thượng đế, thật là tự do nhưng mệt đấy ! Cái án tử cuối cùng của mọi loài quả là khắc nghiệt thật. Thượng đế vô tình nhỉ ! Mà Thượng đế phải loài người đầu mà có tình hiểu được nghĩa tử sinh. Chính dưới chân này, bàn chân nhỏ nhoi với mặt đất quá dày, hắn đã cảm thấy có lời gì kêu gọi khiến bàn chân nghe âm âm lại rụt rè bước những bước thật êm... điều đó ít người hiểu. Trăng sao còn có thể gán cho ý nghĩa, bàn chân và mặt đất thì quá thâm tình, nhất là lúc hắn trèo lên cây, hắn mới cảm thấy sức hấp dẫn của đất thật mãnh liệt. Thế mà có những linh hồn đòi bay lên mây mới lạ, khi đòi bàn chân vẫn không rời mặt đất. Hôm nay mọi sự như phân lại triều suy nghĩ, lo toan về cuộc đời của hắn. Hắn thuộc lâu những bài Sấm Trạng Trình, bảo là nay mai đời sẽ đổi, những bậc tiên tri, đạo sĩ ở miền Hậu giang đều ứng như vậy. Chiến tranh sẽ xảy ra liên tiếp phá hoại tất cả những đô thị lớn, những chợ búa đông đúc, và ngày sau Đồng Tháp sẽ trở thành một nơi trù phú không có sinh lầy, muỗi mòng nữa. Nghĩ tới việc đó, hắn hơi buồn... nhưng mỗi buồn thoáng nhẹ và tung bay vào ngàn lau trước mặt... rồi tụ lại, đông đặc hơn như một mầu đất sét sền sệt, Hắn không thể đi đâu nữa, không phải trốn chạy nhưng ... điều này có thể bị thiên hạ hiểu lầm nhưng không hề gì. Cóc cần. Ít ra vợ hắn cũng hiểu hắn đòi phần. Và cây cỏ cũng đã có đôi lần va chạm bàn chân này, nhẹ

nhàng êm ái lắm. Thật tốt, Đời người ít nhất cũng có một phút nào khoáng đạt chứ. Bàn chân dẫm cỏ, mắt ngó chân trời, tâm hồn lay-lắc theo cơn gió về chiều, mọi sự đều tốt đẹp... cả trong giờ phút phù du cũng đã quá lắm rồi. Hắn nghe da máu dấy lên niềm hân hoan nào đó. Chạy nhanh, lau cỏ rậm rì không ngăn được bước hắn... và bóng chiều đang đuổi theo hắn... đuổi theo chiếc bóng của một thời thơ ấu kia.

Mọi sự đều như có sắp đặt sẵn. Cỏ lau cũng thế, mọc đây bít trên miệng hố, ở bên ngoài, nếu người ta đứng trên một mô đất nhìn vào, bức tranh là một nền phẳng phiu của chân trời xanh bát ngát lớt phớt vài áng mây mỏng màu chì, gần hơn, bờ cỏ rậm như nét họa thủy mặc ngư tiêu lơ thơ tuyệt diệu. Bàn chân tung tăng trong cơn nồng thắm tươi đẹp vô cùng đó chợt xầy, rơi tòm xuống miệng hố được nguy trang bằng lớp lau sậy nọ. Chỉ có nửa bàn chân thôi, bàn chân trái của hắn nếu bước nhanh một chút thôi, dài hơn hay ngắn hơn một tấc thôi, gương mặt hắn chắc đã đổi khác.

Lịm người một lúc nghe tê tái cả gương mặt. Hắn cố để lồng ngực rộng thở đều đặn vào thành đất, sống mũi có lẽ bị chạm quá mạnh vào một gốc bần



midol

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC LẠI

nào nát bẹp đi. Hắn đau điên suốt ngất. Một lát cố gắng lắm hắn mới gỡ gương mặt kia ra khỏi bờ đất. Đất bùn vả vào hai gò má, trét vào mắt bên phải hắn nặng chình-chịch. Hắn rên hi-hì, rên cho đỡ đau, nếu có ai bên cạnh, có lẽ hắn cũng không thể gương dậy nổi và bước lẻ trở về nhà được nữa. Vừa cố lẻ lết vệt lau sậy, tâm trí hắn nghe hoang mang giữa buổi chiều dần rộng ra mênh mông. Buổi chiều sụp xuống, hoang vắng là những làn gió đen, xoáy lạnh vào tận linh hồn tê tái hắn. Một lát, hắn ngồi lại đưa tay gỡ những thớ đất ấu yếm bám vào gò má và mắt như người nghệ sĩ sân khấu sau một lớp tuồng đang lau sửa sơn phấn. Hắn muốn nằm yên trên rom rạ một lúc vì cảm thấy đầu gối đã rã rời, bàn chân ê-âm rất thấu tim gan, nhưng tiếng gọi từ mái nhà thân yêu bỗng vọng đến lay tỉnh hắn. Hình ảnh đứa con trai đứng ngoài cửa chờ đợi, đôi mắt thơ ngây hướng về phía cánh đồng — cỏ lau và gió thổi... có gì đâu...! Hắn đứng bật dậy, bước tới. Đôi mắt chờ đợi đó... hắn có lý nào nằm yên được nơi đây. Cỏ êm lắm, nhưng người nằm xuống thì rất khó ngồi lên đấy... một phút dừng lại... một phút trôi đi... bao nhiêu cái chớp mắt đợi chờ... của thằng con nhỏ. Máu từ má

mắt hắn rướm tươm ra, gió lạnh thổi tạt vào hai má bị thương. Gió càng nhẹ càng nghe rát thêm, như lườn vào làn da rám nắng. Làn này hắn không thể tiến bước được nữa, hai đầu gối run, hắn khuyu xuống. Bóng đêm hầu như về sớm hơn ngày thường, cỏ cây dựa nhau ngủ mê từ lâu. Sạc chưa mọc, trời tối sầm, chỉ có hắn... nghe dường như chỉ có hắn đang chiếu rọi tia nhìn vào cái thăm thẳm mịt mù. Hắn nghĩ, nếu hét to một tiếng, rồi một tiếng nữa... Không có lời đáp. Dù hét như bậc đế-vương trọn uy quyền ở giữa đám quần thần lau sậy này, sự im lặng cỏ cây, thật là vô ích. Hắn chống tay lên mặt đất, bây giờ nghe đau, thân người chỉ bị thương một nơi thôi, cũng rũ liệt hết cả. Làm sao có thể ngăn được ra từng khu mặt, từng khu vai, khu ngực con người và cho chúng có chìa khóa, làm sao ngăn lại cái đau xót của xương da ra từng khoảng cho toàn thể con người khỏi cái đau chung! Để khi người ta bị đau chân mà khỏi nhăn nhó mặt!

Hắn nhủ mặt, kê má trên cỏ lau, thoát đầu nằm im, sau cố rút một chân lên, rồi kê tay chống đất, cố ngồi dậy. Bàn tay chạm đất sộp nghe êm lạ. Đất vừa thu hút tấm thân nhỏ nhit của hắn cũng vừa là bàn đạp để nâng hắn lên. Hắn cảm biết đất có thâm tình với tất cả, với hắn nữa.


midol

 Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY


midol

 Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



Rồi khi ngồi sống lưng cố đứng lên, hương vị của đất mát dịu, thấm đượm trong hai buồng phổi, hẳn lại muốn nằm xuống để hòa cả tấm thân đó vào với đất. Hẳn bỗng liên nghĩ tới sự chết trước hết là một cơn choáng váng mặt mày như bước xẩy chân nọ, rồi sau cũng hài hòa tất cả mà những người đã nằm xuống trong lòng đất. Êm dịu thay ! Không còn gì đáng buồn nữa khi người ta đã nằm xuống cùng với cái yên lặng đượm tình của đất. Sự chết nếu muốn đến cứ đến. Hẳn cóc cần sợ cái định mệnh tận số. Ít ra hẳn cũng đã tìm gần tới nó ở với đồng cỏ lau, nhìn ngóng trăng sao. « Còn hơi nòng chưa thể chết đâu ! » Hẳn nghĩ vậy, rồi gượng thêm ngồi lên, bước tới. Hẳn cảm biết hẳn còn sống lâu lắm, con tim nòng đã thúc dục hẳn bước tới, nó nhảy nhip vui vẻ trong buồng ngực rộng, nó liên hồi lên tiếng vọng trong thâm tâm, nó cũng là một cái lực lớn lao quyết định khác với cái lực của Thượng đế kéo hẳn về với đất đen.



NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BA
LÒNG DANH TRONG
LỊCH - SỬ



22. — HOÀNG HẬU



THEODORA

★ TÂN - PHONG



Một giấc chiêm bao

ẾN thành phố Alexandrie, Théodora vào thành do cửa Nguyệt-
(*Porte de la Lune*), tên gọi thế vì phía trên cửa có hình một cô Hằng - Nga đẹp mà sắc đẹp gần lóa-lỡ hoá mất biết bao du-khách phương xa đến.

n đầu tiên bước gót phiêu đến nơi đô-thị xa-hoa rực rỡ Ai-Cập, Théodora không hồi-hợp rung-động. Nở một đời thỏa-thích mệnh-mông, đứng ngắm một đại-lộ rộng bát đá bằng-phẳng, sạch-sẻ, thẳng băng trước mắt nàng, một nơi mịt-mù vô-tận. Hai đại-lộ, đứng sừng-sừng hai cột tròn bằng đá cẩm-thạch ép nhau xa-tít tận đầu. Người ta qua lại rộn-rịp. dora đứng-đỉnh bước đến công viên rộng lớn, đông dân-chúng, toàn những thừa-lương, nhàn-rỗi đi du.

y là dân chúng Alexandrins, Thiên chúa giáo, Do Thái, giáo Hy Lạp, Ai Cập, La nổi tiếng là dân phong giàu sang nhất thời bấy giờ

của Đế quốc Byzantin, và cũng là dân trác táng nhất. Gái làng chơi ở đây toàn là gái tuyệt đẹp, và đắt tiền hơn ở các đô thị khác. Họ trang điểm toàn là vàng ngọc châu báu, và phục sức cực kỳ lộng lẫy. Chính vì thế mà Théodora, tuy đẹp không kém ai, nhưng áo quần không xa hoa, nữ trang không rực rỡ, tự thấy mình như một cô gái quê lạc loài giữa phồn hoa đô hội.

Nàng ở Alexandrie chỉ mấy ngày, không được ai để ý đến, buồn tình nàng bỏ đi đến Antioche, một thành phố của Thổ-nhĩ-Kỳ cũng nổi tiếng là một đại đô thị có rất nhiều thắng cảnh. Lần này nàng đi thuyền trong biển Địa trung Hải, suốt một tháng trời, bán thân nuôi miệng. Nằm trên thuyền, bỗng bành trên mặt sóng, Théodora nhớ chuyện nàng Marie. Ai Cập (*Marie L'Egyptienne*), trước nàng đâu chừng 50 năm, ở Alexandrie, cũng sống bằng nghề « ăn sương » như nàng, và cũng như nàng đi thuyền đến Palestine để tiếp tục hành nghề. Nhưng khi đến trước cửa nhà thờ Saint Sépulcre ở Jérusalem, bỗng Marie, Ai Cập thấy hiện

NGƯỜI ĐÀN BÀ LỪNG DANH

ra Đức - Mẹ khuyên nàng đi tu. Nàng nghe theo tiếng gọi mẫu nhiệm, liền bỏ nghề mai-dâm, vào sa-mạc sống cuộc đời khổ-hạnh suốt 17 năm.. Nàng chết năm 421, được thành Thánh, tức là *Nữ-Thánh Marie L'Egyptienne* mà hiện giờ giáo-hội Thiên-Chúa hay còn thờ (Lễ : 2 tháng 4). Có những phút chán-nản, Théodora cũng muốn bắt chước Marie-Ai-Cập, nhưng nàng chưa thấy hiện hình ảnh nhiệm mầu của Đức Mẹ.

Trái lại, lúc qua thành phố Damas, nàng bị kẻ trộm lấy mất chút ít bạc tiền và nữ trang mà nàng dành dụm được bấy lâu. Theo Sử-gia Procope, thì kẻ trộm không ai khác hơn là một khách làng chơi, sau khi thỏa tình mây-mưa, chờ nàng ngủ say, lên lấy hết nữ-trang và tiền-bạc của nàng, rồi chuồn mất. Sáng ngủ dậy sửa-soạn đi Antioche, nàng mới thấy bị con người dã-man, tàn-nhiễn, vô-nhân-đạo, lột sạch hết của nàng, không còn để một xu dính túi.

Đi bộ đến Antioche, đêm đầu tiên nàng xin ngủ nhờ trên một chiếc chõng mục-nát, xiên-xẹo

ngoài xó hè một quán cơm. Chán-nản, Théodora cầu nguyện Đức-Mẹ Maria, mong được Ngài hiện ra bảo nàng đi tu trong sa-mạc, như Marie - Ai - Cập. Nhưng lúc ngủ.. nàng thấy chiêm bao một tiếng huyền-bí khuyên nàng đừng tuyệt-vọng và bảo nàng : « Con cứ tiếp-tục hành-trình và trở về Constantinople, nơi đây con sẽ ngủ với Hoàng-đế, và con sẽ được lên ngôi Hoàng Hậu. Con sẽ được hưởng giàu sang bậc nhất trên đời ».

Théodora ngủ dậy, còn nhớ rõ giấc mộng trong đêm. Nàng không tin lắm. Bụng đói, nàng đi lang thang trong thành phố Antioche, vừa nghĩ rằng tiền đâu để trở về Constantinople theo lời tiên tri trong mộng ? Từ Antioche đến thủ đô của Đế quốc Byzantin, con đường dài thăm thẳm, còn xa lắc lơ . . . Ngẫu nhiên nàng gặp một người bạn gái cũ, vũ nữ Macédonie, lúc bấy giờ hành nghề tại vũ đài Antioche. Théodora kể lại quãng đời phiêu lưu của nàng cho bạn nghe và không quên thuật lại đầu đuôi giấc chiêm bao đêm qua. Macédonie bảo :

— Em biết nghề quý thuật nữa, chị ơi. Em có cả bùa yêu linh nghiệm lắm. Nếu chị muốn, em cho chị một lọ nước hoa có bùa yêu trong đó. Chị xúc nước bùa này trên tóc thì đàn ông sẽ mê tít chị cơ ! Chị nên biết rằng loại bùa ái tình này linh nghiệm lâu bền, có khi suốt đời, chứ không phải chỉ một tháng một ngày đâu. Em nói thật đấy.

Nói xong, cô vũ Macédonie, người Hy-Lạp, lấy trong túi ra một lọ nước thơm ngát, trao cho Théodora, và cười bảo :

— Em chúc chị gặp nhiều may mắn nhé !

Théodora cảm ơn bạn, và cất kỹ lọ nước hoa để đến Constantinople hãy đem ra dùng. Bây giờ nàng phải ở lại Antioche để « làm tiền » một thời gian tạm sống qua ngày và để dành tiền đi Constantinople. Nàng tiếp tục nghề bán dâm vài tháng ở Antioche. Được một mớ tiền khá-khá, nàng thượng lộ về Thủ-đô Đế-quốc Byzantin.

Théodora đến Constantinople đúng ngay lúc tại đây vừa xảy ra một biến-cổ trầm-trọng do sự

thay-đổi chính-sách tôn-giáo của triều-đình đế-quốc. Chung-quanh việc Đức-Mẹ Maria đồng-trình sinh ra Chúa Jésus, tại thủ-đô Constantinople có hai phe chủ-trương hai thuyết chống đối lẫn nhau :

— Phe chính-thống (orthodoxe) theo đúng Thánh-Kinh, cho rằng Jésus Christ vừa là Chúa vừa là người (à la fois Dieu et Homme). Chúa, là do Đấng Chúa Cha mà có. Người, là do Đức Mẹ Maria mà có.

— Phe tà-thuyết (Hérésie monophysite) lại cãi rằng Jésus Christ là Chúa chứ không là người, là Chúa độc-nhất, không phân-chia ra thành người được (Dieu un et indivisible) Đức mẹ Maria có thai Đức Jésus không phải theo thông lệ của người phàm trần, mà là theo phép mầu-nhiệm của Chúa.

Hai phe này vẫn chống nhau kịch-liệt từ lâu, mà ngay Đức Giáo-Hoàng ở La-Mã cũng bất-lực, không thể nào giàn-xếp cho đôi bên đôn-thỏa. Hoàng-đế Anastase của Đế-quốc Byzantin lại là người của phe Tà-thuyết,

luôn luôn ủng hộ phe này. Khi Théodora vừa chân ướt chân ráo đến Constantinople thì Hoàng đế Anastase băng hà, và trong Hoàng-cung có một cuộc đảo-chính. Đa-số các quan Triều-thần thuộc phe chính-thống bắt giam Hypatios là cháu đích-tôn của Hoàng-đế, và đã được Hoàng-đế phong làm Thái-Tử để nối ngôi vua. Hypatios cũng là người của phe tà-thuyết. Phe chính-thống mạnh hơn, bỏ di-chức của Hoàng-đế, không cho Thái-tử Hypatios kế-vị và bắt giam hết những người của phe Vua, để tôn lên ngôi một người của phe chính-thống được họ tín-nhiệm, là Justin. Ông này là Chỉ-huy-trưởng Ngự-lâm-quân, một sĩ-quan già lụ-khụ, trên 70 tuổi, dốt nát, không biết đọc biết viết, nhưng có người cháu tên là Justinien, có học chút ít, và là một nhân vật có uy-tín nhất của phe chính-thống. Chính Justinien đã khôn-khéo vận-động với các đồng-đảng để tôn Justin là chú của y lên ngôi Hoàng-đế, và y làm cố-vấn chính-trị và tôn giáo. Cuộc đảo-chính xảy ra năm 518, lúc bấy giờ Justinien 36 tuổi.

Justin chỉ làm vua bù-nhìn,

Justinien mới là nhân vật đáng kể.

Theo các hình tượng còn để lại, và theo mấy câu văn tắt của Procope tả hình dung của y thì Justinien là một người tầm thước, hơi mập, mặt tròn và núc ních, có để một làn râu mép lưa thưa. Toàn thể gương mặt không sáng sủa mấy, trông ngớ ngẩn là khác, nhưng thủ-đoạn một tay. Trước kia, y là một kẻ tiêu tốt vô danh sống vất vưởng ở thôn quê. Còn chú của y, Justin, một tên vô học, bỏ nhà ra thủ-đô kiếm việc làm trong Ngự-lâm-quân, được lên chức chỉ-huy trưởng hồi nào, gia đình không ai hay biết, và đã lâu lắm ông cũng không có tin tức liên lạc gì với họ hàng cả. Thế rồi đột-nhiên ông nhận người về làng gọi Justinien ra thủ-đô để làm thư ký cho ông. Justinien đem cả vợ con theo. Nhờ ở địa vị thư ký của viên Quan Ba chỉ-huy trưởng Ngự-lâm-quân hầu cạnh Hoàng-đế, Justinien giao thiệp với các quan Triều-thần thuộc phe chính-thống, hăng hái tuyên-truyền cho phe này, và xã giao khôn-khéo dần dần gây được cảm-

† tình và uy tín trong phe đảng.

Năm 518, khi Hoàng đế Anastase băng hà, Justinien đã nuôi tham vọng làm vua, bèn cầm đầu phong trào diệt trừ phe Tà-thuyết, và vận động cho người chú 70 tuổi ở Ngự-lâm-quân lên kế vị. Y biết trước rằng chú y gần chết và y sẽ nối ngôi Hoàng đế.

Bây giờ, y đã là nhân-vật số một của Đế-quốc, một vị Đại-Trượng-Phu, một Tề-tướng, và là... người yêu chính-thức của Théodora!

Justinien quen biết Théodora từ hồi nào, trong trường-hợp

nào? Không ai biết. Sử sách không nói đến. Ngay nhà viết sử Procope, theo rõi đời sống lãng-mạn phiêu-lưu của cô gái làng chơi này từ thuở nàng mới có 10 tuổi đã « phải lòng » mấy tháng cắt cỏ ngựa ở Trường Đua, và đã hiến thân cho chúng ở dưới gầm cầu Constantinople, thế mà Procope cũng không biết rõ cuộc ái-ân của nàng với vị đại-thần Justinien xảy ra hồi nào. Procope chỉ ghi một câu ngăn-ngủi trông quyền Hồi-Ký của ông :
« Khi nàng trở về thủ-đô, Justinien gặp nàng và yêu nàng say-mê ».

(Kỳ sau tiếp)

Chia Buồn

Chúng tôi hay tin trẻ cụ ÔNG Nhạc-gia và thân-sinh Ông Bà Đỗ-văn-Rở vừa thất lạc tại Tây-Ninh.

Gia-đình chúng tôi thành-thật kính phân-ưu với Ông Bà cùng tang quyến, và cầu chúc hương hồn cụ ÔNG được sớm về cõi Phật.

Ông Bà NGÔ-VĂN-KIỀU
và các con.

(Thương nhớ dâng hương hồn một người)

*Mây vẫn vũ mang tin từ biên giới
Gió từng cơn xoáy động giấc mơ hoa
Sét bên tai « nơi chiến tuyến người trai
Đã gục ngã dưới làn tên loài lang sói ».*

*Anh đã chết ! Hồi người anh đừng cảm,
Một đời trai dạt Tô-Quốc, tìm hạnh phúc của riêng mình
Nguyễn binh đao dứt anh sẽ về chung bóng,
Vui bên nhau ta nỗi sợ tơ tình.*

*Không ! Anh đừng chết, hãy về đây !
Cho em vượt lại nếp chiến y
Hôn làn tóc gọn như mây nổi,
Lần cuối anh ơi ! ! ! Vĩnh biệt rồi ! ! !*

*Anh bỏ mình thân gái bơ vơ,
Còn đâu thề ước với mộng mơ ? ! !
Tình non tình nước, anh đều vẹn
Tình của đôi ta . . . hẹn chờ tuyên ! ! !*

✱ HỒ THỊ ĐÔNG-MAI,
(An - Hải 8 - 66)

KỸ NGHỆ LOẠI NHỆN

* NHÃ - ĐIỀN

Sợi dây kỳ ảo

N

Ế U tên của bài này có vẻ lạ kỳ, thì sự thực lại còn kỳ ảo hơn nữa, vì, như

ta đã biết, với một sợi dây giản dị, những con nhện đã xây tổ, dựng chạu bầy, dệt những cái kén, sống ở dưới nước, bay bổng lên trời, và thực hiện những chuyện táo bạo phi thường.

Sợi dây kỳ diệu ấy, dùng cho rất nhiều công việc, là sản phẩm của những cơ quan nhỏ ở dưới bụng con nhện gọi là những « ống dây ».

Cả thầy có bốn ống, được xếp đặt thành từng đôi, và chúng có hình dáng một ngọn đũa nhỏ. Trong mỗi một ống, lại có hàng trăm ống nhỏ nhỏ ra: đó là những ống dẫn của hàng

trăm hạch, có những hạch có nhiệm vụ cung cấp những sợi dây làm mạng nhện, có những hạch tiết ra chất làm những sợi dây trời con mồi, lại có những hạch làm sợi dây cấu tạo kén, hoặc dây mà nhện dùng để thả mình xuống. Trong tất cả các trường hợp, các hạch đó đều tiết ra một chất nhờn và chất này khi gặp không khí, sẽ rắn lại thành một sợi dây nhỏ rất gai. Nhưng sợi dây nhỏ do cùng những hạch của một ống dây, tiết ra, thường thường hợp lại thành một sợi dây duy nhất. Ngoài ra, những sợi dây do những ống dây khác nhau sản xuất, có thể được con nhện dùng chân sau, có hình dáng cái lược, để quấn lại hay không quấn lại thành một sợi.

Như vậy, mặc dầu trông mỏng manh, một sợi dây của nhện thực sự có rất

nhiều những sợi nhỏ được tết lại thành.

Công dụng của tơ nhện

Một khi dây được làm xong, con nhện lấy chân nắm lấy, rồi đưa luồn dưới bụng lên hàm dưới, để cuộn lại, để dính hoặc để cắt. Trong bất cứ trường hợp nào nhện cũng để tận dụng sợi dây đó.

Muốn đáp xuống một nơi nào, con nhện dính chặt một đầu dây vào vật gì đó, rồi thả mình trong không khí, đầu xuống trước. Vì thả dây đến đâu, nhện xuống đến đó, nếu nó muốn ngưng lại đâu thì ngưng, hay nếu cần, có thể leo trở lên. Nếu nhện muốn đi từ điểm này tới điểm khác khó trèo tới, nó dướn bụng lên, thả một sợi dây dài cho gió thổi, mặc dầu nó vẫn giữ hai đầu dây. Tới lúc nào sợi dây gặp

một vật gì mà dính vào đó, con nhện kéo sợi dây căng ra, rồi cột chặt lại. Như vậy là nó đã lập được một cái cầu để có thể di chuyển, thả mình xuống.

Ngoài ra, nhện còn có một phương cách khác để tới một nơi nào xa. Nó đeo mình trên một sợi dây, và đu đưa như cái quả lắc của đồng hồ cho tới khi nào nó tiếp xúc với một nơi nó định xuống.

Chính cũng nhờ sợi dây mà những con nhện non đã bay được lên không trung để tới một nơi xa lạ. Trước hết, nó treo lên một bụi cây, tới một đầu cành cây và quay về hướng gió thổi, chân nó nghiêng đi, chúng tỏ nó đang cố gắng ghé góm

để chống lại sức gió. Rồi tới một lúc nào đó, nó co chân lại và gió thổi nó bay lên trời.

Đôi khi, nó cũng đu trên một sợi dây, trong khi gió đưa nó đi từ phía, nó nhả sợi dây, và bay vào không gian.

Lúc đó, tùy theo sức gió, nhện phi-hành gia có thể bay xa 500 cây số và bay cao từ 3000 tới 5000 thước. Nhưng thường thường là nó chỉ bay được một quãng ngắn thôi.

Nhờ có mạng nhện, mà con nhện có thể bắt và trói những con mồi. Nếu nó bắt được một con vật không độc, nó nhào tới, xoay tròn con vật đó và dùng dây trói chặt. Nếu đó là một con

vật nguy hiểm, hành động của con nhện khác hẳn. Như vậy, khi bắt được con ong, nó tỏ vẻ nghi ngại, và đứng ở phía xa, nó thả ra một số những mạng nhện. Khi con mồi không còn kháng cự nó chích nọc độc vào phía lưng con vật để con này bị liệt, nhưng không bao giờ nó chích về phía bụng là nơi con vật có nọc.

Ở Mã đảo, có một thứ nhện đặt ở giữa mạng nhện một sợi lớn mà trong bao lâu người ta không hiểu công dụng của sợi dây này. Bây giờ người ta biết là nó dùng để trói những con mồi khoẻ như châu chấu.

Nếu tơ nhện giúp cho nhện thực hiện mọi thứ nhào lộn,

bắt cầu, giúp nó bay bổng, nó lại còn là một vũ khí kỳ diệu.

Với hình dáng của một hình nhiều cạnh, mạng nhện đã làm các nhà thiên-nhiên-học và toán-học phải thần phục. Sự cấu tạo này cho thấy con nhện quả thật là tài giỏi, và đòi hỏi một chút ứng dụng về một vài nguyên tắc cao-học-toán.

Mạng nhện cho ta có cảm tưởng đó là những hình đa giác đều, cái nọ nối tiếp cái kia. Vậy mà nhện đâu có cần tới « compas » để kẻ, rapporteur để đo góc, hoặc bất cứ một dụng cụ toán học nào, để xác định tâm điểm của các hình đó.

Người ta còn nhận thấy

Đúng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T./DPDC.

Đúng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T./DPDC.

là con nhện di chuyển trên mạng rất dễ dàng, trong khi bất cứ vật nào khác đụng vào, đều bị mạng nhện quấn chặt. Đó là vì, nhện có búi vào chân một chất nhờn, do những hạch ở nước miếng nhả ra, vì vậy mình nhện có thể dính vào các sợi dây dính đó.

Loại nhện Cyclose, rất thông thường ở Âu-Châu và Á-Châu đã tỏ ra rất là khôn ngoan. Nó dệt những mẫu lá cây, những xác con vật nó ăn thừa rải rác trên mạng và nó ẩn nấp trong số những thứ đó. Chỉ lúc nào người ta đụng vào mạng nhện mới thấy một cái xác bất động bồng vùng dậy, đó là chú nhện ta.

Có một vài loại nhện khác chỉ ở trên mạng có vài giờ thôi. Nó ẩn ở một nơi kín đáo, nhưng có một sợi dây, ta có thể gọi là sợi dây điện tín, nối liền nhện với trung

tâm mạng nhện.

Khi một con ruồi mắc vào lưới, sự rung động được truyền tới chỗ nó ẩn náu, lập tức nó nhào ra. Có một điều đặc biệt là nhện biết phân biệt sự rung động do những con vật nguy hiểm vương phải. Ngoài ra, nó sẽ nhào tới nếu ta dùng cọng rơm đụng vào mạng nhện, nhưng nếu ta cứ làm thế, nhện sẽ thần nhiên chứ không bị mắc lừa nữa.

Nếu ta cắt đứt sợi dây điện tín, thì trong vòng hai hoặc ba ngày, con nhện sẽ không có phản ứng gì khi mạng nhện bị rung chuyển. Tuy nhiên, trong vòng hai hoặc ba ngày, nhện biết là có sự bất thường xảy ra. Nó đi thám sát mạng nhện và khi thấy sợi dây điện tín bị đứt, nó bèn sửa lại.

Nếu ta cắt đứt sợi dây nhiều lần, nhện sẽ làm một phương cách liên lạc gián

tiếp khác, bằng cách nối những mẫu dây ngắn, vào nhiều điểm trong mạng nhện.

Đôi khi nhện sẵn sàng hủy bỏ một phần mạng nhện khi một con ong lớn dính phải và đang vật lộn để tháo thân, và có thể làm hư toàn bộ mạng nhện.

Nhưng chỉ khi nào cần thiết, nhện mới phải áp dụng cách đó, và khi con vật không mong muốn dính phải, nhện rung rung cái mạng cho con vật đó rớt xuống.

Những loài nhện khác

Nếu đa số nhện đều sống biệt lập, thì cũng có những loại nhện sống chung với nhau thành một xã hội. Ở Mam Mỹ, loại nhện *theridon social*, dệt những cái mạng rộng lớn, nhiều khi đường kính dài hơn một thước, hoặc có thể bao phủ toàn bộ cây cà phê. Nơi đây có cả ngàn con nhện sống

chung với nhau, và mỗi khi bắt được một con mồi lớn, chúng đều xúm lại để ăn thịt.

Nhưng không phải nhện nào cũng dệt mạng để bắt mồi. Có loài nhện đã dùng sợi dây của nó để sắp xếp tổ cho có tiện nghi. Tổ của chúng đào ở dưới đất, phía trong được bao phủ một lớp tơ nhện, và bên ngoài có nắp dầy. Tổ của nó hơi giống một cái giếng, sâu chừng 8 cho tới 10 phân, chung quanh được trát một lớp vữa, do nước miếng của nhện trộn lẫn với đất. Trên lớp vữa là một lớp lụa, lấy tay sờ vào, thấy nó êm dịu. Nhưng không phải nhện dệt lớp lụa này sát vào đất. Trước hết, nó giăng những sợi dây vào tường, rồi sau đó mới dệt lớp lụa lên trên.

Cái nắp dầy tổ nhện hình giống như cái nón. Khi nào nhện muốn vào tổ, nó kéo cái nắp lên. Khi muốn ra,

cái nắp ra. Ngoài ra, lại còn có những lỗ xung quanh và mỗi lỗ có một động kỳ lạ nào đó. Nó đứng, nó ngã vào bờ tường, nó bám vào cái viền làm thành khóa, không con nào có thể vào được.

Tơ nhện cho các máy móc tinh xảo

Nhện có thể ứng dụng trong việc như vậy mà không dùng để dệt lụa kỳ, trong khi nuôi tằm. Người ta thấy tơ nhện bền hơn tơ tằm, hơn nữa một cái nhện với vài loại nhện

có thể cho được 4000 thước tơ.

Nhưng trong thực tế, người ta vấp phải hai trở ngại, Thứ nhất là tơ nhện hết sức là nhỏ, đường kính chưa được 3/10.000 của một ly mét, thứ hai là nuôi nhện rất tốn kém.

Năm 1840, một kỹ nghệ gia người Pháp đã nuôi 400.000 con nhện và cho chúng ăn thịt sống. Kết quả ông đã thất bại vì tơ nhện tinh ra quá đắt.

Khi người Pháp tới chiếm Mã Đảo, họ thấy có một loại nhện ở đây sản xuất ra những tơ nhện màu vàng rất đẹp. Người Pháp cũng đã thử nuôi thứ nhện này, nhưng vì chúng chỉ ưa đánh lộn với nhau nên việc chăn

nuôi rất khó khăn.

Tuy nhiên hiện nay, trường dạy nghề ở Tananarive (thủ đô Mã Đảo) hãy còn nuôi thứ nhện này để dệt lụa, nhưng chỉ với mục đích dạy cho các học sinh.

Quân lực Hoa-kỳ cũng có dùng trong một vài loại máy móc tinh xảo, một thứ tơ nhện của một loại nhện có nọc hết sức độc: đó là nhện latrodectes mà người ta thường gọi nó là «mụ góa đên».

Ở Colombus, loại này mỗi năm sản xuất 6.000 mỹ kim tơ nhện cho quân lực Hoa Kỳ.

Người ta còn dùng tơ nhện để nghiên cứu những sự rối loạn thần kinh của con người.

Quả vậy, người ta nhận thấy, do tác dụng của một vài thứ thuốc độc, những con nhện đã dệt những cái mạng kỳ cục, mỗi loại thuốc

độc lại làm nhện ta dệt một thứ mạng nhện kỳ cục, nhiều khi nó quên lãng không dệt những chỗ chưa dệt, hoặc bỏ dở. Người ta nhận thấy, nếu con người cũng uống phải thứ thuốc độc ấy, thì cũng đáng trí như con nhện vậy. Con nhện như thế một mỗi, lười biếng có những triệu chứng giống như người hay chích morphine.

Nếu cho nhện uống nhiều chất caféine, con nhện có những điệu bộ vô ích, bồn chồn như người đã uống quá nhiều cà phê.

Cuộc tìm hiểu mới được thực hiện, nhưng căn cứ vào những kết quả đầu tiên, người ta hi vọng rồi đây khoa học sẽ hiểu rõ sự thác loạn tinh thần của con người, do những thứ độc gây ra.

Nhện là con vật kỳ lạ, vẫn chưa làm ta hết ngạc nhiên.

midol *trị các chứng đau nhức và cảm cúm*
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Đi đi, đời nay,
trò đời nay,
dữ quá!

ĐU. HUYỀN



Ồ! em đi học, sao em sợ Thầy giáo Cô giáo như

sợ cộp đực cộp cái vậy. Bây giờ học trò coi Giáo-sư không nặng được một gờ-ram nào cả.

— Tại vì hồi trước học trò thường bị thầy đánh. Bây giờ thầy không dám đánh học trò. Trái lại, học trò trở lại đánh thầy.

— Bộ hồi trước Thầy giáo hay đánh học trò lắm sao, Minh?

— Ồ, khỏi chê đi! Nhưng cần phải đính chánh một thành kiến sai lầm của người Tây phương về biện-pháp đánh-đập học trò. Các nhà luân-lý-học Tây-phương thường bảo rằng nước Việt-Nam cũng như Trung-Hoa, Nhật-Bổn, theo chế-độ phong-kiến của Khổng-giáo, coi **Quân, Sư, Phụ** là ba ngôi thứ đáng tôn, đáng kính, đáng sợ, có quyền chém giết, đàn-áp, các lớp người thấp yếu. Cho nên Cha Mẹ có quyền « nói oan », làm quan có quyền « nói hiếp », và thầygiáo thì có quyền đánh đập học trò. Còn người Tây-phương, Âu - Mỹ, « văn minh » hơn, nên họ cho sự đánh đập con nít là dã-man, vô nhân

đạo, và « bên Âu-Tây không bao giờ Thầy-giáo đánh đập học trò, dù là bằng roi, bằng gậy, hay bằng thước gạch. »

Học trò lười biếng, hoặc phạm tội lỗi về kỷ luật học đường, hoặc có những hành động du-côn, mất giậy, thì cũng chỉ bị phạt quì, hoặc phạt viết « Pensum » là cùng. Quá lắm thì đưa Hội-đồng kỷ-luật, rồi đuổi ra khỏi trường. Chứ « mọi sự dùng roi vọt hay gậy gộc đánh học trò, là bị luật pháp cấm-tuyệt trong chế-độ học đường. » Thành-kiến trên đây rất là sai-lầm, và quá xa với thực tế lịch sử. Nhiều người trí-thức trong giáo-giới Việt-Nam cũng dựa theo ý-kiến thiên-vị đó của người Tây phương mà nhận-định rằng chỉ có những xã-hội phong-kiến Việt-Nam, và Á - đông mới dùng phương-pháp dã-man đánh đập học trò.

Nghiên-cứu về sự giáo-dục ở các nước Tây-phương, và các tổ-chức học đường của họ, người ta không khỏi kinh-ngạc thấy rằng chính người Âu-Tây mới dùng phương-pháp đánh đập học-trò một cách tối ư dã-man làm phương-châm giáo-dục ở học đường. Từ trung-cổ cho đến thế kỷ XIX, chế-độ học-đường ở

phương vẫn dùng roi và gậy
vào mông dít và quật vào
(fêrule) làm căn-bản giáo-hóa
nh thiếu niên. Ngay ở thế-kỷ XX
m, một nước gọi là văn-minh
nước Anh, vẫn còn dùng
để đánh đập tàn-nhẫn các em
ở nhiều trường tiểu học.
ng quyền « *L'enfant et la vie*
familiale sous l'ancien régime »
Giáo-sư *Philippe Ariès* (Nhà
bản Plon, Paris, 1960) có
liều tài-liệu xác-thực về lịch-sử
ng-minh phương-pháp giáo-
c thanh-thiếu-niên học sinh ở
y-phương thật là tàn-nhẫn
nhân-đạo gấp năm gấp mười
các cụ Đờ-Nho ở Việt-Nam
ng trong thời kỳ ấy.

— Hồi xưa các cụ Đờ-Nho
y đánh học trò lắm hả Minh ?
ôi 5, 6 tuổi, Minh học chữ Nho,
ắc bị ông thầy đánh tợn lắm
! Minh nghịch một cây mà,
m sao khỏi bị ăn đòn !

— Có một lần, lúc anh 6 tuổi
n ở trường, cặp vở đi học Cụ
i trong làng. Đọc đường, anh
ấy con cua bò dưới ruộng, liền
ống bắt cua. Vô-ý anh dể rớt
yền tập xuống nước ướt nhẹp
t, bùn dính lem cả bìa. Đến

trường, anh bị Cụ Tú bắt năm
xuống đất, quật vào mông dít 20
roi. Hai chục roi mây, đau
kinh thiên động địa, anh
khóc dậy làng dậy xóm, em phải
biết !

Bà Tú tùm tùm cười .

— Tội nghiệp Minh quá !

— Nhưng một đứa nhỏ Việt-
Nam bị đòn như thế đã thối
vào đầu dối với trẻ nít bên Tây-
phương ! Hồi thế-kỷ XVII, vua
Pháp *Louis XIII* vì lên ngôi còn
bé quá, mới 9 tuổi, nên còn phải
học trong Cung. Một hôm vua lười
biếng, lo cơi poupée không học
bài. Quan Ngự-sử (giày Vua học)
nghiêm-khắc hỏi : « Tâu Bệ-Hạ,
tại sao Bệ-Hạ không học bài ? »
ông Vua 9 tuổi vênh-váo đáp :
« Trẫm là Vua, Trẫm không cần
phải học chia Verbe ! » Quan Ngự
Sử bèn lấy roi phếch vào mông
dít của Bệ-Hạ một trận nên thân,
dễ bỏ tật lười biếng ! 30 roi cá-
đuối, em thử tưởng tượng ! Từ
trận đó, Bệ-Hạ tởn cái roi cá-
đuối cho đến già !

— Vua mà cũng bị Thầy giáo
cho ăn đòn ! Kề ra, ông giáo sư
đó cũng cao tay ấn đấy !

— Đùng nói chi vua *Louis XIII*
(1) lúc bảy giờ còn bé bỏng,
không học bài bị Thầy giáo cho
ăn đòn cũng đáng lắm. Ở Việt-
Nam ta, vua *Tự-Đức* đã lớn
rồi, một hôm đi săn bắn xa kinh
thành Huế, chiều bị trời mưa to,
gió lớn về Kinh không được,
phải ở lại ngoài. Hôm sau trời
tạnh, vua đi thuyền về, lật đật
vào chầu Mẹ để xin lỗi. Đức
Từ-Dũ Hoàng-Thái-Hậu liền
mắng : « Bệ-hạ làm Vua, bỏ
cung điện một đêm để đi săn
bắn như thế là có tội với Sơn-
hà xā-tắc ». Nói xong, Bà truyền
lệnh vua *Tự-Đức* nằm xuống
bà cām roimây đánh vua 3 roi. Ngự
tiệc đòn xong, vua *Tự-Đức* còn
phải lạy tạ Đức Hoàng-Thái-Hậu
rồi mới được về Cung. Trước
mặt các Quan Đại-thần, Hoàng
thượng riu riu cúi đầu đi, biệt
có dám khóc !

— Mẹ vua dạy con như Bà
Từ-Dũ, em chịu ! Bên Tây
phương chưa chắc đã có giai-
thoại như thế !

— Hầu-tước *de Boufflers*,
thống-chế nước Pháp (1644-1711)
một vị anh hùng của Lịch-sử
Pháp, lúc còn đi học, chời

ngịch lấy một hột đậu petit-
pois ném vào mặt Thầy giáo.
Lập tức Thầy nổi giận, gọi Hầu-
tước lên bảng, đập cho 30 roi sung
cả hai mông dít, mặc dầu cậu
học trò là con nhà quyền quý
khét tiếng và lúc bảy giờ mới
10 tuổi đã được vua ban chức
Hầu-tước, Thống-đốc xứ Flandres
và Trung-tá Trung đoàn Ngự-
lâm Quân, vẫn còn phải đi học
và vẫn bị ăn đòn !

Anh còn nhớ cũng thời
kỳ 6 tuổi còn ở trường mà đi
học chữ Nho, một hôm cụ Tú
kêu anh trả bài. Anh vòng hai tay
lễ-phép đứng trước mặt Thầy,
đọc : « — Thiên là trời, Địa là
đất, Thất là mất, Tôn là còn,
Tử là con, Tôn là cháu, Lục là
sáu, Tam là ba, Kê là gà, Khuyển
là chó... » Đến đây, anh quên.
Cụ Tú nhắc : « Bần là... » Anh
đọc tiếp : « Bần là khó, Phú
là giàu... » Anh lại quên. Cụ Tú
lại nhắc : « Ngưu là... » Anh tiếp :

(1) *Louis XIII* Vua nước Pháp,
con vua *Henri IV* và Hoàng-hậu
Marie de Medicis. Sinh : 1601.
Làm vua từ 1610 đến 1643.

Lúc còn vị-thành-niên, cai trị
dưới quyền nhiếp chính của mẹ.

«Ngưu là trâu, Mā là ngựa...»
Anh lại quên nữa...

— Sao Minh cứ quên hoài vậy ?

— Tại anh học không kỹ, chỉ ngâm-ngã qua-loa một hai lần rồi chạy đi chơi ! Anh mới có 6 tuổi mà, bắt anh học hoài, tội nghiệp anh chớ !

— Rồi Minh bị Cụ Tú đánh mấy chục roi ?

— Mấy chục à ? Cụ đã đóng sẵn ngoài sân bốn cây nọc đề phạt mấy đứa học trò lười biếng. Cụ căng anh ra giữa sân, hai tay hai chân trói vào bốn cây nọc. Rồi Cụ bảo : « Bài bữa nay, học 120 chữ, tao đánh mầy 120 roi ». Anh còn rướng cõ nói : « Con lạy Thầy, con thuộc được mấy chục chữ, xin Thầy tha cho con mấy chục roi ». Nhưng Cụ Tú bảo : « 120 chữ mà mầy cũng như không thuộc gì hết. » Thế là phần anh hôm đó lạnh đủ 120 đòn. Trưa về nhà, Má thấy hai móng dít của anh nời hàng trăm cái lằn roi rớm máu. Má khóc thối là khóc !... Tội nghiệp Má quá. Từ đó, vì thấy Má khóc

thằng nhỏ thương Má quá, nên từ đó về sau nó không dám lười biếng nữa, nó học thuộc lầu quyền Tam - Thiên - Tự trong 10 ngày không quên không vấp một chữ.

Bà Tú vuốt ve ông Tú và khẽ bảo :

— Tội nghiệp chồng em quá ! Nếu lúc đó có em thì nhứt định em xin chịu đòn thay cho Minh.

— Có một đứa con gái nhà ông Quan lớn trong làng, cũng tới học, cũng không thuộc bài bị Thầy đánh vài ba lần nó sợ quá trốn luôn, không dám tới học nữa. Thời Trung-cổ, Thế kỷ XII đến XIV, ở các nước Âu Tây, học trò không thuộc bài, hoặc bị hạnh kiểm xấu, không bị đánh, nhưng bị phạt tiền, mỗi lần phạt là 2 xu rưỡi. Bọn nội trú ở Trường D'Harcourt có lần tới chủ nhật lên ra ngoài ăn quà bánh, bị bắt được phải hùn tiền nộp phạt cho ông giáo sư 6 đồng.

Bà Tú cười rử rợ !

— Nếu cứ theo tarif đó thì cái đám nữ sinh nội trú trường Gia Long, lúc em ở đấy, mỗi tháng mỗi cô phải nộp phạt ít nhứt cũng vài ghim ! Tội nó

chuyên môn leo tường ra ngoài, không biết làm gì...

— Còn em ?

— Em thì leo tường tối thứ Bảy ra thăm ông Tú của em !

Ông Tú cảm ơn bà Tú bằng một chiếc hôn và nói tiếp :

— Thế kỷ XV, Phụ-huynh học-sinh thấy con em của mình bị phạt tổn tiền quá mà vẫn không cải thiện được mấy, bèn nhao-nhao phản-đối. Nhất là con nhà nghèo không có tiền nộp phạt, thì bị ăn đòn. Dần dần, cái roi được các nhà mô-phạm Âu-Tây coi như là công-cụ tốt nhất để giáo-dục tội học trò ương-ngạnh và không thuộc bài, bất luận giàu nghèo. Chỉ thị của thượng cấp gởi cho các hiệu-trưởng có nói : « Quất roi vào móng dít là phương-pháp trừng phạt tuyệt diệu ở học đường » (La fessée est la peine scholastique par excellence). Giáo-sư Gerson còn nói : « Phải dùng roi để áp-đảo lũ con nít » (contraindre les enfants par les verges). Dần-dần phương-pháp áp-đảo học-sinh bằng roi được tăng cường đối với các trò ngỗ-nghịch. Ở Paris, Giáo-sư Godet không

ngần ngại viết trong một quyển sách sử-phạm rằng : « Đối với những đứa học trò hỗn xược, và lễ với Thầy, tàn bạo với bạn, thì phải lột trường chúng nó trước mặt cả lớp, hoặc cả trường, và đánh cho đến chừng nào thân mình rỉ máu, đó là biện pháp giáo-hóa hữu hiệu hơn cả ».

Bà Tú rùng mình :

— Khiếp ! Trùng phạt học trò mà dã-man thế !

— Đây là ở Pháp. Ở Anh lại còn ghê hơn nữa. Trường học được coi như là một « place of execution », một nơi hành hình ! Tại trường Trung-học Eton có danh tiếng nhất ở Buckingham, sáng lập năm 1440, học-sinh, bất luận lớn nhỏ đều bị đánh tội-bời. Một cậu sau làm bài thơ kê-lễ, có câu :

Một lần tôi bị quất năm-mươi
ba roi,

Máu ướt cả đũng quần...

Ở Eton, cũng như ở trường Trung-học Winchester, học-sinh bị đánh roi hằng ngày. Nhiều vị giáo-sư lại ưa lấy thước đánh trên năm đầu ngón tay học sinh, lối đánh đau nhất, có thể nguy hại

đến thần kinh-hệ và tim.

— Đừng nói chi ở Anh, Pháp, mà ngay ở nhiều trường Việt-Nam, bây giờ đây cũng còn một vài thầy giáo, cô giáo, bắt học trò chúm năm ngón tay lại rồi thầy giáo cầm thước đánh trên đầu năm ngón tay ấy. Có lần em lỡ làm đồ lộn mực lên trang giấy quyền tập chép bài của em, bị cô giáo đánh em lổm đổm. Đau thấy mồ đi!

— Cô giáo nào tàn-ác thế?

— Tại vậy đó mà cô ta 40 tuổi còn ế chồng, Minh ơi!

— Giữa thế kỷ XIX, dưới đời vua **Louis Philippe** (1830-1848) của nước Pháp, một cậu học trò trường Trung-học Mazarin bị giáo sư đánh mấy roi trên đầu, tức quá trò rút trong túi quần ra một con dao nhọn, đâm thầy một nhát vào ngực thầy chết tốt! Do vụ đó làm sôi nổi dư luận phụ huynh học sinh ở Paris. Bộ giáo dục Pháp liền ra nghị định cấm triệt để các giáo sư đánh học trò. Khi Pháp sang đô hộ nước ta, nghị định ấy vẫn được thi hành, và sự dùng roi hoặc thước đánh học sinh được chính thức

cấm triệt trong các trường Việt cũng như trường Pháp vậy.

— Minh à, thế ra sự cấm thầy giáo đánh học trò trong các trường Việt Nam, là thi hành theo nghị định của Bộ Giáo dục Pháp dưới thời vua Louis Philippe từ thế kỷ XIX lặn?

— Ừ. Nghị định đó vẫn có giá trị mãi về sau ở các thuộc địa Pháp, và các nước Tây phương cũng theo Pháp mà đặt ra các đạo luật cấm giáo sư đánh học trò bằng roi.

Nhưng, tai hại thay, cứ chỉ của cậu học trò trường Trung học Mazarin rút dao đâm thầy giáo để trả thù cho trận đòn, đã nêu ra một gương chẳng về-vang gì cho giới học sinh của các thế hệ sau, ở khắp nơi.

Nói đúng ra, học-trò đâm thầy, hay đánh thầy, là một chuyện cũ rích đã có từ đời xưa đời xưa, chứ không phải mới đây. Trở về thời thượng-cổ, Lịch-sử La-Lã, một đế-quốc văn-minh sớm nhất trên địa-cầu, đã có ghi một vụ học-trò đánh thầy rất sôi-nổi, hồi thế-kỷ thứ IV trước Thiên-chúa, dưới thời nhà Độc-tài **Camille** (chết năm 365 trước



Theo lệnh của Camille vị Hoàng-đế độc tài La-Mã, học sinh Etrusques lột quần áo thầy giáo và đánh thầy suýt chết.

(tranh vẽ của Pous-sin, hiện treo tại đền Louvre, Paris)

J.C.). Sau khi dân Etrusques nổi dậy chống La-Mã và bị Camille đánh đại-bại, bị đàn-áp ác-liệt, một giáo-sư Etrusque muốn làng-công (như bọn Việt-gian thời Pháp-thuộc và Nhật-thuộc) với Camille để kiếm bổng lộc và quyền cao chức cả, liền đề-nghị bắt trao cho Camille tất cả những học trò của y, con các nhà-cách-mạng Etrusques. Thấy tâm địa đều-giả vô-liêm-sĩ như thế của viên giáo-sư, Camille không những không tán-thành,

mà còn nổi giận truyền lệnh cho đám học trò bắt trói thầy giáo, lột hết áo quần của thầy, và lấy cây gậy đập thầy toi-bời đến ngắt-ngư, xuyết chết.

Nhà văn Piere de l'Estoile có thuật chuyện dưới thời vua Pháp **Henri III** (1574 - 1589) thầy giáo thường dùng roi và gậy đánh học trò, nhân có cơ hội các thầy giáo đi xem Hội chợ Saint Germain, học trò rủ nhau cầm gươm, dao, búa, gậy, kéo vò



(Photo Giraudon-London)

Thế kỷ XIX, Một lớp Nữ-sinh trung-học ở Ngoại-ô Luân-Đôn (Anh quốc), trong giờ chơi. Các cô em nghịch phá như quỳ. Cô giáo cầm roi đánh nhưng học trò không sợ.

Hội chợ để đánh các thầy giáo, gây ra một cảnh hỗn loạn náo động cả khu **Saint Germain**. Vua Henri III phải ra lệnh cho cảnh sát đặc biệt của trường Đại học Paris đến « tước khí giới » và giải tán đám học sinh hung hăng kia. Năm 1661,

một giáo sư Trường **Beaune**, tỉnh lỵ **Dijon**, đánh học trò quá xá, học trò trả thù tổ chức cho thầy giáo ăn đòn một trận như từ ngay trong lớp học. Sau đó, nhà cầm quyền **Dijon** ra lệnh cấm học trò võ lớp không được đem theo cây gậy và các loại khí giới. Ở

Anh quốc từ cuối Thế kỷ **XVII** đến cuối thế kỷ **XIX**, học sinh các trường cũng thường nổi dậy làm loạn chống lại các giáo sư dùng roi và gậy đánh họ. Năm 1618, Chính phủ Anh Hoàng phải đưa hai tiểu đội bộ binh đến **Rugby** để dẹp một đám học sinh bị các Thầy giáo đánh đập, nổi dậy đánh lại thầy và đốt phá luôn nhà trường. Cuộc nổi loạn cuối cùng xảy ra năm 1832 tại Trung học **Eton**. Đầu tiên, một viên giáo sư nổi tiếng là hung dữ nhất trường, thường cỡi giày ra hoặc lấy các lọ mực để đập lên đầu học trò, có khi phun cả máu ra. Giáo sư bị học trò ném trứng vịt thúi vào mặt, và quăng hết bàn ghế ra sân, đập phá lớp học tan hoang. Chính quyền lập tức cho một đội binh đến để vãn hồi trật tự. Quân sĩ được lệnh dùng cây gậy thay vì súng đạn. Họ đuổi bắt và

đàn áp học sinh bằng gậy đập vào đầu và móng dít. 80 cậu học sinh từ 15 đến 19 tuổi bị đánh tơi-bời, kẻ bị u đầu người bị bầm mặt, sưng mắt, gãy răng, và cuộc « nổi loạn » chấm-dứt sau một trận đòn ác-liệt. Các cậu bé thua trận bị bắt còn bị Hiệu trưởng đánh một trận nữa cho hả giận rồi đuổi nguyên cả lớp. Nhưng thầy giáo cũng bị nghiêm trị và bị đổi đi nơi khác.

— Mình à, té ra học trò các nước ở Tây-phương cũng ngỗ-nghịch và dữ quá, Mình há ?

— « *Nhứt quì, nhì ma, thứ ba học trò* », câu tục ngữ của Việt-Nam đem áp-dụng ở xứ nào cũng đúng cả. Nhưng, ta nên nhớ rằng học trò ngoại-quốc đánh lại hay dám chém thầy giáo chỉ xảy ra trong trường hợp bị thầy giáo đánh đập họ một cách quá dã-man, tàn-nhẫn, vô-nhân-đạo. Chứ không phải

Quing midol là các chứng đau nhức và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

như ở Saigon, lười-biếng bị thầy giáo phạt cũng hăm dọa thầy, làm bài trật bị thầy chửi ầm đứng vọt cũng đánh thầy. Đi thi đem sách theo bị giám-khảo tịch-thu sách, cũng dọa đâm giám-khảo. Đó là du-côn chớ không phải học-trò.

— Thiệt đấy, học trò ở xứ mình bây giờ sao mà dữ quá,... coi thầy giáo không được một gờ-ram nào hết. Thấy mà ngán!

— Đừng vợ đũa cả năm, nghe bồ l... Học trò lớp Đệ Nhị C của tui cả Nam lẫn Nữ, đều

ngoan ngoan như một đoànchiên, dễ thương.lắm cơ!

— Tại Minh không đánh đập, không dữ tợn với học trò, tại Minh cưng các cô Nữ sinh của Minh... chớ với tụi nó Minh đâu có hung dữ như với em!

— Xí! các cô các cậu ấy không thuộc bài, anh cũng bặm môi, trợn mắt, phùng mang... anh... dữ như ông kẹ, chớ bộ!...

Diệu Huyền

NHỮNG CHỮ IN SAI TRONG P.T 177

Trong P.T. 177, trang 16 bài của N.v. Côn, Paris, cột thứ nhất, câu thứ 20, in sai chữ *tranmet*, xin sửa lại : **transmet**.

Cũng trong số này, trang 23 cột một, đoạn chót, xin đọc **Orangeade** thay vì *orangade*.

Trang 9 bài Anh-văn, câu thứ ba, xin đọc **While**, thay vì *Wile*.

Trang 114, câu cuối trang, xin đọc **Winter - Spring** issue, thay vì *Vinter ...*

Trang 27 Xin đọc tên con sông: **Brahmapoutre**, thay vì *Brahmapontre*

Trang 109, xin đọc **Théodora** thay vì *Théodor*

Trang 121, (đáp câu hỏi của Bà Lê-thị-Loan, Nha trang) :

☉ Xin sửa lại như sau đây : « Xin kể 9 hành-tinh của Thái-dương-hệ (Système Solaire) theo thứ-tự **khoảng cách, từ gần mặt trời nhất đến xa mặt trời nhất : v.v ...**

và đoạn cuối trang, thay vì : *Hai ngôi sao sau đây, xin sửa lại : Hai ngôi sao Thủy - tinh và Kim-tinh mà chi tiết sẽ nói rõ sau đây...* Trang 124, thay vì *Lunette astron.* xin đọc **Lunette astronomique**.

Lý do các lỗi ấn loát : vì nhân viên chuyên môn sửa bài P.T. vừa đi quân dịch, nhân viên mới vào thay thế chưa được thông thạo công việc nên dễ lỗi nhiều. Xin bạn đọc thông cảm. Đa tạ.

tiếng nói của gái và trai thể - hệ

**THƯ
VỀ
BA**

□ N. T. T.

(16 tuổi, học sinh lớp đệ II Trung học Pháp)



B

A yêu mến.

Đây có thể nói là lần đầu tiên con viết thật sự một bức thư cho Ba.

Con ngay thẳng mà nói thì những lần trước con chỉ viết thư cho Ba vì buồn phận. Nhiều lúc con cũng muốn tâm sự rất nhiều với Ba, nhưng nhớ lại gương mặt lạnh lùng, nghiêm khắc, cái nhìn có vẻ khinh bỉ của một người cha đối với một thằng con đã bị coi như thuộc hạng « cao-bồi » hư hỏng, thì con ngại vô cùng.

Con tin rằng Ba sẽ tha-thứ cho những ý-nghĩ hơi « thẳng thắn » của con đã viết ra đây. Ở địa-vị Ba, Ba càng biết rõ hơn con, là tuổi trẻ ngày nay đã mỗi một rời. Họ chỉ sống vội vã, xô-bò, chạy theo nếp sống cuồng loạn của Tây Phương. Con hỏi Ba, có một người trẻ tuổi nào có thể không bị lôi cuốn bởi luồng sống mạnh mẽ và thu hút đó không ? Con sống trong tuổi đó và con xin trả lời không một chút do dự rằng : Không.

Con nói đây là tuổi trẻ có đôi chút học thức ở thành thị, loại như con. Chớ tuổi trẻ ở miền quê thì con không hiểu.

Con đã lăn lộn nhiều, và tìm hiểu các giai cấp của tuổi trẻ ngày nay. Trước hết là giai cấp trưởng giả. Ba có thể tin con là giai cấp đó đã hư hỏng hoàn toàn. Họ sống xa hoa quá, chỉ thích tìm một cái gì khác biệt: và chỉ có những chuyện tình lãng nhãng và xác thịt là lối thoát duy nhất. Con trai thì hầu hết là những kẻ hèn yếu, không nghị lực, chỉ thích chơi bời. Còn con gái thì đa số là những người dễ dãi ham vật chất và đầy tham vọng. Đọc tới đây chắc Ba sẽ nghĩ: « Ý, thằng này chỉ đọc sách hầy-bạ rồi nói bỗ-láo!» Thực ra đây là lần đầu tiên con tâm sự với Ba nên con quyết đem những gì con THẤY và NGHE trong lứa tuổi của con để nói cho Ba, chớ không phải con nằm nhà đọc sách rồi tán dóc đâu.

Thành ra hạng thanh thiếu niên trưởng giả, hay nói cho đúng hơn là con những gia-đình trưởng giả, phần đông đáng khinh bỉ nhất. Tiếp đến hạng « trung lưu » thì cũng đáng chê nhiều hơn là khen.

Họ cũng thích đua theo những « mốt » mới, đọc J.P. Sartre (mà họ chỉ hiểu sơ sài lăm-lạc,) và các tiểu-thuyết « đợt sóng mới » của Fr. Sagan, hoặc nghe nhạc kích-động, đi nhảy, đi chơi. Chẳng có đứa nào có một lý tưởng gì hết. (con nói trong số đông bạn bè cùng lứa tuổi và cùng trình-độ học-thức như con, ở Đalat và Saigon).

Sau cùng là tuổi trẻ nghèo khó. Sự nghèo khó và lòng ham muốn theo kiểu « hiện sinh », ham thụ hưởng vật chất, đã đưa số đông những thằng con trai túng thiếu đó đến tình thế đù - dăng, « cao bồi », ăn cướp, hiếp dâm, nhiều khi giết người nữa, vì... hoàn cảnh, Ba ơi!... vì sợ tù tội, vì phải trốn-tránh Pháp-luật v.v... Còn con gái ở lứa tuổi này trong cảnh nghèo, túng, ham vật chất, phần đông thành dĩ-diêm, bán bar, làm gái nhảy, « lấy chồng ngoại quốc ».

Tóm lại, phần đông tuổi trẻ của lứa con bây giờ thật đã hư hỏng hoàn toàn. Chỉ có một số rất, rất, rất ít, là còn giữ một chút gì trong sạch, đáng mến chuộng mà thôi. Họ còn trẻ tuổi quá, ít kinh

nghiệm và thiếu nghị lực đề-chống lại các cạm bẫy trên đường đời. Một cô gái mới đến tuổi dậy thì, rất ngoan hiền, nhưng khi bị bạn bè cùng lớp, cùng trường, hoặc cùng xóm, cùng phố, chê bai là bạn đồ mốt xưa, không biết khiêu vũ, không có « bô », thì làm sao có đủ nghị lực chống đỡ những trận tấn-công đó, ngoài sự hay biết của cha mẹ và gia - đình? Một thằng con trai kín đáo, ngoan ngoãn, chăm lo học hành, nhưng rồi cũng bị bạn bè xấu thỉnh thoảng rủ đi cà-phê, niêm điếm, lần lần quen hơi... và sau cùng sẽ chấp nhận cuộc sống mới lạ thích-thú ấy, mà không dám để cho Cha mẹ hay biết. Nếp sống lén - lút, ngoài gia đình, ngoài học đường và đầy rẫy lỗi-làm đó, trở thành một sự xuống dốc ghê gớm mà chính con đã bị... trong những giờ phút yếu đuối, mù - quáng, mê-dắm. Đến nay con đã hoàn - toàn tình-ngộ, vì những hậu quả tai hại cho việc học hành, cho việc xây dựng tương lai, con mới nhìn lại thấy cái hố sâu thăm thẳm mà, xa Ba, lên Mẹ, con đã bị sa đọa không ngờ.

Nói về tuổi trẻ ngày nay như vậy thì làm sao bắt họ sống một

cách dàng hoàng được? Thời buổi này, họ hết còn ham làm « héros » nữa, mà chỉ thích sống cho lẹ dễ rồi chết. Một phần cũng vì chiến tranh. Một thằng con trai mới lớn lên chỉ lo sống cho thật mau, yêu cho thật nhiều, hưởng tất cả, rồi ngày mai sẽ ra chiến trường và sẽ có thể chết bất cứ lúc nào. Cái tâm trạng của tuổi trẻ chúng con ngày nay đúng ra là như vậy đó Ba à.

Về phần con, thưa Ba, mấy tháng nay nhân dịp nghỉ hè, con chỉ nằm nhà chơi và xem sách, không đi đâu hết. Con chán quá xá cơ rồi. Theo thông lệ, con người thường mơ ước điều này điều nọ, nhưng khi đã thỏa mãn được rồi thì đâm ra chán bỏ. Đó là trường hợp của con. Thật vậy, những gì bí ẩn trong giới thanh thiếu niên trác-táng, con gần như đã biết hết. Bây giờ con đã chán ghét cái chuyện đó rồi thành con có thú thật hết với Ba, con cũng không hồ thẹn. Một thí nghiệm của tuổi trẻ thời đại đó thôi. Con đã qua các chuyện nuôi vợ-nữ, « bao » gái ngoại quốc (ở Saigon có nhiều, Ba à), đó là lúc lên voi. Còn xuống chó thì con đã sống hòa mình vào các hạng du-dăng,

cao-bồi... Con xin Ba đừng giận con vì những chuyện như - nhóp nhựt lạc ấy. Con nghĩ rằng đó chẳng qua là chứng bệnh của thời đại (Le mal du siècle), cũng như thanh niên lãng mạn Pháp hồi thế kỷ 19, và thanh niên Pháp, Anh, Mỹ, Nhật, Đức... cả thanh niên Nga xô sau Đệ - nhị Thế chiến, và hiện nay, bọn Hooligan, Beatles, Blousons noirs, v.v...

Ba sẽ tự hỏi : « Tại sao thằng con trai của ta đã có thể làm được những chuyện trác táng như thế này nó mắc đi học suốt ngày, và trên đầu nó có để ăn xài phung phí với bọn cao bồi ? » Con xin Ba nên có thái độ hoàn toàn khách quan, xin Ba đừng tức giận hoặc buồn rầu, thì con mới dám thưa rõ hết cho ba nghe. Con xin Ba đừng cảm với con, vì con biết Ba thuộc vào hàng Trí-thức khoan dung độ lượng, chứ không câu-nệ như những người cha ngoan cố không chịu tìm hiểu những suy nghĩ thâm - kín của con mình. Và lại, thưa Ba, cuộc thí-nghiệm kinh-khủng của con trong hai năm qua rất có ảnh hưởng đến tính-tình của con hiện nay. Con tin rằng Ba đọc những lời lẽ của con với ý-thức tìm hiểu

tâm-lý tuổi trẻ dễ rồi Ba tha thứ cho lỗi lầm của con trong thời gian đã qua.

Thưa Ba, thật ra lúc con bắt đầu đi chơi, do vài đứa bạn rủ, là cũng vì con hơi chán-nản cuộc sống quá gò-bó, quá ..«Conventionnel», của đời học sinh giữa thế-hệ đang rộn-rịp, nô-nức, chơi bời, và muốn vươn mình lên để thoát khỏi gọng kềm gia-giáo, và xã-hội, học đường. Tâm hồn đang bùng cháy của con chỉ chờ dịp là tuông ra. Con muốn tách ra khỏi đàn trừu để đi tìm hiểu cuộc sống tự-do hơn. Cũng giống như «La chèvre de Mr. Seguin» của nhà văn Alphonse Daudet vậy đó. Ba sẽ mắng con : Mày sống sung sướng quá, được Mẹ nuông chiều, cho ăn mặc đầy đủ, dàng hoàng, không thiếu thốn gì cả về vật-chất lẫn tinh-thần, mà sao lại bảo là bị kềm-chế ? » Vâng, nhưng thưa Ba, một thanh-thiếu niên thích sống an-phận, hèn yếu, thụ-dộng, thì chắc là bằng lòng cuộc sống theo truyền thống cổ-diễn đó. Nó sẽ học thành tài, sẽ ra đi làm ngày 2 buổi đều đều, sẽ lấy vợ, đẻ con, rồi sẽ chết. Giản dị quá. Con thì khác hẳn. Con không thích như thế. Con chịu những

cảm xúc mạnh, thích đứng trước nguy hiểm. Thích xông vào những cái gì mà kẻ khác sợ. Cái tính tình đó đã thể hiện từ thuở nhỏ, và cũng vì thế mà con đứng lên cãi lộn với một ông giáo sư quá độc tài, hay đàn áp đánh học trò quá hèn yếu. Như vậy, là con thích sự tự do. Ngay như nghề nghiệp về sau cũng vậy, con định sẽ học về ngành kỹ sư hàng không, hoặc bác học nguyên tử, những ngành không bị cuộc đời hoặc đồng tiền chi phối. Mình được tự do thì thổ khả năng của mình để giúp ích được phần nào, dù là chút ít, cho dân tộc, cho đồng bào hay là cho nhân loại, mà không bị gò bó trong một khuôn khổ đầy thành kiến hủ lậu và giả tạo theo mệnh lệnh của danh lợi hay tiền tài. Và do ý nghĩ bằng bột sơ khởi đó, con đã dẫn thân vào một cuộc sống quá mới lạ (đối với tuổi con), quá rộng lớn, mà lần đầu tiên con được tiếp xúc. Dĩ nhiên

là con đã phải lén lút Mẹ, và con đâu dám viết thư nói thật cho Ba nghe. Lúc đầu con sống thật thoải thích, nhưng đồng thời con bị vấp ngã ngay. Đó là mối tình đầu của con, mon premier amour. Từ lúc con biết suy nghĩ con đã tin (quá ngây thơ !) là có tình yêu thật sự. Con tin tưởng rằng nếu mình thương ai thì người đó cũng thương lại mình. Bị vấp ngã lần đầu tiên, con choáng váng nhưng con vẫn còn tin tưởng nơi tình yêu lý tưởng. Đó là cái sai lầm lớn nhất của con trên phương diện tình cảm của một thằng con trai mới lớn. Và con vẫn đi tìm tình yêu từ người con gái sang giàu, hoặc « chịu chơi » đến hạng con gái nhà nghèo, sau cùng là hạng điếm. Tất cả là những vấp ngã chua chát vô cùng. Con bắt đầu hiểu rõ cuộc đời hơn và con đi tìm những tình yêu tạm bợ bằng cách nuôi một vài tuần hạng vũ nữ hoặc gái bar. Đối với những loại



... cần có tiền là được, tuổi
 anh-tình, sự xấu đẹp không
 qua gì đến. Và tiền thì con
 gì mà có? Đúng lúc đó thằng
 rừ con đi buôn thuốc phiện
 con nhận lời ngay. Phần vì
 mò, thích mạo hiểm, phần
 tiền để giải quyết nhiều
 a. Những chỗ chứa thuốc,
 g chỗ hút, con đều biết qua
 ay là con biết ghê sợ không
 rở vào món thuốc độc ấy.
 h buôn thuốc phiện này tổ chức
 ật chu đáo không thể tưởng
 g được. Con không viết ra
 àm gì nhưng ví dụ cảnh sát
 được một nhà chứa thuốc,
 những thằng đầu sỏ,
 hệ - thống chính của
 àn không lay chuyển. Ở Sai-
 1 kí lô thuốc đen là 10.000đ
 biết chỗ, ở Dalat một
 thành 50.000đ, hoặc 70.000đ
 đó dường bị gián đoạn luôn
 . Thật là kinh khủng ngoài
 tưởng tượng của con. Trung
 mỗi chuyến lời được 40.000đ

Nhưng nguy hiểm không thể tả.
 Phần con chia được 9, 10.000đ, và
 nhờ đó con có tiền để « bao »
 chỗ này, lấp chỗ kia... Nhưng chỉ
 được 2 lần thì thằng L. chơi xỏ
 rồi trốn luôn. Con chám nản và từ
 từ rút lui ra khỏi cuộc sống phiêu
 lưu, khốn nạn đó.

Một năm nay con đã tự cứu
 lấy con rồi, và bây giờ, ngoài
 những giờ học bài, làm bài, con
 chỉ đọc sách, không đi ra phố
 nữa. Con đọc toàn những sách
 nghiên cứu về khoa học không
 gian và hàng không, và các sách
 chính trị. Tuy mới 16 tuổi, nhưng
 con cảm thấy con người của con
 trưởng thành lạ không thể tả. Con
 nhìn lại cái thằng người của con
 trước kia, và tự nghĩ: « Đó phải
 thật là con người trước của mình
 không? » Thật vậy thưa Ba, con
 đã « mủ » rồi, như một trái cây
 đã chín sớm trong lúc đầu mùa,
 một phần do cuộc sống đã qua
 tạo nên. Vì thế đối với những
 thằng bạn học trong trường, con

tự thấy cao hơn chúng nhiều quá.

Nhiều thằng còn nói chuyện
 nhảy đầm, chơi đêm, và các chuyện
 cao-bồi, du-đăng, con thấy chúng
 nó trẻ-con không thể tả. Thật ra
 nếu không nhờ cái nhảy vọt quá
 sớm và quá xa của con vừa qua thì
 con cũng vẫn như chúng nó, vẫn
 vô-tư, ngớ-ngẩn, đời nói suốt
 ngày... chẳng đứa nào có một lý-
 tưởng gì cao đẹp cả, cứ mặc kệ
 cho đời sống buông trôi, rồi...
 « que sera sera... ». Đó là những
 thằng đã đỗ Brevet như con, đang
 học thi tú-tài I, II và đã biết « suy
 nghĩ » đôi chút, biết « yêu » theo
 quan-niệm chất-phác ngây-thơ của
 « tuổi trẻ » từ 13 tuổi trở lên. Còn
 con bây giờ thì những quan-niệm
 đó chín-chắn hơn, không còn mù-
 quáng, biết cân-nhắc trong mỗi
 hành-vi, hoặc ý-nghĩ, suy-tư. Con
 hết ham đọc chuyện gián-điệp,
 chuyện tình-cảm lãng-nhãng, hoặc
 các loại thơ mơ-mộng hão-huyền,
 bông-lông vô nghĩa, không đi sát
 vào những khía cạnh tàn-nhãn của
 đời, mà tuổi trẻ đời nay chỉ tìm
 cách lẩn-trốn.

Con đã dám nhìn thẳng vào sự
 thật, nhiều sự thật ghê tởm. Con
 tự thấy những tánh xấu của con,

và đã khinh ghét những chuyện
 tình « lý-tưởng », ba xu, những
 « thần-tượng không-lò bằng đất
 sét », — colosses aux pieds d'argile
 trong trí-óc ấu-trì, ngớ-ngẩn, của
 thanh thiếu niên thời đại.

Con đã bắt đầu tìm thấy những
 cái hay trong các chuyện nghiên-
 cứu về Lịch-sử Dân-tộc V.N, lịch
 sử thế-giới, chính-trị, và khoa-học
 nghệ thuật, nhất là khoa học không
 gian, khoa học nguyên tử. Hấp-
 dẫn kinh khủng. Theo con nhận-
 xét, một thằng thanh thiếu niên
 ngày nay, xứng đáng với danh-từ
 tốt đẹp ấy, cần phải trước nhất :
 có Nghị-lực, nghị-lực càng mạnh
 bao nhiêu mình càng tự tin vào giá-
 trị và khả năng của mình bấy
 nhiêu. Một số người cho rằng tánh
 tốt nhất là « thương người »
 (theo kiểu nhà văn Nga Dostoievsky)
 hoặc tánh hay tha thứ, v.v., nhưng
 thử nghĩ nếu không có nghị lực,
 không tự tin mình thì làm sao có
 thể để ý đến người khác và
 thương người được, phải không
 Ba? Con học được tính nghị lực
 chính trong thời gian chơi bởi
 phung phí, vì con thấy phần đông,
 có thể nói là hầu hết con người
 thường bị sa ngã vì không có

Đừng midol
 Mọi các chứng đau nhức
 và cảm cúm
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

ngộ lực để chống lại những cảm dỗ cam-bẫy-cửa đời. Thường một người con trai bị lêu lổng, hoặc một người con gái bị hư hỏng cả cuộc đời cũng chỉ vì thiếu nghị lực. Trong các trường hợp đó, tánh thương người, hay tha thứ như Dostoievsky có cứu vãn gì được đâu ! Ba nghĩ xem con nói có đúng không ?

Vì con còn ít nghị lực (con đang cố gắng trui rèn nó) nên con cố tập những tính thú vị và xét đoán chín-chắn hơn. Lúc này con hết còn ầu-tả công-kích ai nữa. Mỗi khi con thấy gì gai mắt, thay vì đá kích lung tung, con ráng tìm hiểu duyên-cớ và nếu duyên-cớ đó đúng thì con bỏ qua hết, trái lại thì con ráng sửa đổi những sai lầm. Con áp-dụng phương-pháp đó với những người giúp việc trong gia-đình. Riêng con đã tự có biện pháp để phòng kỹ rồi, con không sợ bị lôi cuốn vào cái hố sa đọa nữa. Con biết nếu sau này con bị khó khăn và xui-xẻo gì thì cũng do nhược-điểm « thiếu nghị-lực » mà ra. Nhưng, thưa Ba con bây giờ cũng như một con nai

con (như tên Bambi mà Ba đã đặt cho con lúc ra đời). Nai con hiểu rõ về sức mạnh của con hồ, sợ nó vô cùng và đề phòng nó thật kỹ-lưỡng... Chỉ ngại rằng con hồ đột ngột từ đâu xuất hiện thì con nai đáng thương kia vẫn bị vồ bắt như thường... Phải không Ba ? Nhưng con nhớ câu tục-ngữ của Pháp : « La peur du gendarme est le commencement de la sagesse ». Biết sợ..., tức là bắt đầu biết khôn rồi vậy... Thưa Ba, con sẽ cố gắng biết sợ và biết khôn.

Con hôn ba rất nhiều.

Con trai của Ba.

N.T.T.

Lời tòa soạn.— Chúng tôi rất hoan nghinh và sẽ tiếp tục đăng những tâm sự chân thật của các bạn trẻ từ 15 đến 30 tuổi, như bài của em học sinh trên đây (Thư gửi về Ba). Mong các bạn trình bày những cảm nghĩ thành thật của bạn. Nam, Nữ, về bất cứ một vấn đề gì, hoặc một hiện trạng gì của hiện đại, liên quan hoặc không liên quan đến tuổi trẻ của bạn.

ĐÍNH CHÍNH Ở P.T. SỐ NÀY

Bài « Bức thư Paris » của ông N.V.Cồn, trang 13 dòng 21 : le zéro du néant, xin sửa lại les zéros du néant.

Đa tạ



● DIỆU-HUYỀN

* Nhân tin, Cô Anh-Thư.

Tôi tên N.N. Xuân, số nhà 528/15/3 đường Trương-minh-Giảng Saigon. Cần thương lượng với cô ANH THƯ ở đường Võ Tánh Saigon, vì đọc trên báo Phổ Thông số 175 tôi thấy cô sắp qua Pháp du học. Hiện tôi có một vé máy bay đi Saigon — Paris (khứ hồi) — vé này hiện để tại nha Hàng-Không V.N.— Xin cô vui lòng cho tôi biết địa chỉ của cô hoặc xin mời cô đến địa chỉ trên để thương lượng (bớt 1/3).

— Xin chân thành cảm tạ ông chủ-nhiệm tạp-chỉ Phổ-Thông.

N.N. Xuân

* Của Ô. Cornette, 6 Gia-Long, An-Xuyên (Cà-Mau)

● Ma đê ?

... Hôm nay tôi muốn hỏi bà Tú một hiện tượng quá cũ kỹ nhưng đối với chúng tôi thì rất muốn tìm hiểu.

Trong một căn phòng mà hằng ngày tôi làm việc, nguyên trước kia là Phòng Thăm Vấn của Ông Cô Tây trào thực dân. Theo lưu truyền thì một số can phạm được đưa đến Thăm Vấn và đánh đập chết tại phòng này. Ngày hôm nay phòng vẫn còn sử dụng trong việc Thăm Vấn, mỗi lần cấm trại chúng tôi đều vô trong phòng này ngủ, thí dụ trong số 10 người thì đã 8 người bị « ma đê », trong số đó tôi là kẻ chưa gặp.

Vào một hôm, đêm (01.8-66) trong phòng chỉ có một mình tôi ngủ, tôi ngủ rất sớm nên độ 24 giờ (nửa đêm) trong khi đang ngon giấc tôi bị giật mình bởi một bóng đen bằng cái thùng không có đầu đuôi, vờ tôi đè trên mình tôi, tôi rất bình tĩnh sự kiện kể trên tôi đều nhớ rõ, tôi cố vùng vẫy nhưng vô ích, tứ chi bị tê liệt duy có hàm răng hoạt động được. Sau một lúc bóng đen ấy tự tan biến, tôi thức giấc mồ hôi ướt cả mình nhưng tôi không buồn tìm hiểu và cũng không có hề sợ sệt. Tôi tiếp tục ngủ và thiếp tự hồi nào mà không hay, nhưng theo tôi đoán có lẽ vào khoảng 01 giờ 00 thì lại xảy ra hiện tượng ấy nữa. Lần này « ma » chỉ đè trên cổ họng tôi, nếu đè lâu tôi có thể bị nghẹt thở mà chết mất, tuy chỉ đè nơi cổ nhưng toàn thân bất động và lần này tôi không thấy bóng « ma » nữa. Vì có lẽ « ma » giận tôi bởi sau lần bị đè tôi hăm rằng sẽ dùng súng bắn nếu « ma » đến đè lần thứ 2.

Sau 2 lần bị đè sáng ngày 02-8-66 tôi khan tiếng mà ngày hôm nay vẫn nói giọng vịt xiêm được.

Thưa bà Tú, thế nào thế nào? Tôi quả quyết rằng không có « ma » gì hết, nhưng đối với sự kiện trên có phải « ma » thật không? mà tại sao có bóng đen và tình trạng khan tiếng? Tuy trong mình tôi rất mạnh và từ trẻ sơ sinh đến nay chưa hề bị một lần gặp ma. Tôi đang trông đợi bà Tú trả lời lắm đấy!

Cuối thư, kính chúc Ông, Bà Tú và toàn thể Ban biên tập Tạp Chí Phổ Thông mạnh hầu sớm lần đầy chiếc xe văn hóa Dân Tộc Việt Nam Tự Do đến mức độ cường thịnh, và để có đủ sức lực khoẻ khoắn hầu phát hành được sớm đến tay chúng tôi vì như số 176 kỳ rồi mãi đến ngày 27-8-66 mới thấy bóng Phổ Thông đến thành phố Cà Mau

làm chúng tôi trông đợi không khác gì những đứa trẻ đợi mẹ đi chợ về.

T.B.— Tôi người Việt gốc Miên, đã có lệnh gọi nhập ngũ vào năm 1962, tôi bắt phục tùng như vậy có tâm nã chưa? Về sau tôi đỗ bằng Trung Học, nay tôi muốn theo học khóa Sĩ Quan Trừ Bị (vì người Việt gốc Miên có bằng Trung Học sẽ ưu tiên được theo học) nếu có tâm nã rồi thì việc tình nguyện có trở ngại không? Tôi xin bà Tú tìm hỏi giùm và trả lời được hoặc không thôi vì tôi đã có liên lạc với Tiểu khu Địa-Phương rồi.

Mong Bà Tú đáp.— Kính chào và xin cảm ơn Bà Tú Diệu-Huyền.

* Đáp.— Hiện tượng ông kể trong thư, không phải là ma. Nhưng chắc chắn căn phòng thăm vấn ấy chật hẹp, âm-thấp, và có cửa sổ và đo đó thiếu không khí, ban đêm ngủ đóng kín cửa chắc bị nghẹt thở. Còn bóng đen như cái thùng nhất định không có thật. Đó có thể là do tự kỷ ám-thị (auto — Suggestion), hoặc do yểm mộng (cauchemar). Dù sao cũng bị ảnh hưởng bởi nhiều lời đồn đãi về sự xuất hiện của ma trong căn phòng, trí óc mất ổn định tưởng tượng ra một vài hiện tượng quái gở có thể xảy ra chung quanh mình. Mắt chỉ « thấy » xuyên qua trí tưởng tượng chứ không phải trong thực tế.

Xin nói rõ: trên cõi trần ô-trượt này không phải không có ma. Khoa học huyền bí đã xác nhận sự hiện hữu của ma, nhưng chưa giảng giải được. Ma hiện ra luôn luôn dưới hình thức bóng người mờ-mờ trắng, ít khi dưới hình thức các đồ vật như chiếc thùng mà ông đã nói trong thư.

Sự ông tức ngực, và khan tiếng như tiếng vịt-xiêm-đực, là do sự nghẹt thở vì không khí ẩm thấp, thiếu thốn, nặng nề trong căn phòng âm-u rừng rợn đó. Ông ngâm các loại pastilles và uống một vài potions bổ phổi (hỏi Bác-sĩ) thì con ma khan tiếng sẽ biến mất.

— Việc ông muốn học khoá S.Q.T.B. chứng tỏ thiện-chi của ông quyết phục-vụ Quân-Đội, thì chắc chắn ông sẽ được mãn nguyện.

★ của cậu Trần Quang Huyền, Học-Sinh Đệ II, Quảng Ngãi.

● BỨC TRANH KHÓ HIỂU

... Em vừa mua quyển Phở Thông số 176 ra ngày 15-7-1966. Chúng em rất ngạc nhiên về bức tranh in nơi trang bìa, mà em và các bạn tìm mãi không hiểu, không ra một đề tài nào cả.

Mong chị hãy giải đáp giúp cho tụi em. Em thành thật cảm ơn chị.

À quên nói em là độc giả trung thành với Phở Thông. Thưa chị mấy kỳ nay Phở-Thông trễ lắm, ngoài này tới 26-7 mới có. Mong chị cố gắng hay ra đúng ngày cho chúng em khỏi mong đợi.

● Lời DIỆU HUYỀN. *Bạn đọc nào hiểu ý-nghĩa bức tranh đó, xin vui lòng trả lời giúp. Tòa soạn sẽ đăng câu trả lời nào đúng nhất.*

★ Của cô Trần-thị Diệu-Tú, Nữ-sinh T.Q.Toàn, Saigon

● Trả lời cô HƯƠNG THỊ MỘNG BẢO, Đà Lạt

(*thư đăng trong P.T. số 177*)

... Em kính nhờ chị Diệu Huyền đăng giúp vài lời

của em: đáp thư cô nữ-sinh Đại-lạt, trong P.T. số gần nhất, nếu có thể được. Em xin kính tạ ơn Chị và quý Tòa soạn.

Cô MỘNG BẢO, tôi xin trả lời vài điểm thời trong bức thư khá dài của cô :

1.— Cô bảo Thầy đi xe Huê-Kỳ là «chuyện đời tư của cá nhân». Phật-tử không có quyền chỉ-trích.

XIN ĐÁP : Một vị Tăng-già không có quyền có «đời-tư cá-nhân».

2.— Cô bảo : Xe-hơi Huê-Kỳ là «của tư của Thầy đi, chờ việc gì đến cô Diệu-Tú ?

XIN ĐÁP : Một vị Tăng-già không có quyền có của riêng tư, dù là chiếc xe hơi Mercedes đáng giá 1 triệu bạc, hay là Villas cất cho Ngoại quốc mướn, đáng giá hơn 1 triệu.

Cô không tin, xin hỏi Chủ-Thượng Tòa xem giới luật nhà Phật có cho phép như vậy không ?

3.— Chúng tôi là nữ-sinh Phật-tử mới quy-y, đang học hỏi Quý Thầy về Giáo-lý cao-siêu của Đạo, và hiện đang dùng thì giờ rảnh để nghiên cứu về các Kinh sách của Đức Phật, dưới sự hướng dẫn của quý vị. Đại Đức Giáo sư của trường. Bài tôi trả lời đây cho cô đều do những lời giáo-huấn của Thầy dạy về giới luật Thiên-môn.

4.— Cô nói đến bậc « chơn-tu cao-siêu » (!). Xin đề 12 triệu Phật tử miền Nam luận-xét và quý vị Độc-giả phê-phán. Cô khỏi nói nhiều, mắc tội « vọng ngữ » đấy.

PHỒ-THÔNG — 178

● **Của Ông. Lạc-Hùng, Kỹ sư Điện-lực. Pnom Penh (Cambodge)**

● **Tương-Đối-thuyết của Einstein.**

.. Ông Tú giảng về thuyết Tương Đối cho Bà Tú nghe, kẻ cũng đã rành rẽ lưu loát lắm rồi. Vợ chồng chúng tôi nghe vợ chồng ông Tú nói chuyện, thật lấy làm thích thú. Nhưng sẵn câu chuyện còn đang sốt.đỏ, tôi muốn xin Ông Tú và Bà Tú cho phép tôi xen vào một vài câu cho vui. Chắc ông Tú không hẹp lượng và Bà Tú cũng sẵn sàng nghe trong khi Bà lược hột vịt lộn cho ông Tú xơi.

— Sự tương đối của thời gian liên-hệ đến cả sự tương đối của những chiều dài (la relativité des longueurs), và do đó liên hệ luôn đến sự tương đối của không gian. Thành thử trong thực tế, cái dài của Không gian (longueur) với cái dài của thời gian (durée) ăn-khớp với nhau, hòa hợp vào nhau thành đơn - vị tính : Thời - Không - gian (Espace - temps). Do tính chất phối - hợp của Thời-gian và Không-gian, nhà Bác-học Lorentz đặt ra hai công-thức sau đây :

$$I) \quad F = \frac{1}{V_1 - \frac{V_2}{C_2}}$$

V = Vitesse relative (tốc-độ tương-đối của 2 người quan-sát khác-nhau.

C = tốc độ của ánh sáng (300.000 km/s.)

F = Force, khối-lực.

Khi tốc-độ tương-đối V thấp quá không đáng kể, thì khối-lực F = 1, nhưng khi tốc-độ tương-đối V vọt lên kịp

tốc-độ C của ánh sáng thì khối-lực F biến thành vô-tận. Như ông Tú đã giảng cho Bà Tú, tốc-độ của ánh sáng là tốc-độ tuyệt-đối, bất di bất dịch, tốc-độ giới-hạn trong vũ-tru (Vitesse limite).

Do đó, có công-thức thứ hai của Lorentz :

$$II) \quad V = \frac{V_1 + V_2}{1 + \frac{V_1 V_2}{C^2}}$$

Xin coi lại bài giảng của ông Tú ở P.T. 177 trang 99 và 100. Khi công-thức trên đây chỉ để bổ-túc vào cho thêm sáng tỏ công-thức E = mc² của Einstein.

● **Của em Trần Thanh Như, Đệ IV Chánh Hưng, Quảng Ngãi.**

... Tức cười quá chị ơi ! ở quê nhà em có 1 anh thanh niên, năm nay đúng 24 tuổi, anh ấy vào Saigon làm ăn năm 1956, nhưng vì duyên cớ nào đó, năm 1958 anh qua Lào và từ đó không có cánh thư nào về cha mẹ cho đến nay là 8 năm. Khoảng tháng 10 năm ngoái anh có biên thư về gia đình và bảo là anh ta đã đậu cấp-bằng **Bác-Sỹ ở Paris**, khiến cho dân làng xi cũng chép miệng : « Thăng học giỏi lạ thế ! » và Bà Mẹ có vẻ hãnh diện vô cùng vì có con đậu **Bác-sỹ ở Paris !**

Em hết sức ngạc nhiên, vì từ khi đi đến nay là 8 năm, trong khi đi anh chỉ mới biết đọc quốc ngữ viết chưa ngay

giờ, thế mà bây giờ đã đậu Bác-sỹ ? Nào là 5 năm tiểu-học, 4 năm THĐNC, 3 năm THĐIC, 6 năm y-khoa mà đậu Bác-sỹ chỉ trong vòng 8 năm ?! Hay là bên Paris có trường đào tạo Bác-sỹ cấp-tốc ?!

Nay em biên thư vào nhờ chị cho biết ở Paris có trường Đại học đào tạo bác sỹ cấp tốc như vậy không ? Để em xin vào học và luôn tiện nhờ chị cho em biết thế là nhập học ! rất cảm ơn chị ... Tụi em đôn g lăm, đang chờ tin chị đây

● **Đáp :** Chị không tin rằng ở Paris có trường Đại-học cấp tốc nào như thế.

● **Diệu Huyền**

cần mua và tìm cho được quyền :

THÀNH NGŨ ĐIỂN TÍCH DANH NHÂN TỪ ĐIỂN

của giáo sư Tịnh-vân-Thanh và nhóm giáo sư SIẾNG HỌC biên soạn.

Do nhà xuất-bản VĂN phát hành vào đầu tháng 8 dl-1966.

Cần Đến kinh kỳ, Bần hàn đã dượt, hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống :

Lời Công Hoàn « ÔNG TIÊN ». Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt

Saigon 228 Lê-hánh-Tôn. Nhà thuốc «**Ông Tiên**» Phú-Lâm Cholon

K.N. BYT. số 1 — 9-5-63

Phong Ngựa, Ghê chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà

hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »**

30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.

Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 — 9-5-63)

PHÂN ƯU

★ Được tin cụ **Trần-văn-Đôn**, cựu Đại sứ Việt Nam, thân phụ và nhạc phụ của cựu Trung Tướng **Trần-văn-Đôn R.** và cựu Trung Tướng **Lê-văn-Kim**, đã tạ thế tại Saigon, tôi xin trân trọng phân ưu cùng hai vị Trung Tướng và tang quyến.

Thành kính cầu nguyện cho vong linh Cụ được tiêu điều miền cựu lạc.

NGUYỄN VỸ

★ Được tin cụ **Nguyễn-hữu-Tự**, thân phụ của ông **Nguyễn-khắc-Thiệu**, giáo sư Trung học, Tổng thư ký Hội Đồng Thị Xã Huế, vừa tạ thế tại Huế, tôi xin kính gửi lời trân trọng phân ưu cùng ông **Nguyễn-khắc-Thiệu** và tang quyến. Thành kính cầu nguyện cho vong linh cụ được tịnh độ về Tây phương Thế giới.

NGUYỄN VỸ

CẢM ỌA

Chúng tôi chân thành cảm tạ.

Chư Thượng Tọa, Đại Đức, quý Đoàn, quý Khuôn, quý Vị Đại diện các Nha, Ty, Sở, Trường cùng toàn thể Làng, Xóm, thân bằng quyến thuộc đã có lòng săn sóc, cầu siêu, hộ niệm, phân ưu, phúng diếu và tiễn đưa linh cửu chông, anh, cha chúng tôi là :

Ông NGUYỄN-HỮU-TỰ hưởng thọ 64 tuổi đến nơi an nghỉ cuối cùng. Trong lúc tang gia bối rối, có điều gì sơ suất, kính xin quý Vị niệm tình tha thứ cho :

Vợ : Bà quả phụ Nguyễn hữu Tự

Em : Ông Nguyễn hữu Kiềm cùng vợ và các con, cháu

con trai: Nguyễn thế Anh vợ và các con, Nguyễn khắc Thiệu vợ và các con Nguyễn nhật Tứ vợ và con

con gái và rể

Nguyễn văn Tấnh, Nguyễn thị Sầm, và các con Trần-Khôi, Nguyễn thị Lương Nhơn và các con, Hoàng trọng Hoạt, Nguyễn thị Lương

Huê và các con, Nguyễn hữu Sang, Nguyễn thị Thiệu Hoa và con cùng tang gia đồng bái tạ.

EM NHỎ
NÔNG!

Hãy

cho em nông



THUỐC BAN NÔNG KIM-QUAN
(RAKI MID KIM-QUAN)

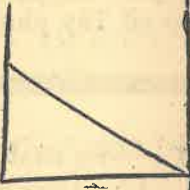
NHA THUỐC TÂY KIM-QUAN
SỐ NGANG CHỢ BẾN 9, PH. S. H. N.

K.N số 260 ngày 20-6-63

KINH-LÝ VĂN - PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

Điện-thoại 23. 187



Phạm-văn-Lạng

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

Giấy phép số 292 CDVITTING ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231.233, Phạm-Ngũ-Lão — Saigon

KD số 2173 ngày 17-6-66